Nguyên tác: **A SEARCH IN SECRET EGYPT**
của **PAUL BRUNTON**
NGUYỄN HỮU KIỆT *Biên dịch*



AI CẬP
HUYỀN BÍ

ẤN BẢN MỚI NHẤT

EGYPT

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Mục lục

AI CẬP HUYỀN BÍ

Paul Brunton
www.dtv-ebook.com

Chương 1: Một Đêm Với Thần Tượng Sphinx

Người du khách cuối cùng đã về; người hướng dẫn viên cuối cùng đã lập lại đến cả ngàn lần những điều hiểu biết của mình để giới thiệu cho du khách ngoại quốc về xứ cổ Ai Cập. Một bầy lừa mệt mỏi và đàn lạc đà bất kham đã lần bước chậm chạp trên đường về, với những du khách cuối cùng trong ngày.

Trong khung cảnh xứ Ai Cập, bóng hoàng hôn có một vẻ đẹp siêu nhiên và khó quên. Mọi vật đều khoe màu đổi sắc, giữa khoảng trời đất bao la nổi bật lên những khoảng tương phản lạ lùng.

Tôi còn ngồi lại một mình trên bãi cát vàng, đối diện với pho tượng Sphinx hùng vĩ oai nghiêm tuyệt trần. Tôi nhìn một cách say mê cái cảnh tượng những màu sắc mỏng manh như sương phai mờ dần một cách nhẹ nhàng, trong khi mặt trời lặng đã cất đi những ánh vàng lộng lẫy trên nền trời Ai Cập. Những ánh lửa diệu huyền, nét huy hoàng tuyệt đối mà mặt trời lặn của châu Phi còn bỏ sót lại trong không gian, có ai tiếp nhận bức thông điệp thiêng liêng của trời mà không cảm giác được trong giây lát cái phút lạc lõng của cõi Thiên Đàng... Niềm phúc lạc đó sẽ còn tồn tại khi con người chưa đến quá nỗi trụy lạc trong vòng trần gian ô trược, trong sự sa đọa tâm linh, nó sẽ tồn tại khi con người còn biết yêu vần Thái Dương nầy là nguồn góc của sự sống và của bao nhiêu màu sắc huy hoàng lộng lẫy xuất hiện trước mắt ta. Cổ nhân xứ Ai Cập thật ra đã không kém minh triết khi họ tôn thờ Râ, biểu tượng ngôi mặt trời, mà trong thâm tâm họ coi như một vị Thần...

Trong bối cảnh hoàng hôn Ai Cập, dưới một nền trời xám ngắt đã tối mờ dần, tôi nhìn pho tượng đá Sphinx mỗi lúc càng sậm màu, cho đến khi những tia nắng vàng sậm cuối cùng đã tắt hẳn và không còn chiếu vào gương mặt lạnh lùng bí hiểm của nó nữa. Hình thần tượng Sphinx nhô lên giữa bãi sa mạc mênh mông gương mặt khổng lồ, than hình nằm duỗi ra, trải qua nhiều thế hệ đã từng gây sự sợ hãi cho những người Ả Rập dị đoan, và làm ngạc nhiên những người du khách hoài nghi, mà bằng chứng là những câu hỏi từ người lữ khách, lần đầu tiên con quái vật khổng lồ xuất hiện trước đôi mắt kinh ngạc của họ. Pho tượng đá bí hiểm mình sư tử đầu người này có một sức hấp dẫn rất lạ lùng và phức tạp đối với bao nhiêu thế hệ du khách. Nó là một sự bí mật đối với người Ai cập, và một bài toán bí hiểm cho toàn thế giới. Ai đã điêu khắc ra nó... Vào thời đại nào... Không ai biết được. Nhà Ai Cập học chuyên môn nhất cũng chỉ đưa ra những giả thuyết vu vơ về ý nghĩa và lịch sử của hình thần tượng Sphinx.

Dưới ánh sáng le lói cuối cùng của một ngày đã tàn, đôi mắt tôi ngừng lại trên đôi mắt bằng đá của pho tượng thản nhiên bất động. Nó đã từng thấy hằng bao nhiêu là tỷ ức người lần lượt đến trước mặt nó, với những cái nhìn im lặng, đưa ra những câu hỏi không lời và không giải đáp, rồi bước chân ra về trong sự hoang mang! Nó đã từng thản nhiên lặng nhìn châu Atlantide bị tràn ngập dưới cơn đại hồng thủy và biến mất dưới lòng biển sâu. Cái nụ cười thoảng qua của nó đã từng chứng hiến công trình vĩ đại của vua Mena, vị Quốc Vương Ai Cập đầu tiên đã đổi dòng sông Nile yêu quý của người Ai Cập và bắt nó chảy qua một đường hướng khác. Cái nhìn im lặng đượm mùi mến tiếc của nó đã từng thấy nhà tiên tri Moise, nghiêm cẩn và ít nói, từ giả nó lần cuối cùng. Câm lặng và đau thương, nó đã nhìn thấy những nỗi đau khổ của xứ Ai Cập bị tàn phá, suy vong sau cuộc xâm lăng của vị bạo chúa Cambyse, hoàng đế nước Ba Tư. Có lẻ vừa thích thú vừa khinh bỉ, nó từng nhìn thấy nữ hoàng Cléopâtre đẹp lộng lẫy và kiêu hãnh trong chiếc thuyền rồng mũi trạm vàng, buồm may bằng nhung đỏ thắm và mái chèo đúc bằng bạc. Nó từng sung xướng nhìn thấy đức Jesu trên đường đi tìm đạo lý phương đông để chuẩn bị chờ ngày thi hành sứ mạng, ngày mà đức Chúa Cha gửi Ngài đi truyền bá cho thế gian một thông điệp thiêng liêng về đức nhân từ bác ái. Như một kẻ báo hiệu không lời, biểu tượng Sphinx chào mừng Bonaparte, khí cụ của định mệnh các nước Châu Âu, trước khi tên Mã Phá luân nổi bật làm lu mờ những tên khác, và ngay khi ông ta hãy còn là một nhân vật

chưa tên tuổi, chưa đặt chân xuống chuyến thuyền Bellérophon để sang chinh phục xứ Ai Cập. Nó cũng nhìn thấy, với ít nhiều bi ai, toàn thể thế giới chú ý đến Ai Cập khi ngôi lăng tẩm của một vị Pharaon, vua Ai Cập thời cổ bị khai quật lên để cho người đời tọc mạch nhìn xem xác ướp của vua với những đồ ngọc ngà châu báu.

Thật vậy, đôi mắt bằng đá của pho tượng đã từng chứng kiến những điều đó và nhiều điều khác nữa. Nhưng bây giờ nó nhìn thấy gì... Không màng để ý kẻ thế nhân phàm tục đang bôn tẩu trên đường danh lợi, thản nhiên trước nỗi sung sướng, khổ đau của nhân loại, hình như biết rõ cái định mệnh đã ghi sẵn tất cả mọi biến cố lớn của trần gian, đôi mắt bằng đá kia nhìn thẳng vào cõi vô cùng...

Hình thần tượng Sphinx đã chuyển màu xám sang màu đen, rồi một màu đen như mực, nền trời đã mất cái nét xám bạc của lúc ban chiều, tất cả điều đắm chìm trong đêm tối, chúa tể của sa mạc. Nhưng pho tượng vẫn còn hấp dẫn sự chú ý của tôi và làm cho tôi bị thu hút như do mãnh lực của một luồn từ điện vô hình. Đó là vì tôi cảm thấy rằng màn đêm rủ xuống đã đem pho tượng trở về nguyên quán của nó. Cái bối cảnh đen âm u, đó mới đúng là cái bối cảnh thực sự của nó. Những gì là thần bí của một đêm Châu Phi tạo cho nó một bầu không khí thích nghi. Cũng trong những giờ ban đêm mà Râ và Horus, Isis và Osiris, những vị Thần Linh của xứ cổ Ai Cập, luôn luôn trở về với nhân gian. Tôi nhất định đợi lúc trăng lên và sao mọc để nhìn thấy một lần nữa cái chân tướng của hình thần tượng Sphinx. Tôi ngồi một mình giữa đóng cát bao la, nhưng tôi không cảm thấy cô đơn, thật vậy, cảm giác cô đơn hiu quạnh không thẻ nào có được với tôi.

Ban đêm, tôi có thể ngắm nhìn thần tượng Sphinx dưới cái khía cạnh mà ít người du khách được nhìn thấy. Tạc trong khối đá, in trên nền trời xanh như chàm, cao bằng một ngôi nhà lầu bốn tầng, con sư tử đầu người khổng lồ vươmình nằm dài trong thung lũng của đồng cát. Dưới ánh trăng sao vừa lố dạng, những nét hùng vĩ của nó hiện rõ lần lần. Đó là cái biểu tượng lạ lùng của một xứ Ai Cập mà nguồn gốc bí ẩn được truy nguyên đến những thời đại xa xăm vô định. Giống như con vật nằm canh gát những bí mật của thời tiền sử, nghĩ đến những thế hệ của châu Atlantide mà ký ức mong manh của người đời không còn nhớ đến nữa, pho tượng đá khổng lồ chắc cũng sẽ còn tồn tại mãi qua mọi thế hệ văn minh của loài người hiện nay, và nó cũng sẽ giữ nguyên vẹn không hề tiết lộ sự bí mật nội tâm của nó. Gương mặt khắc khổ và uy nghiêm của nó không phản ánh một điều gì, đôi môi khép chặt của nó vẫn giữ một sự im lặng muôn đời. Nếu pho tượng Sphinx có giữ gìn cho nhân loại một thông điệp ẩn dấu nào mà nó đã chuyển đạt qua nhiều thế kỷ cho một số rất ít người hữu hạnh có một năng khiếu linh cảm khác thường, thì điều bí mật đó có khi sẽ được nhắn nhủ thầm bên tai của người thí sinh tầm đạo.

Đêm tối dành cho hình thần tượng Sphinx một khung cảnh tuyệt hảo. Ở phía sau, bên mặt và bên trái pho tượng là "Thành phố của người chết, " một khoảng đất rộng dẫy đầy những nấm mộ hoang cùng lăng tẩm.

Chung quanh vùng cao nguyên lởm chởm những núi đồi và đá tảng nhô lên từ dưới đồng cát ở phía nam, phía tây và phía bắc pho tượng Sphinx, những lăng tẩm và mồ mả được xây cất chứa những cổ quan tài đựng hài cốt và những xác ướp của những vị vua chúa, các vị đại thần và chức sắc của triều đình hay tôn giáo của xứ Ai Cập thời cổ.

Không có một ngôi lăng tẩm nào mà khi bước vào mà người ta không thấy cỗ quan tài bật nắp ra và những đồ vàng ngọc châu báo tô điểm xác ướp đã bị lấy đi mất. Sự cướp bóc này đã xảy ra cùng lúc với sự khai quật những nấm mồ trong những cuộc đào xới để khảo cổ. Người ta chỉ lại tại chỗ những pho tượng nhỏ và những bình, vại chứa đựng ruột gan của những xác chết đã đem ướp bằng chất hương liệu. Ngay ở xứ Ai Cập thời cổ cũng đã có những kẻ trộm đào mồ, khi dân chúng nổi loạn chống giai cấp thống trị càng ngày càng trở nên suy tàn, họ trả thù bằng cách khai quật mồ mả và cướp bóc nơi nghĩa trang rộng lớn của nhà vua, tại đây những vị đại thần được cái vinh dự yên nghĩ giấc nghìn thu bên cạnh xác ướp của các bậc

vua chúa mà họ đã phụng sự từ thuở sinh tiền.

Một số ít những người chết mà xác ướp thoát khỏi bàn tay cướp bóc của những kẻ trộm đầu tiên, đã nằm yên nghỉ trong một thời gian khá lâu cho đến khi người Hy Lạp, người La Mã và người Ả Rập lần lượt thay phiên nhau đến đánh thức họ. Những ngôi mộ, lăng tẩm nào thoát khỏi cướp bóc và khai quật trong những cuộc biến cố sau này, được yên nghỉ thêm một thời gian khá lâu nữa cho đến đầu thế kỷ mười chín, khi các nhà khảo cổ hiện đại ra công thám hiểm dưới lòng đất của xứ Ai Cập để tìm kiếm những gì mà kẻ trộm thời xưa còn sót lại chưa lấy đi. Như thế há phải chẳng tội nghiệp cho những bậc vua chúa, vương hầu bất hạnh của thời xưa, tuy xác ướp họ còn nằm đó, mà bị người ta khai quật mồ mả và cướp bóc kho tàng... Dầu cho những xác ướp của họ không bị dập tan ra từng mảnh do bàn tay bạo tàn của những kẻ trộm báu vật, thì những xác ướp đó cũng đã bị giam cầm cho nằm yên nghỉ trong những cổ tàng viện để làm thỏa mãn sự tò mò và làm mục tiêu dị nghị bình phẩm của mọi người.

Đó là cái bối cảnh rùng rợn của thần tượng Sphinx khi nó vươn mình và nhô đầu dậy trong cô đơn tịch mịch giữa đồng cát. Nó đã từng quan sát những hầm tối trong "Thành phố của xác chết, " lần lượt bị sự cướp bóc của người dân Ai Cập nổi loạn và quân xâm lăng Ả Rập. Vị quản thủ đồ cổ Ai Cập tại bảo tàng viện British Museum là ông Wallis Budge không làm ai ngạc nhiên khi ông đi đến kết luận rằng: "Thần tượng Sphinx là để đuổi tà ma ra khỏi những nghĩa địa và lăng tẩm ở vùng chung quanh. " Cũng không ai ngạc nhiên mà thấy rằng ba ngàn bốn trăm năm trước, vua Thoutmès thứ tư của Ai Cập có cho khắc vào một tảng đá lớn mà ông đặt ngay trước ngực tượng Sphinx, hàng chữ: "Một sự bí mật linh thiêng đã từng bao phủ vùng này từ lúc sơ khởi, vì gương mặt của pho tượng Sphinx là một biểu tượng của thần Khepera, vị thần của sự Bất Tử, chủ tể các vị thần linh và ngự trị vùng này. Dân chúng ở thành Memphis và ở khắp địa phương cùng đưa tay lên để cầu nguyện trước mặt Ngài".

Như vậy không ai còn lạ gì mà thấy dân Ả Rập ở làng Gizeh gần bên có nhiều truyền thống rất dồi dào về những chuyện vong linh và âm hồn thường lởn vởn ban đêm trong bầu không khí chung quanh hình thần tượng Sphinx, một nơi họ cho rằng có nhiều ma nhất thế giới! Phải chăng bằng cách ướp xác những nhân vật quyền quý của thời xưa, người cổAi Cập đã kéo dài trong một thời gian vô hạn định sự tiếp xúc giữa những vong linh thời cổ với nhân loại chúng ta ngày nay...

Quả thật ban đêm là lúc mà người ta có thể ngắm nhìn thần tượng Sphinx một cách thú vị nhất. Vì dường như ban đêm là lúc mà cõi giới âm linh có vẻ gần gủi với ta hơn, tâm hồn ta sẵn sàng mở rộng đối với những cảm giác bất ngờ, trong khi ở chung quanh ta, dưới màn đêm bao phủ, thậm chí những hình thể vật chất thô kệch cũng thoát lấy một vẻ mờ ảo u huyền. Màn trời ban đêm đã trở thành màu chàm pha lẫn màu đỏ thắm, một thứ màu thần bí phù hạp với sự tìm tòi thám hiểm của tôi.

Đêm tối kéo dài một cách từ từ êm ả và câm lặng như một con heo, nếu người ta không để ý đến những tiếng rú rùn rợn giống như tiếng người của vài con beo đốm trong sa mạc, là những tiếng động duy nhất điểm giờ khắc trôi qua. Chúng tôi vẫn ngồi đó, thần tượng Sphinx và tôi, dưới ánh sao vằng vặc của nền trời Châu Phi, sự giao cảm giữa chúng tôi mỗi lúc càng thêm sâu đậm; từ sự quen biết nhau, chúng tôi tiến đến tình bạn, có lẽ chúng tôi bắt đầu hiểu nhau ít nhiều.

Khi tôi đến với nó lần đầu cách đây vài năm, nó nhìn ra chỗ khác, yên lặng và khinh ngạo. Khi ấy tôi là gì đối với con vật khổng lồ này, nếu không phải là một kẻ phàm tục như bao nhiêu kẻ khác, là những sinh vật náo động đi bằng hai chân, làm bằng những chất liệu kiêu căng, tự mãn, những dục vọng phù phiếm và những tư tưởng điên rồ... Về phần tôi, tôi đã tưởng nó là biểu tượng của một chân lý mà chưa ai tìm ra, một biểu tượng khổng lồ bí hiểm mà mọi lời cầu nguyện không được giải đáp và rốt cuộc chỉ rơi vào khoảng hư vô. Tôi đã bước ra về, hoài nghi và thất vọnh hơn trước, chán nản cõi trần gian tục lụy và lòng tràn ngập những nỗi niềm cay đắng.

Nhưng đó không phải là vô ích mà ngày tháng đã trôi qua. Cuộc đời: đó là sự giáo dục tâm linh và thầy học của chúng ta.

Vị thầy học vô hình ấy đã dạy tôi một hai điều quan trọng. Tôi đã hiểu rằng bầu thế giới của chúng ta không phải xoay trong vòng không gian mà không có mục đích.

Tôi đã trở lại với thần tượng Sphinx, với một tâm hồn già dặn và sáng suốt hơn. Ở lại ban đêm bên cạnh nó trên đồng cát xứ Ai Cập, tôi ngồi tịnh tọa, hai chân xếp bằng, và cố gắng thiền định để suy gẫm về ý nghĩa huyền bí của hình biểu tượng khổng lồ này.

Cả thế giới đều biết hình thần tượng Sphinx và nhận ra gương mặt hủy hoại và tàn phá của nó. Điều mà thế giới không hề biết, là bằng cách nào và tự bao giờ nó được tạc ra trong tản đá nhô lên giữa đồng cát, và những bàn tay nào đã biến khối đá hùng vĩ ấy thành một pho tượng khổng lồ như thế.

Khoa khảo cổ vẫn im lặng, các nhà bác học nghiêng đầu suy nghĩ với một sự hoang mang thầm lặng, vì họ phải gạt bỏ một loạt những giả thuyết mong manh mà từ trước đến nay họ đã từng nêu ra một cách quả quyết và tin tưởng. Họ không dám đưa ra một cái tên nhất định, cũng không dám mạo hiểm ra một ngày giờ chắc chắn. Họ không còn nói rằng thần tượng Sphinx là công trình của vua Khafra hay vua Khoufou, vì họ nhận thấy các tài liệu cổ tạc trên đá đã chứng minh rằng pho tượng đã có sẵn dưới triều đại của các vị vua này. Việc sưu tầm các di tích cổ do những cuộc đào xới phát hiện được, đã đưa ra ánh sáng một bản cổ tự đề cập đến hình thần tượng Sphinx như một công trình điêu khắc mà nguồn gốc đã mất đi trong vực thẳm của thời gian, mà người ta đã tình cờ khám phá ra được sau khi nó đã bị chôn lấp dưới bãi cát sa mạc và hoàn toàn bị lãng quên, không còn ai nhớ đến nữa. Bản cổ tự này xuất xứ từ triều đại thứ tư, gồm những vì vua trị vì xứ Ai Cập cách đây gần sáu nghìn năm. Đối với những vị vua ở vào thời kỳ cổ xưa ấy, hình biểu tượng Sphinx đã là một điều bí hiểm rồi, mà không ai biết có từ lúc nào!

Ban đêm đem lại giấc ngủ, nhưng từ giờ này qua giờ khác, tôi đã cố gắng đánh lui cơn buồn ngủ. Tuy nhiên, trong khi tôi vẫn tiếp tục cơn thiền định suy tư, đôi mí mắt của tôi đã nặng trĩu do sự phản ứng của cơ thể và tôi đã sắp thiếp đi. Bấy giờ thì có hai mãnh lực tương phản đang kình chống nhau để tranh thủ lấy tôi. Một là sự ước muốn mãnh liệt thức luôn suốt đêm như để chia xẻ phiên gác của con sử tử đá Sphinx. Hai là khuynh hướng để cho tinh thần lẫn thể xác của tôi tự thả trôi theo cái thú vị triền miên giữa cảnh vật trầm lặng và huyền ảo của đêm trường tịch mịch. Sau cùng tôi đã hòa giải được cả hai khuynh hướng đó, theo sự thỏa hiệp này, tôi ngồi lim dim, đôi mắt hé mơ chỉ còn là hai cái khe nhỏ xuyên qua đó tôi hầu như không còn nhìn thấy gì nữa, và thần trí mơ màng nửa tỉnh nửa mê, tôi để cho giòng tư tưởng của tôi đắm chìm trong một giấc mơ huyền diệu.

Tôi ngồi một lúc như thế, tự trả trôi theo một sự yên tĩnh triền miên nó xảy ra khi tư tưởng chấm dứt. Tôi mơ như thế được bao lâu, tôi cũng không hay biết nhưng sau một lúc tôi không còn nhìn thấy màu sắc gì nữa, mà thay vào đó, một cảnh tượng sống động xảy ra trước mắt tôi như một cuốn phim. Trong cảnh tượng đó, ánh trăng khuya chiếu vào một tia sáng nhạt mờ huyền ảo...

Chung quanh tôi muôn nghìn gương mặt nắng rám, da sậm đang lăng xăng hoạt động, kẻ tới người lui, kẻ thì đội trên đầu những rổ đá sạn, người thì trèo lên hay bước xuống những giàn tre mỏng manh dựng lên sát cạnh một khối đá khổng lồ. Trong số đó có những người cai truyền khẩu lệnh cho những thợ thuyền, hoặc kiểm soát công việc của những người thợ đá đang sử dụng búa rìu trên ngọn đồi mà họ tạc theo một kiểu mẫu đã vạch sẵn. Những tiếng búa đục của họ giáng xuống liên tiếp vang dội trong bầu không khí chung quanh. Tất cả những người lao công thợ thuyền này điều có một gương mặt dày dạn phong trần, màu da mầu sậm đỏ, hoặc vàng mà hơi sám. Họ có một cái môi trên dày, và thân hình lực lưỡng.

Công việc của họ vừa xong, thay vì một tảng đá dốc đứng kiên cố hùng vĩ trên mặt đất trước kia, nay đã nhô lên một gương mặt người khổng lồ với thân hình một con sư tử đại quy mô xem ra là một con quái vật

dị kỳ đang vươn mình trong một thung lũng lớn giữa đồng cát. Trên đỉnh đầu con quái vật, mà cái bờm vĩ đại dợn sóng phủ phía sau hai mép tai, có đặt một cái dĩa tròn bằng vàng khối.

Thần tượng Sphinx!

Những phu thợ đã biến mất. Cảnh vật trở lại lặng im như một nấm mồ vô chủ. Khi đó ta nhìn thấy một biển lớn đang đập sóng trong khoảng không gian bên trái tôi, mà bờ biển chỉ cách đó độ một cây số. Trong cái im lặng đó có một cái gì rùng rợn, tôi cũng chưa kịp hiểu đó là gì cho đến khi từ trong lòng biển đại dương dậy lên mộ tiếng gầm kinh khủng và kéo dài, mặt đất chuyển động và rung rinh dưới chân tôi. Với một tiếng gầm long trời lở đất, nước biển trào lên, một ngọn sóng lớn và cao như vách trường thành từ xa thình lình phóng tới chúng tôi, và nuốt chửng cả con quái vật Sphinx và tôi.

Cơn đại hồng thủy!

Lại một cơn im lặng, nó kéo dài được bao lâu, trong khoảng một phút hay là mười hai năm trường, điều đó tôi không định chắc ra được! Rồi bỗng nhiên tôi lại thấy tôi ngồi dưới chân pho tượng đá. Tôi nhìn chung quanh, không còn thấy biển đâu nữa mà chỉ thấy một khoảng rộng lớn đầy những ao đầm đã gần cạn, và rãi rác đó đây những bãi muối rất lớn đang khô dưới ánh mặt trời. Và ngôi mặt trời ngự trị khắp nơi một cách ngạo nghễ, những bãi cát mỗi lúc càng rộng lớn và càng nhiều. Vầng thái dương vẫn thản nhiên phóng những tia nắng đỏ hút cho đến khô ráo những di tích ẩm ước cuối cùng, và biến khoảng không thành một xứ đầy cát mịn và khô, phản chiếu một màu vàng nhạt.

Bãi sa mạc!

Thần tượng Sphinx vẫn ngắm nhìn cảnh vật, đôi môi dầy, rắn chắc và nguyên vẹn của nó hình như sắp nở một nụ cười, dường như nó cũng mãn nguyện với sự cô đơn độc chiếc. Thật là một sự hòa hợp tuyệt diệu giữa những con quái vật cô đơn với cảnh vật đìu hiu lặng lẽ của vùng chung quanh. Dường như cái tinh thần đơn độc đã tìm thấy sự thể hiện xứng đáng của nó nơi con quái vật khổng lồ và thản nhiên này.

Thần tượng Sphinx vẫn nằm giữa đồng cát như thế cho đến khi một đoàn tàu từ xa tiến đến và ngừng lại trên bờ sông, thả lên bờ một nhóm người. Nhóm người này từ từ tiến đến gần, cúi rạp xuống lạy hình thần tượng và thốt ra những lời cầu nguyện đầy vẻ vui tươi an lạc.

Kể từ ngày ấy, cái im lặng thần tiên đã gián đoạn. Người ta bắt đầu dựng lên những nhà cửa ở vùng thung lũng gần bên, các bậc vua chúa cùng với triều đình và tăng lữ lục tục kéo đến để chầu thần tượng Sphinx, chúa tể của sa mạc và vua không có triều đình!

Tới đây, cái linh ảnh hiện ra trong trí tôi đã chấm dứt, nó vụt tắt như ngọn lửa rụi tàn của một cái đèn đã hết dầu.

Nguyên tác: A Search in Secret Egypt

Nguyễn Hữu Kiệt dịch

Chương 2: Thần Canh Giữ Sa Mạc

Các bầu tinh tú vẫn đua nhau chớp trên nền trời xanh thẫm con trăng thượng tuần vẫn tiếp tục chói rạng trên đỉnh đầu chúng tôi, thần tượng Sphinx có vẻ biến đổi màu sắc vẫn vươn mình một cách hùng dũng dưới ánh trăng bạc. Khi tôi day đầu qua bên trái là nơi mà trong linh ảnh vừa rồi hiện ra trong trí tôi, tôi đã nhìn thấy biển cả gầm thét như sấm động và nuốt trôi cả vùng đất liền.

Một con dơi, có lẽ lầm tưởng tôi là phiến đá vô tri bất động như cái bối cảnh chung quanh, vỗ đôi cánh đụng vào đầu tôi rồi bay mất, làm cho tôi có cái cảm giác ghê tởm và rờn rợn người nơi sương xuống. Tôi nghĩ rằng có lẽ nó vừa mới chui ra từ trong một cái nấm mồ chôn xác ướp mà người ta vừa khai quật ở vùng gần bên.

Tôi ngắm nhìn cái đồng cát mênh mông chiếm trọn một diện tích ba triệu dặm vuông của vùng sa mạc Sahara, diễn ra đến tận chân trời cho đến chỗ nó giáp ranh với một dãy núi đồi dài dựng đứng như thành quách, che chở xứ Ai Cập và vùng châu thổ sông Nil. Thiên nhiên dường như cố ý dựng lên những dãy đồi của xứ Libye để bảo toàn cho xứ Ai Cập khỏi bị chôn vùi dưới đống cát của bãi sa mạc này.

Mối nguy cơ đó là một sự thật hiển nhiên. Mỗi năm vào đầu mùa xuân, một trận cuồng phong với một sức mạnh và tốc độ kinh khủng, khai chiến với vùng bắc phi và thổi mạnh qua như vũ bão từ bờ biển Đại Tây Dương, xuyên qua trọn cả vùng lục địa Châu Phi. Chẳng khác nào một đạo binh xâm lược khát máu và tàn bạo, trận gió lớn đi đến đâu, càng quất cát bụi đi đến đấy. Những cơn gió trốt cát bụi đi theo thành những cơn bão cát gieo sự tàn phá khắp nơi, chôn lấp nhà cửa, dinh thự, đền đài và thậm chí chôn luôn trọn cả những thành phố. Đó là cái mãnh lực của những hột cát vàng, nó ngự trị vùng này như một lãnh chúa quyền uy vô địch. Sức mạnh của những cơn bão cát có thể làm cho nền trời hoàn toàn sẫm tối và che khuất cả mặt trời. Những cơn gió trốt cuốn cát dậy lên dày đặc như sa mù ở Luân Đôn, thổi hết tốc lực, rồi nế không có gì ngăn chặn, nó sẽ quét sạch và chinh phục mọi chướng ngại gặp ở dọc đường. Tôi nhìn pho tượng đá Sphinx, những nét trên mặt của nó chỉ hiện ra một cách lu mờ dưới ánh sao khuya, nhưng cái miệng của nó, bề rộng có đến hai thước, đượm một vẻ bi thư hầu như đến rùng rợn, khác hẳn với cái nụ cười hồn nhiên của nhân vật hiện ra trong linh ảnh của tôi khi nãy, là hình biểu tượng Sphinx của thời buổi sơ khai, của thời đại Atlantide. Những cơn gió bão của ca mạc thổi với tốc độ cuồng loạn đã sát phạt gương mặt của nó, cùng với sự hủy hoại do bàn tay phủ phàng thô bạo của những kẻ phàm phu không hề biết kính trọng quỷ thần!

Tự nhiên là những cơn bảo cát đã tấn công hình biểu tượng này, khi thì âm thầm che lấp bao phủ, khi thì ào ào sát phạt với cơn thịnh nộ của vũ bảo. Nó đã từng bị chôn lấp hay chăng: Đã hẳn rồi không còn nghi ngờ gì nữa. Tôi nhớ đến giấc mộng huyền bí mà vua Thoutmès IV đã kể lại bằng chữ ám tự (hiéroglyphes) khắc trên phiến đá đỏ dựng lên giữa hai chân con sư tử đá. Tôi cũng nhớ lại lời than thở của nó trong giấc mộng vừa kể, khi nó bị cát chôn lấp đến cổ:

- Cát sa mạc đã lấp ta (vị thần che chở của nó nói), ta càng ngày càng bị chôn sâu hơn. Hãy mau ra tay dẹp cát đi, rồi ta sẽ coi ngươi như con ta và như ngươi trợ giúp ta.

Khi tỉnh giấc, vua Thoutmès nghĩ thầm rằng: "Dân chúng trong thành chỉ biết tôn sùng vị thần này, mà không có một người nào từng nghĩ đến việc giải tỏa pho tượng của ngài khỏi bị cát lấp. "

Những hình vẽ ở phía trên phiến đá vẽ nhà vua dâng hương cho thần tượng Sphinx, kế đó là bài tường thuật giấc mộng lạ lùng của nhà vua, khắc bằng chữ ám tự:

"Hoàng thân Thoutmès cùng vài người bạn đi săn trong vùng Gizeh, ở ven sa mạc. Trên đường về hướng nam, hoàng thân đã tập bắn cung vào những tấm bia bằng đồng, săn sư tử và các loại thú dữ của sa mạc, và tập dong xe với những con tuấn mã chạy nhanh hơn gió.

"Vào lúc giữa trưa, hoàng thân dừng cuộc du hí vì đã quá mỏi mệt. Sau khi dùng cơm trưa xong, người muốn nghỉ ngơi đôi chút, bèn cho kẻ tùy tùng lui bước. Trước khi nằm nghỉ, hoàng thân đọc kinh cầu nguyện các thần linh.

"Trong giấc ngủ mê, thần Thái Dương Râ nói với hoàng thân như một người cha nói với con:

- Ta nhìn thấy con đây, Thoutmès, con hỡi! Ta là Herou Khout, cha của con, ta muốn cho con giang sơn này. Con sẽ kế nghiệp trên ngai vàng, giang sơn bờ cõi này sẽ thuộc về con tất cả, con sẽ sở hữu những tài nguyên phong phú của xứ Ai Cập và những lân quốc sẽ đem đồ bảo vật đến cống hiến cho con!

"Giấc mộng kết thúc bằng lời kêu gọi khẩn thiết hãy giải tỏa thần tượng Sphinx ra khỏi đống cát phủ phàng nếu hoàng thân muốn kế nghiệp giang sơn Ai Cập như đã hứa.

"Hoàng thân Thoutmès bèn triệt để tuân theo những lời kêu gọi trong giấc mộng, và dùng một số nhân công rất lớn để giải tỏa những đống cát bao phủ thần tượng Sphinx ngập lên đến ngực. "

Herou Khout, vị thần linh che chở hình biểu tượng Sphinx đã giữ đúng lời hứa. Hoàng thân được truyền ngôi lên làm vua Ai Cập, qua mặt cả những người anh lớn trong hoàng gia. Trở nên vua Thoutmès IV, người đem quân đi chinh phạt các lân quốc, luôn luôn thắng trận và mở rộng bờ cõi, đế quốc của người gồm thâu luôn cả xứ Mésopotamie ở phía đông, xứ Nubie ở phía nam, xứ Lybie ở phía tây, trong khi những đồ bảo vật cống hiến đem đến từ xứ Ethiopie, đúng như giấc mộng đã tiên đoán. Dưới triều đại của nhà vua, tài nguyên sung túc, quốc gia phồn thịnh, nền văn minh Ai Cập đạt đến một trình độ cao tột chưa bao giờ có, thật đúng như lời báo trước trong giấc mộng. Những sự việc kể trên không phải là chuyện huyền thoại hoang đường, mà là những sự kiện có thật trong lịch sử. Vì người cổ Ai Cập, hơn cả những dân tộc khác của thời đại cổ xưa, đã chép sử một cách chu đáo, xác thực và tinh vi đến nỗi những sự việc xảy ra trong lịch sử của họ được khắc sâu trên tảng đá, để có thể tồn lâu bền hơn gấy mực và sách vở.

Những đốm sao đã lần lượt biến mất trên nền trời xanh đậm. Tôi hiểu rằng đêm thức sáng trắng của tôi đã gần chấm dứt. Tiết trời ban đêm khá lạnh, nhưng tôi cảm thấy cổ họng của tôi lại khô và nóng. Một lần nữa, tôi đưa mắt nhìn thần tượng bằng đá uy nghiêm, tượng trưng một cách thần diệu đấng thần minh câm lặng và tối cao có phận sự chăm nom gìn giữ bầu thế giới của chúng ta. Phải chăng tôi đã lật một trang bí sử của thời tiền sử Ai Cập... Có ai dám thầm ước đoán tuổi của thần tượng Sphinx... Nếu người ta chấp nhận rằng nguồn gốc của nó truy nguyên ở châu Atlantide, làm sao có thể định cho nó một năm tháng ngày nhất định...

Tuy vậy tôi không có lý do để loại bỏ cái nguồn gốc đó, nó đã được phát họa một cách sơ lược trong linh ảnh của tôi dưới ánh sao khuya. Châu Atlantide không còn là một chuyện hư ảo của những triết gia Hy Lạp, những tăng lữ Ai Cập và những bộ lạc thổ dân Châu Mỹ. Không thiếu gì những nhà bác học, mỗi người tiêu biểu cho ngành học thuật chuyên môn của mình, đã thâu lượm trên hàng trăm bằng chứng cụ thể để chứng minh rằng châu ấy có thật. Tôi cũng hiểu rằng khi thần tượng Sphinx được tạc trong khối đá, thì vùng châu thổ ở chung quanh không thể đã bị cát bao phủ, vì với sự chướng ngại của đồng cát, một công trình vĩ đại như thế không thể nào thực hiện được. Như vậy điều hợp lý nhất là người ta phải nhìn nhận rằng công trình điêu khắc này đã có trước khi đồng bằng châu thổ bị cát chôn lấp, trong khi vùng sa mạc Sahara đang còn là một biển lớn, và ở phía ngoài biển Sahara là vùng lục địa đã có một định mệnh bi thảm, tức châu Atlantide.

Dân Ai Cập thời tiền sử, những người đã tạc thần tượng Sphinx và thành lập ra nền văn minh cổ nhất

thế giới, đã từ châu Atlantide đến lập quốc tại vùng châu thổ sông Nil trong một cuộc di cư khổng lồ. Cuộc di cư đó được thực hiện trước khi châu Atlantide sụp đổ và chìm xuống đáy biển Đại Tây Dương, một cơn tai biến mà hậu quả là làm cho biển Sahara khô cạn và trở thành một vùng sa mạc mênh mông. Những vỏ sò, vỏ hến rải rác ở nhiều nơi và những bộ xương cá khổng lồ mà người ta tìm thấy chôn dưới cát, chứng tỏ rằng đống cát này ngày xưa chính là ở dưới đáy biển trồi lên.

Thật là cảm động thay khi biết rằng thần tượng Sphinx là một sợi dây liên lạc bền vững, cụ thể, bất biến giữa những thế hệ của nhân loại chúng ta ngày nay với những thế hệ cổ xưa của một thế giới đã tàn, thế giới của người Atlante đã biệt tích! Đối với thế giới hiện đại, hình biểu tượng này đã mất đi cái ý nghĩa của nó, nó chỉ còn là một kỳ quan của địa phương, thế thôi. Nhưng nó có ý nghĩa gì đối với người Atlante...

Để có một ý niệm đại cương, người ta phải sưu tầm những di tích văn minh mà những dân tộc thuộc nguồn gốc châu Atlantide đã bỏ sót lại. Người ta phải truy nguyên, qua những nghi lễ đã suy tàn của những thổ dân Incas hay Mayas, đến sự thờ phụng thuần khiết hơn thuộc về tổ tiên của các dân tộc này. Nhưng sự sưu tầm đó giúp ta khám phá ra cái mục tiêu tối thượng của sự thờ phượng của họ, đó tức là ánh sáng, biểu hiện bởi ngôi Mặt Trời. Bởi lẽ đó, họ dựng lên khắp nơi bên Mỹ Châu thời cổ những ngôi đền hình kim tự tháp để thờ Mặt Trời. Những ngôi đền đó đều là những kiến trúc đồng một kiểu, hoặc có sửa đổi hình dáng chút ít, với những ngôi đền tương tự đã từng có ở châu Atlantide.

Khi Platon đến Ai Cập để học đạo tại thành Heliopolis trong 13 năm, những vị tăng lữ Ai Cập, thường vẫn rất dè dặt đối với ngoại nhân, ban cho người thí sinh Hy Lạp trẻ tuổi và hăng say này cái hân hạnh là truyền thụ cho y những giáo điều rút trong kho tài liệu bí mật mà họ giữ gìn rất kỹ lưỡng. Trong số những điều tiết lộ, họ nói cho y biết rằng một Kim Tự Tháp lớn, nóc bằng, từ xưa đã được xây dựng tại trung tâm đảo Atlantide và trên nóc bằng đó, người ta đã dựng lên ngôi đền chánh của vùng lục địa để thờ phượng thần Thái Dương.

Những người Atlande di cư sang Ai Cập đem theo nền tôn giáo của họ và xây dựng tại đây những ngôi đền cùng một kiểu như ở Atlantide. Cái di sản đó của người Atlante có thể biểu lộ những đặc tính của nó ngày nay ở những cột trụ khổng lồ nơi các cổng đền của nó ngày nay ở những cột trụ khổng lồ nơi các cổng đền và những lăng tâm hình dim tự tháp ở Ai Cập. Ngoài ra thần Mặt Trời luôn luôn chiếm một đẳng cấp vào hàng đầu trong các vị thần của Ai Cập.

Người Atlande cũng đem vào Ai Cập cái kỹ thuật điêu khắc đại quy mô cùng cái thẩm mỹ tạc tượng khổng lồ bằng đá. Những đền cổ đã tiêu tàn ở Mễ Tây Cơ, Pérou và Yucatan, do giòng giống người Atlante dựng lên và xây bằng những khối đá to lớn với những chỗ ráp nối rất tinh vi khéo léo, có một kiểu kiến trúc giống như của Ai Cập, cũng như những tượng thần khổng lồ bên trong các thánh điện ở các xứ ấy và ở Ai Cập đều có những nét tương tự như nhau.

Như thế, một điểm ánh sáng nhỏ đã loé lên trong cuộc sưu tầm của chúng tôi về ý nghĩa của thần tượng Sphinx. Người Atlante ở xứ cổ Ai Cập có lẽ muốn dựng nó lên như một pho tượng vĩ đại nhất, hình ảnh của một ý niệm thiêng liêng nhất ghi trong ký ức của họ, mà họ muốn hiến dâng cho vị thần của Ánh Sáng tức thần Mặt Trời. Có lẽ họ cũng đã dựng lên ở một nơi nào đó ngôi đền của vị thần ấy, ngôi đền này đối với họ cũng phải là ngôi đền vĩ đại nhất và cao trọng hơn tất cả mọi ngôi đền khác.

Thần tượng Sphinx bằng đá là cái biểu tượng tôn quý của một giống người tôn thờ ánh sáng như một cái gì gần nhất với Thiêng Liêng. Ánh sáng là một vật tinh vi, tế nhị nhất trong những sự vật mà con người có thể cảm xúc được bằng một trong năm giác quan. Đó lá vật thanh nhẹ nhất mà khoa học có thể thực nghiệm; những luồng quang tuyến khác nhau đều là những loại ánh sáng rung động với một tốc độ ngoài phạm vi tiếp nhận được bởi con người chúng ta. Trong quyển Tạo Thiên Lập Địa cũng nói ánh sáng là vật được sáng tạo trước tiên; không có nó thì không có sinh vật nào sống được. "Tinh thần của Thượng Đế lướt

trên mặt của vực thẳm", Moise đã viết trong quyển sách kể trên "Và Thượng Đế nói: Ánh sáng hãy hiện ra! Và ánh sáng mới có". Phải chăng đó cũng là một biểu tượng hoàn hảo của cái ánh sáng thiêng liêng nó xuất hiện ra từ chỗ thâm sâu nhất của linh hồn khi con người hiến dâng trọn vẹn cả tâm hồn lẫn trí mình cho Thượng Đế... Từ ngôi mặt trời, mới phát sinh ra ánh sáng, rồi ánh sáng mới tỏa ra khắp thế gian. Không có mặt trời, muôn loài vạn vật sẽ bị vĩnh viễn đắm chìm trong đêm tối rùng rợn, không còn cây cối thảo mộc, không còn gặt hái mùa màng, loài người sẽ không còn tồn tại và sẽ biến mất khỏi mặt đất.

Nếu sự tôn thờ ánh sáng và mặt trời là cái nguyên lý chính yếu của nền tôn giáo châu Atlantide, nó cũng chiếm một địa vị tương đương trong nền tôn giáo cổ Ai Cập. Râ thần Thái Dương, là vị chủ tể, là cha và đấng sáng tạo của tất cả các vị thần linh khác, là đấng Sáng Tạo ra tạo vật, vô sinh bất diệt.

Nếu thần tượng Sphinx thuộc về tôn giáo của ánh sáng, thì chắc là nó cũng có liên hệ đến Mặt Trời.

Vì sau khi tôi dạy phía mặt trời mọc, tôi mới nhớ lại cái dĩa bằng vàng trong linh ảnh hiện ra trongtrí tôi hồi đêm, và sự liên hệ đó xuất hiện ra với tôi mau như chớp nhoáng. Để thử lại cho chắc chắn. Tôi mới cem kỹ lại một vật mà tôi đeo ở cườm tay phải, cái địa bàn dạ quang, nó là một hướng dẫn viên chắc chắn và bạn tốt của tôi. Vàtôi nhận thấy rằng thần tượng Sphinx day mặt về hướng mà vầng Thái Dương bắt đầu xuất hiện mỗi ngày trên chân trời! Việc định hướng đông là để tượng trưng cho sự sống tái diễn không ngừng; cũng y như thế, những lăng tẩm của các nhà vua Ai Cập được xây cất trên bờ phía Tây sông Nil để tượng trưng cho sự sống đã qua, giống như mặt trời lặn. Cũng như mặt trời lên cao tận giữa lừng trời, thì con người, sau khi được phục sinh, thăng lên cõi tinh thần. Cũng như vầng Thái Dương đi xuyên qua vòm trời rồi tiếp tục lộ trình, khuất mắt đối với chúng ta ở phía dưới chân trời, thì con người cũng phải đi nhiều vòng luân chuyển từ thế giới này qua cõi giới khác.

Con quái vật khổng lồ nơi đó biểu hiện sức mạnh của con sư tử, trí thông minh của con người và sự bằng an trầm lặng của đấng thần minh, muốn dạy ta một điều chân lý bất hủ về sự cần làm chủ lấy mình, vì con người có mục đích chủ trị những thú tánh và thắng con vật nằm trong lòng y. Có ai ngắm nhìn cái thân mình to lớn bằng đá với những móng chân và móng vuốt sư tử, với cái đầu và gương mặt của một người cốt cách phong nhã như thần tượng Sphinx mà không thu thập lấy cái bài học sơ đẳng ấy... Ai có thể khám phá cái ý nghĩa của biểu tượng con rắn cobra phùng mang, tượng trưng cái uy quyền của vua Ai Cập mà các vị vua chúa thường gắn trên mão, mà không hiểu rằng hình biểu tượng Sphinx không phải khuyến khích ta thống trị kẻ khác mà hãy chủ trị lấy mình... Nó là nhà truyền giáo câm lặng, một nhà giáo sĩ bằng đá, thuyết pháp bằng sự im lặng cho những ai có tai biết nghe.

Phải chăng thần tượng Sphinx tượng trưng cho một vật có tính chất thiêng liêng... Đúng thế, nếu người ta tin theo những chữ ám tự khắc trên vách các ngôi đền ở miền thượng du Ai Cập, chẳng hạn như ở Edfou, nơi đó người ta thấy một vị thần biến hình thành một con sư tử đầu người để chiến thắng Set, quỷSatan Ai Cập. Một sự kiện lạ lùng làm cho người ta nghĩ rằng thần tượng Sphinx có chứa đựng một bí mật kiến trúc nào đó và che dấu vài điều bí mật khắc trong đá. Rải rác khắp nơi ở Ai Cập, những thần tượng Sphinx kiểu nhỏ được dựng lên trước những ngôi đền miếu như là những vị thần canh gác và bảo vệ ngoài cổng thánh đường; trong vài trường hợp, ngoài cổng đền cũng có dựng lên những tượng sư tử bằng đá. Thậm chí những chìa khóa mở cửa đền cũng đúc giống hình sư tử. Thần tượng Sphinx ở Gizeh hình như là pho tượng duy nhất mà người ta không thấy đứng trước một ngôi đền nào.

Vậy ngôi đền thật sự của hình biểu tượng Sphinx là ở đâu... Tôi ngửng đầu lên và nhìn về phía sau pho tượng đá. Từ chỗ tôi ngồi, tôi nhìn thấy hãy còn vương lên một cách lu mờ dưới ánh sáng đầu tiên của buổi rạng đông, đưa thẳng lên trời cái mũi nhọn hơi tà đầu ngôi kiến trúc vĩ đại nhất của thế giới, cái kho tàng bí mật bằng đá chưa hề được giải đáp, cái phép lạ tuyệt vời của vũ trụ đối với cổ nhân và đối với cả chúng ta, cái bài toán đố bí hiểm của tất cả mọi thời đại, người bạn xứng đáng của thần tượng Sphinx khổng lồ: Ngọn Kim Tự Tháp!

Cả hai kỳ quan, được dựng lên từ hồi thời đại Atlantide, đều vươn lên mình như những bằng chứng của vùng lục địa đã sụp đổ, và như cái di sản câm lặng của một giống người đã biệt tích một cách cũng bí mật như vùng lục địa quê hương của họ.

Cả hai thứ kỳ quan đều nhắc nhở cho hậu thế, những kẻ kế nghiệp giống người Atlante, biết những thành tích huy hoàng của nền văn minh đã mất.

Chương 3: Ngọn Kim Tự Tháp

Những vị vua Ai Cập Pharaon nay đã hóa ra người thiên cổ, nhưng ngày nay họ còn để lại cho chúng ta những Kim Tự Tháp kiến trúc hùng vĩ, kiên cố dựng trên một vùng cao nguyên nhô giữa đồng cát. Nếu nước cổ Ai Cập vẫn còn hấp dẫn sự chú ý và thích thú của thế giới hiện đại, thì trước hết là nhờ bởi những ngọn tháp này làm bằng chứng của thời đại cổ xưa ấy. Không có một đế quốc Đông Phương nào đã biệt tích mà để lại cho hậu thế những kỳ quan vĩ đại và lạ lùng như thế.

Triết gia Pline khẳng định rằng uy danh của các Kim Tự Tháp Ai Cập sẽ vang dội đến chỗ tận cùng của thế giới. Kể từ ấy đã có hai nghìn năm qua, những thời gian không hề xóa mờ cái uy tín đó. Gần đây tôi có viết thư vài người bạn sống một cuộc đời rất ẩn dật tại một vùng hẻo lánh ở dưới tậncùng miền nam Ấn Độ. Những người này có lẽ không bao giờ đi xa hơn dãy đồi ở vùng chung quanh làng họ Ở, họ không hề chọc phá thế gian và thế gian cũng không hề làm phiền họ. Tôi cho họ biết về những công việc sưu tầm mà tôi đang theo đuổi ở ngọn Kim Tự Tháp lớn. Tôi không cần giải thích đó là cái gì và nó ở tại đâu, vì tôi biết chắc họ cũng biết rõ. Bức thư trả lời của họ đã xác nhận sự tin tưởng của tôi. Thật vậy những người Ấn Độ chất phát này đã biết rõ đó là cái gì. Uy danh của những Kim Tự Tháp đã vang dội xa hơn là hồi thời đại của triết gia Pline.

Những ngôi kiến trúc cổ bất chấp sự tàn phá của thời gian này đã hấp dẫn sự chú ý của các nhà bác học cũng như sự tò mò của người đời. Tại sao... Bởi vì chúng xuất hiện từ vực thẳm của một dĩ vãng xa xăm, và cũng bởi vì kích thước quy mô của những ngọn tháp này đã làm ngạc nhiên cả một thế hệ loài người đã từng quen thuộc với lối kiến trúc khổng lồ. Lần đầu tiên mà chúng ta nhìn Kim Tự Tháp, chúng ta có cảm giác như trở về một thời đại cổ xưa lạ lùng, mà nét cổ kính thâm nghiêm biểu lộ rõ ràng ở lối kiến trúc dị kỳ ấy. Chúng ta lấy làm ngạc nhiên mà thấy bằng cách nào những dân tộc cổ xưa đã xây dựng trên một bãi sa mạc khô khan những ngọn núi nhân tạo như thế, không thua kém cả những công trình tạo tác thiên nhiên. Khi những viên tướng soái Hy Lạp tiến vào Ai Cập và nhìn thấy những ngôi kiến trúc phi thường này chỉ mũi nhọn thẳng lên nền trời xanh của vùng sa mạc, họ nín thở vì ngạc nhiên và đứng nhìn trân trối trong im lặng. Khi những nhà hiền triết của thời đại Alexandre soạn một quyển sách nói về những đại kỳ quan của thế giới, họ để Kim Tự Tháp đứng lên hàng đầu. Ngày nay, trong số bảy kỳ quan, chỉ còn cái kỳ quan đầu tiên là còn đứng vững.

Nhưng cái tính cách cổ xưavà kích thước vĩ đại đó dẫu rằng có gây ấn tượng mạnh mẽ cho người đời, cũng chưa phải lý do duy nhất đã làm cho ngọn Kim Tự Tháp có cái uy danh lừng lẫy như vậy. Có nhiều sự kiện được người đời biết rõ hoặc không hề biết về Kim Tự Tháp lớn, có thể gây cho chúng ta một sự kinh ngạc lớn lao không kém sự kinh ngạc mà nó đã gây ra cho người cổ Hy Lạp.

Vậy cổ nhân xây Kim Tự Tháp với mục đích gì... Thần tượng Sphinx tượng trưng cho cái gì... Đó là hai điều bí mật lạ lùng nhất, hào hứng sôi nổi nhất mà xứ Ai Cập dành cho du khách ngoại quốc cũng như cho dân tộc của họ. Đó cũng là những bí mật khó giải đáp nhất.

Phải chăng Kim Tự Tháp Ai Cập được dựng lên chỉ để làm ngôi mộ tàng trữ cái xác ướp của vua Pharaon... Ta có nên dựa theo những quyển du lịcxh chỉ nam và nhe theo lời của những người chỉ dẫn viên Ả Rập mà tin như vậy chăng... Có lẽ nào người ta lại dựng lên một ngôi kiến trúc vĩ đại với những khối đá tảng hằng mấy người ôm, cắt ra từ vùng núi đá vôi Tourah và cưa ra từ trong động đá đỏ Syène ở xa hơn nữa, chỉ để che lấp một cái thi hài bọc lụa trắng... Có lẽ nào người ta đã phí mất biết bao nhiêu công lao khó nhọc, làm việc ráo riết dưới cái nóng thiêu người của mặt trời Châu Phi, vận chuyển trên ba mươi triệu

thước khối đá tảng, chỉ để phục vụ ý muốn sau cùng của một ông vua... Có lẽ nào người ta chịu khó cẩn thận ráp nối hai triệu ba trăm nghàn tảng đá khối, mỗi tảng nặng khoảng hai tấn rưỡi, để làm một cái mộ chỉ cần có vài tảng đá cũng xong...

những sử gia thận trọng cho biết rằng người ta không hề tìm thấy trong Kim Tự Tháp một quan tài, một xác chết, hay một cỗ xe tang nào, dẫu rằng có vài truyền thống cho rằng một trong những vì vua Ai Cập có cho dựng trước cửa cung một cái hòm dựng xác ướp bằng gỗ trạm trổ rất khéo, mà người ta đã lấy từ Kim Tự Tháp đem về. Trên những vách tường Kim Tự Tháp không thấy có khắc những chữ ám tự hay trạm hình nổi hoặc tranh vẽ những sự việc xảy ra trong thuở sanh tiền của các nhà vua đã băng, nói tóm lại không hề có những gì mà người ta thường thấy bên trong tất cả những ngôi mộ và lăng tẩm khác của Ai Cập. Các vách tường bên trong Kim Tự Tháp đều trống trơn, không trình bày những mỹ phẩm như tranh vẽ, hình nổi, hay ám tự để trang hoàng cho đẹp mắt các vị vua Pharaon tường hay bày biện trong các lăng tẩm của họ, cũng không có dấu vết nào của sự trang trí mà người ta thường thấy ở những ngôi mộ quan trọng nhất ở xứ Ai Cập.

Điều mà có lẽ người ta cho là bằng chứng hiển nhiên nhất của giả thuyết đó là lăng tẩm của một vị vua Ai Cập, là cái hòm trống trơn bằng đá đỏ, không đậy nắm, đặt dưới đất trong phòng lớn mà về sau người ta gọi là Vương Cung. Phải chăng cái hòm đá đã quá rõ rệt là cái quan tài của vua... Đối với nhà Ai Cập Học, điều đó đã hiển nhiên và vấn đề đã được giải quyết.

Nhưng tại sao hai bên chiếc hòm bằng đá này không có khắc những chữ ám tự hoặc tranh vẽ theo thủ tục thông thường của nền tôn giáo cổ Ai Cập... Tại sao không thấy có một chữ nào hay một câu văn tự nào... Mọi cỗ quan tài khác đều luôn luôn có khắc chữ hoặc hình ảnh để lưu lại những kỷ niệm, ký ức về những trường hợp xảy ra chung quanh cái chết của người quá vãng. Tại sao cỗ quan tài này lại là một ngoại lệ, nếu nó là cái quan tài của một trong các vị minh vương nổi tiếng nhất của Ai Cập...

Tại sao ống thông hơi dài trên bảy mươi thước được đặt từ trong phòng đựng cỗ quan tài bằng đá để thông với không khí bên ngoài... Những xác ướp không cần thở không khí, còn phu thợ họ cũng không cần trở lại phòng làm gì nữa một khi họ đã xây xong cái nóc phòng. Không một nơi nào ở Ai Cập tôi thấy có một ngôi mộ của các bậc vua chúa mà có những ống thông hơi với bên ngoài.

Tại sao người ta đặt cỗ quan tài trong một phòng năm mươi thước cao hơn mặt đất, trong khi ở những nơi khác người ta thường đào hầm đặt quan tài sâu dưới lòng đất... Đó là cái tập tục thông dụng khắp xứ, người ta đặt thi hài người chết hoặc dưới lòng đất hoặc trên mặt đất. Há ta chẳng thường nghe nhắn nhủ rằng: "Ngươi là các bụi, và ngươi sẽ trở về cát bụi. "

Tại sao người ta đặt gian phòng thứ nhì, gọi là Hậu Cung ở gần bên gian phòng thứ nhất... Những vị vua Pharaon không hề được đem chôn ở gần bên các bà hậu phi, và một xác ướp không cần phải có đến hai huyệt. Nếu hậu cung có những hình ảnh hay những chữ ám tự khắc trên vách như phần nhiều những lăng tẩm mồ mả của Ai Cập, thì ở đây người ta có thể coi nó như một hành lang, nhưng đàng này nó cũng trống trơn và không có một bày biện trang hoàng nào như Vương Cung. Và tại sao Vương Cung lại có những ống thông hơi, mặc dù những lỗ thông hơi đều bị bịt kín khi người ta khám phá ra chúng... Tại sao người ta lại thông hơi vào những gian phòng kín mệnh danh là những ngôi mộ này... Và cũng tường nhắc lại, người chết không cần thở khí trời. Không, người ta càng tìm ra cái lý do thật sự của một công trình đòi hỏi bao nhiêu phí tổn về tiền của, thời giờ, nhân lực và nguyên liệu như thế, thì lý trí con người bắt buộc phải loại bỏ cái giả thuyết cho rằng Kim Tự Tháp là những mồ chôn xác người, hay là những kho tài liệu tiên tri bằng đá. Người ta phải quay trở lại tìm sự giải đáp khác.

Cửa vào Kim Tự Tháp mà các du khách dùng hiện nay không phải là cánh cửa chính của người cổ Ai Cập. Cửa chính này từ nhiều thế kỷ vẫn là cái bí mật của Kim Tự Tháp, một bí mật được giữ gìn rất chặt

chẽ, cho đến khi một ông vua Ả Rập cương quyết đã chi phí cả một gia tài khổng lồ và huy động cả một đạo binh phu thợ để chọc thủng tấm màng bí mật kia và đã phát hiện ra cái của Kim Tự Tháp đã khép chặt. Từ khi cánh cửa chính bị đóng chặt, thì nhiều thế kỷ đã lặng lờ trôi qua mà bên trong phía Kim Tự Tháp không hề có chân người bước vào, cho đến khi cái giấc triền miên ấy bị khuấy phá bởi những người đi tìm kiếm kho tàng. Sau cùng người ta đã tìm ra cái cửa chính đó vào khoảng năm tám trăm hai mươi. Vua Ả Rập Al Mamoun quy tựu trên cao nguyên Gizeh những viên kỹ sư, kiến trúc sư, nhà xây cất và thợ giỏi nhất của ông ta, rồi ra lệnh cho họ hãy tìm ra cái của vào Kim Tự Tháp. Viên kỹ sư chỉ huy chiến dịch khai phá này mới tâu rằng:

- Tâu bệ hạ, việc này không thể làm được.

- Quả nhân muốn việc này phải được thực hiện.

Công trình khai phá này không theo một kế hoạch nào nhất định. Tục truyền rằng của chính nằm ở mặt phía bắc của Kim Tự Tháp. Tự nhiên là người ta chọn chỗ trung tâm điểm của mặt phía bắc để khởi công. Sự có mặt của vua Ả Rập ở tại chỗ là một sự khích lệ tin thần cho đám phu thợ. Nhà vua muốn trắc nghiệm truyền thuyết cho rằng những vị vua Pharaon thời cổ đã từng chôn dấu Kim Tự Tháp những kho bảo vật khổng lồ. Tưởng cũng nói thêm rằng vua Al Mamoun chính là thái tử của vua Haroun Al Rachid, nhân vật nổi tiếng trong truyện Một nghìn Lẻ Một Đêm.

Vua Al Mamoun không phải là một ông vua tầm thường. Ông ta đã ra lịnh cho những văn nhân trong xứ hãy dịch những tác phẩm của các bậc hiền triết Hy Lạp. Ông luôn luôn nhắc nhở cho quốc dân Ả Rập đừng quên những lợi ích của sự học hành. Chính ông ta đã từng tham dự những cuộc thảo luận giữa những bậc thức giả trong nước.

Những nhà xây cất Kim Tự Tháp thời xưa, tiên liệu rằng thế nhân lòng dạ tham lam sẽ có ngày xúc phạm đến nơi cổ kính thâm nghiêm nầy, mới trổ cánh cửa kính một trỗ ở một khoảng độ vài thước cách điểm trung tâm mặt phía bắc, và cao hơn rất xa chỗ người ta định chắc là chỗ cửa ra vào. Kết quả là những phu thợ của vua Al Mamoun đã làm việc suốt nhiều tháng mà vẫn không tìm ra dấu vết gì của một cửa vào hay lối đi. Họ không tìm thấy gì khác hơn những vách tường kiên cố bằng đá khối dày đặc và cứng ngắc. Nếu họ chỉ dùng những dụng cụ thô sơ như búa đục, thì công trình đục khoét đó có lẽ kéo dài đến hết triều đại của nhà vua hay lâu hơn nữa. Nhưng họ tìm cách đốt những đám lửa nhỏ ở những chỗ ráp nối các tảng đá đến độ nung cháy đỏ, và tưới dấm thanh lên đó cho đến khi các tảng đá nứt nẻ ra. Ngày nay người ta còn nhìn thấy các vết cháy đen xạm trên các tảng đá đã từng kháng cự lại sức búa rìu cách đây trên một nghìn năm. Thợ rèn không ngừng làm việc suốt ngày để mài dũa những búa đục bị sức mẻ vì va chạm với những tảng đá khối, trong khi những loại tảng đá bằng gỗ tiếp sức với lao công để cống gắng chọc lủng một lỗ cửa vào Kim Tự Tháp! Mặc dầu bao nhiêu cố gắng, trải qua bao nhiêu tháng trường dưới sức nóng thiêu đốt của mặt trời Ai Cập, cửa vào Kim Tự Tháp vẫn khép chặt, không ai tìm thấy, và họ bắt đầu chán nản tuyệt vọng. Phu thợ đã đào xới một khoảng trên ba mươi thước, họ đã sắp sửa buông hết dụng cụ và công khai nổi loạn không chịu tiếp tục một công việc vô ích như thế nữa, thì thình lình họ nghe thấy tiếng động của một tảng đá nặng vừa bị rơi xuống. Tiếng động ấy đến từ bên trong Kim Tự Tháp, chỉ cách họ đang làm việc một khoảng không xa.

Định mệnh đã can thiệp vào vụ này. Khi đó, sự hăng say và hứng khởi làm việc đã được hâm nóng lại. Không bao lâu, người ta đã mở đường đưa đến lối vào Kim Tự Tháp lớn từ nay mở cửa lại.

Kể từ lúc đó, người ta có thể đi lần theo con đường ấy để tìm thấy cái cửa bí mật. Cửa này được che dấu một cách khéo léo đến nỗi người ta không thể nào khám phá được từ bên ngoài. Sau bao nhiêu thế kỷ bị khóa chặc, cái cửa bí mật ấy không còn hoạt động được nữa mà dính luôn vào vách. Ngày nay nó đã biến mất, sau những vụ cướp phá để lấy đá về xây nhà sau vụ động đất tại thành phố Cairo. Cửa ấy giống như

những cái cửa bằng đá mà người cổ Ai Cập đặt ở những lối vào những đền miếu bí mật của họ. Đó là một tảng đá xoay vòng chung quanh những bản lề và khi khép lại thì nó ăn khớp với mặt tường bên ngoài đến nỗi không ai có thể phân biệt được nó với những tảng đá khác ở chung quanh. Sự ngụy trang khéo léo đó cũng chưa đủ. Bên trong cánh cửa bí mật ấy, lối vào bị chăn lại một cánh cửa bằng gỗ rất nặng. Qua được cửa này, người ta còn phải vượt qua mười cánh cửa khác nữa trước khi lọt vào Vương Cung. Phần nhiều trong số mười cửa này đều bằng gỗ, nhưng có một cửa giống y như cánh cửa đá bên ngoài là một tảng đá khối xoay vòng trên bản lề và ăn khớp với vách tường đá như một cửa bí mật. Tất cả những cửa này về sau không còn.

Sau khi những toán kỹ sư và phu thợ của nhà vua Al Mamoun đã lọt vào bên trong Kim Tự Tháp, họ nhận thấy rằng công việc của họ chưa phải đã xong.

Họ còn gặp phải bao nhiêu trướng ngại vật, những tảng đá khổng lồ chận ngang lối đi mà dụng cụ của họ đem theo không làm sao chọc thủng. Có khi họ phải đục xuyên vách đá để mở một lối đi khác thông qua những dãy hành lang dài đưa đến những gian phòng trống trơn, mà về sau người ta đặt tên là Vương Cung, và Hậu Cung để cho dễ kêu gọi. Thật ra người cổ Ai Cập không hề sử dụng những danh từ đó bao giờ.

Trải qua bao nhiêu gian nan, lao khổ và chướng ngại, khi họ lọt được vào gian phòng gọi là Vương Cung, thì vua Al Mamoun và toán kỹ sư, thợ thuyền đi theo điều lấy làm vô cùng thất vọng. Đó chỉ là một gian phòng trống, với một cỗ quan tài bằng đá, không đậy nắp. Trong cỗ quan tài người ta chỉ thấy có cát bụi, ngoài ra không có gì cả! Họ nghĩ phải chăng đó là một điều phi lý khi người cổ Ai Cập xây cất một ngôi mộ hùng vĩ như thế mà không có mục đích hay dụng ý rõ rệt... Họ bèn ra công nậy bật lên những tảng đá lót dưới đất, đào xới một góc trong gian phòng, dùng búa đập mạnh vào vách để thăm dò xem chỗ nào có thể là nơi chôn dấu kho tàng. Nhưng vô ích, thâm ý của những nhà xây cất Kim Tự Tháp vẫn là một điều bí hiểm khôn dò và chôn chặt trong lòng đất lạnh. Đoàn người thám hiểm bèn lui gót ra về trong cơn thối trí và tuyệt vọng.

Toán phu thợ còn thám hiểm nhiều đường hần bí mật và một cái giếng sâu thẳm và đen tối như mật ăn sâu dưới lòng đất, nhưng không hề tìm thấy kho tàng của cải, cùng bảo vật mà óc tưởng tượng loài người vẫn tin rằng có thật và vẫn nằm im một góc bí mật nào đó trong Kim Tự Tháp! Đến đây kết thúc cuộc phiêu lưu đáng ghi nhớ của vua Al Mamoun sau khi ông ta đã mở được cánh cửa bí mật của Kim Tự Tháp lớn, để mở màn cho những cuộc thám hiểm về sau này trong lịch sử tìm tòi khảo cổ về Kim Tự Tháp Ai Cập.

Sau khi vua Al Mamoun đã tìm ra cái cửa bí mật vào Kim Tự Tháp, nhiều thế kỷ đã trôi qua một cách lặng lẽ không ai dám bước vào bên trong ngọn tháp này. Sự truyền tụng trong dân gian không bao lâu đã bao trùm ngôi Kim Tự Tháp với một bầu không khí dị đoan mê tín và rùng rợn với nhiều truyện huyền thoại kinh dị đến rợn người! Bởi đó người dân Ả Rập tránh việc đi vào Kim Tự Tháp như người ta tránh ôn dịch. Chỉ có những tay phiêu lưu mạo hiểm mới thỉnh thoảng đột nhập vào để thám hiểm bên trong Kim Tự Tháp. Phần lớn những hành lang đen tối và những gian phòng trống trơn trong Kim Tự Tháp vẫn tiếp tục yên nghỉ trong cái yên lặng thâm u nghìn đời không người bước chân vào. Mãi cho đến cuối thế kỷ mười tám mới có những người Châu Âu là những người nặng mùi vật chất và không mê tín, đến xem xét những đồng cát chung quanh, và từ đó người ta mới bắt đầu nghe lại những tiếng búa đục vang dội bên trong ngọn tháp cổ này.

Một người Anh có tinh thần phiêu lưu tên là Nathaniel Davison, lãnh sự Anh tại Alger vào khoảng năm một ngàn bảy trăm sáu mươi, xin nghỉ phép dài hạn để sang Ai Cập. Ngọn Kim Tự Tháp làm cho ông ta suy nghĩ rất nhiều. Ông ta biết rằng người cổ Ai Cập thường chôn dấu trong ngôi lăng tẩm các vị vua chúa của họ một số vàng ngọc châu báu. Ông ta cũng biết dư luận chung của người đời coi những Kim Tự Tháp

như những ngôi mộ khổng lồ.

Khi ông ta lọt được vào bên trong Vương Cung, ông ta khám phá được một việc: Mỗi khi ông ta hô lên một tiếng lớn thì có một tiếng vang dội lại nhiều lần liên tiếp. Ông ta mới nghĩ rằng chắc là có một gian phòng trống gần đâu đây, ở phía sau những tảng đá đỏ bao bọc chung quanh gian phòng đầu tiên. Có thể rằng trong cái khoảng trống ấy, nguyên nhân gây ra tiếng vang dội nói trên, có nằm yên nghỉ một cái xác ướp quấn hàng lụa và có mang theo những đồ châu ngọc và bảo vật quý giá.

Ông Davison bèn mộ vài người phu thợ và bắt tay vào việc. Từ nhiều thế kỷ trước, vua Al Mamoun đã thăm dò cái nền đá trong Vương Cung, nhưng không tìm thấy gì. Những tiếng vang phản dội tiếng kêu của ông Davison dường như vọng lại từ phía trên. Ông ta mới chú ý đến cái nóc Vương Cung. Khi xem xét kỹ lưỡng trần nhà và những hành lang chung quanh, ông ta thấy rằng phương pháp tiện lợi nhất để trổ lên nóc nhà là đào một lỗ trống ở phần trên tường của dãy hành lang lớn để xen xét cho chắc thì lấy làm ngạc nhiên mà thấy rằng ngay tại chỗ ấy đã có sẵn một cái lỗ trống. Ông ta bèn chui vào và thấy một gian phòng chiều dài độ bảy thước, ở ngay trên trần của Vương Cung. Cái nóc của gian phòng này rất thấp đến nỗi ông Davison phải bò trên hai đầu gối để tìm cái kho tàng vô giá nó đã hấp dẫn ông đến đây. Nhưng gian phòng hoàn toàn trống rỗng! Ông ta bèn trở về Alger tay không. Ông ta chỉ được cái vinh dự là những nhà khảo cổ đến sau ông đã lấy tên ông để đặt tên cho cái gian phòng nhỏ hẹp mà ông đã khám phá trên nóc Vương Cung!

Trong những năm đầu của thế kỷ mười chín, người kế nghiệp của ông Davison trong công việc tìm tòi ở Kim Tự Tháp là một nhân vật lạ lùng, gồm những đặt tính của những triết gia mơ tưởng, một nhà thần bí và một nhà khảo cổ. Đó là đại úy Caviglia, một người Ý Đại Lợi. Ông đã dành một thời gian khá lâu cho việc sưu tầm ở Kim Tự Tháp. Lord Lindsay, người đã gặp ông ta trong một chuyến du hành sang Ai Cập, có viết một bức thư gửi về Anh Quốc như sau:

"Caviglia có nói với tôi rằng y đã dành cho việc học hỏi khoa Huyền Môn một sự hăng say đến nỗi làm cho y suýt chết. Y tuyên bố đã đạt tới cái giới hạn tùng cột trên lãnh vực Huyền Môn bị ngăn cấm với tầm hiểu biết của con người. Chỉ có sự trong sạch trong ý đồ của y đã cứu được y. Y có những tư tưởng lạ lùng, nó không phải là của trần gian. Y cho rằng là rất nguy hiểm mà tiết lộ những tư tưởng đó... "

Trong công cuộc sưu tầm khảo cổ của ông, Caviglia tạm trú một thời gian trong gian phòng Davison, sau khi ông đã dọn dẹp cái phòng thấp và tối tăm đó thành một gian phòng để ở ngay trong Kim Tự Tháp! Công trình khảo cổ của ông không phải chỉ là giới hạn trong Kim Tự Tháp lớn mà thôi. Ông còn để lại cho đời những sưu tầm trong hai Kim Tự Tháp thứ nhì và thứ ba, sự thám hiểm những hầm chôn xác ướp ở giữa các Kim Tự Tháp và thần Sphinx, việc khai quật vài cỗ quan tài quan trọng và những di tích lạ lùng khác của nền văn minh cổ Ai Cập.

Vào thời đại của nữ hoàng Victoria, định mệnh đã đưa sang Ai Cập một viên sĩ quan ưu tú của quân đội Hoàng Gia Anh Quốc, kiêm một nhà khảo cổ học uyên bác, đó là đại tá Howard Vyse. Ông ta đã huy động hàng trăm phu thợ để thực hiện những cuộc đào xới chung quanh các Kim Tự Tháp trong một công trình thám hiểm đại quy mô chưa từng có từ một nghìn năm nay, kể từ thời đại của vua Al Mamoun. Ông ta đã kêu gọi sự hợp tác của đại úy Caviglia trong một thời gian, nhưng hai người lại xung đột nhau vì tính khí bất đồng; một người Anh kỹ lưỡng, cẩn thận, trọng nguyên tắc kỷ luật và một người Ý tay ngang, bất chấp những quy ước, cỗ lệ, đành phải sớm xa nhau.

Đại tá Vyse đã chi phí cho công trình khảo cổ của ông ở Ai Cập hết mười ngàn Anh kim tiền riêng của ông và đã thu hoạch được những kết quả cụ thể. Nhiều thùng lớn chứa đầy những di tích cổ và bảo vật lý thú đã vượt biển để sung vào Bảo Tàng Viện Anh Quốc. Nhưng những cổ vật lý thú nhất vẫn còn ở lại tại chỗ.

Ông Vyse đã khám phá bốn gian phòng trong Kim Tự Tháp lớn chồng chất lên nhau ở ngay trên trần nhà của gian phòng Davison. Công việc khám hiểm này không phải là dễ dàng và không nguy hiểm. Trong khi họ đào một lối đi hẹp từ dưới lên trên xuyên qua những nóc phòng đá dày đặc, những phu thợ của ông ta luôn luôn suýt ngã xuống đất từ một bề cao mười thước! Những gian phòng này cũng thấp và hẹp như gian phòng Davison, và cũng hoàn toàn trống trơn không có gì cả.

Do sự khám phá kể trên và khi xem xét cái trần nhà bằng đá vôi của gian phòng ở trên chót đỉnh, người ta mới hiểu lý do của việc xây cất năm gian phòng thấp hẹp chồng chất lên nhau. Đó là để bảo vệ Vương Cung cho khỏi chịu cái áp lực nặng nề của toàn thể khối đá tảng khổng lồ ở phía trên, chẳng khác như một hệ thống trái độn bằng không khí tạo nên bởi những khoảng trống của gian phòng. Việc xây cất hệ thống trái độn này cũng che trở Vương Cung khỏi bị đè bẹp bởi khối đá tảng ở phần trên trong trường hợp có thể xảy ra một cơn động đất làm sụp đổ Kim Tự Tháp. Bởi đó, Kim Tự Tháp đã chống đỡ một cách hữu hiệu sự tàn phá của thời gian trong bao nhiêu nghìn năm và chứng tỏ sự chu toàn cùng cái kiến trúc vô cùng thần diệu của người cổ Ai Cập.

Trong số những điều phát hiện của đại tá Vyse, có một điều lạ lùng là một loạt những chữ ám tự này chưa hề thấy trong Kim Tự Tháp. Những chữ ám tự này do những người đá khắc trên mặt những phiến đá tảng dùng để xây cất năm gian phòng kể trên. Trong những ám tự ấy có những tên của ba vị vua Ai Cập, là Khoufou, Khnem. Khoufou, và Khnem. Các nhà Ai Cập Học không thể đưa ra sự giải thích nào khác về cái tên khnem vì họ không tìm thấy tài liệu lịch sử về một vị vua Ai Cập nào có cái tên đó. Nhưng họ biết rõ tên vua Khoufou: Đó là vị vua Pharaon của triều đại thứ tư, mà người Hy Lạp gọi là vua Khéops. Sự khám phá của ông Vyse đã đưa đến việc xác định vua Khoufou là người đã xây dựng nên Kim Tự Tháp, và xác định Kim Tự Tháp được dựng lên từ thời nào.

Tuy nhiên, cái xác ướp của vua Khoufou không hề được tìm thấy ở bất cứ nơi nào bên trong Kim Tự Tháp.

Chương 4: Một Đêm Trong Kim Tự Tháp

Tôi sắp sửa đuổi theo một hoạt động lạ lùng nhất của đời tôi, tuy lạ lùng nhưng vẫn trong sự thầm lặng. Tôi có ý định ở lại một đêm trong Kim Tự Tháp và ngồi thức suốt đêm trong Vương cung trong khi đêm tối dày đặc bao phủ nền trời Châu Phi.

Tôi đã ở một đêm trong ngôi kiến trúc kỳ dị nhất mà con người đã từng dựng lên trên bầu hành tinh của chúng ta.

Thật không phải dễ gì mà lọt được vào lúc ban đêm trong Kim Tự Tháp. Tuy mọi người đều có thể viếng ngọn tháp cổ này, nhưng nó không phải là tài sản của công chúng. Nó là tài sản của Chánh Phủ Ai Cập. Không phải ai cũng có thể lọt được vào trong đó và chiếm được một gian phòng trống để ngủ một đêm, chẳng khác như xâm nhập gia cư của người khác và nằm trong phòng ngủ tốt nhất của họ.

Mỗi khi một du khách muốn vào trong Kim Tự Tháp, y phải mua một tấm thẻ của Sở Bảo Trì Cổ Tích với giá năm đồng. Tôi bèn đến đó và xin phép ở lại một đêm trong Kim Tự Tháp lớn.

Khi công chức sở ấy nghe lời thỉnh cầu của tôi, y tỏ vẻ vô cùng ngạc nhiên chẳng khác nào như y nghe tôi xin giấy phép để du hành lên mặt trăng. Tôi nói vài lời vắn tắt để bày tỏ lý do sự yêu cầu của tôi. Từ sự ngạc nhiên, viên công chức bước qua sự thích thú, y mỉm cười. Tôi hiểu rằng có lẻ y coi tôi như một nhân vật có đủ điề kiện để lọt vào một nơi mà ít người muốn ở lại ban đêm trong đó. Sau cùng y nói với tôi:

- Tôi chưa hề nhận được một lời thỉnh cầu như thế bao giờ. Tôi không có thẩm quyền chấp thuận hay từ chối.

Y bèn giao tôi lên cho thượng cấp của y quyết định. Cái cảnh tượng buồn cười ở văn phòng viên công chức lúc nãy lại tái diễn. Tôi bắt đầu cảm thấy bớt lạc quan trong ý định của mình.

- Không thể được! Viên chủ sự nói với một giọng cương quyết tuy rằng đầy hảo ý, chắc hẳn rằng y đang đứng trước một người bị loạn thần kinh. "Điều ấy thật vô lý. Tôi rất tiếc. " Y vừa nói vừa gằn từng tiếng vừa nhún vai, và đứng dậy để sửa soạn đưa tôi ra cửa.

Tôi về nhà ngồi suy nghĩ để tìm cách thực hiện mục đích. Quyết định này của tôi trở nên một sự ám ảnh. Hôm sau, tôi bèn xin vào yết kiến Thiếu tướng El Lewa Russell pacha, chỉ huy trưởng cảnh sát thành phố Cairo. Tôi ra khỏi văn phòng ông ta với một huấn lệnh viết tay, yêu cầu viên cảnh sát trưởng quận đô thành gồm khu vực Kim Tự Tháp, hãy dành cho tôi mọi sự giúp đỡ cần thiết để thực hiện mục đích.

Chiều đến, tôi bèn đến văn phòng thiếu tá Mackersey, trưởng ty cảnh sát địa phương, bót cảnh sát Mena. Họ đưa cho tôi một quyển sổ để tôi ký tên vào đó, xong rồi bóy cảnh sát có phận sự giữ gìn an ninh cho tôi cho đến sáng ngày mai. Một cảnh binh bót Mena được biệt phái để hộ tống tôi đến Kim Tự Tháp và ra chỉ thị cho viên cảnh sát có võ trang túc trực ở phía ngoài trong đêm đó.

Khi chúng tôi bắt tay từ giả, Thiếu tá Mackersey nói đùa:

- Chúng tôi chịu trách nhiệm lớn mà để ông một mình ở trong đó suốt đêm. Ông không có ý định đặt chất nổ để phá Kim Tự Tháp chứ...

- Tôi hứa với ông không bấy nhiêu đó, mà còn hứa sẽ không vác nó lên lưng mà chạy!

- Tôi e rằng chúng tôi phải tạm nhốt ông trong đó một đêm. Cứ tối đến, chúng tôi phải khóa trái cái cửa sắt ở chỗ cổng vào. Như vậy ông bị cầm tù trong mười hai tiếng đồng hồ.

- Tốt lắm! Hôm nay, không có cái dinh thự nào làm cho tôi thích hơn là cái nhà giam đó.

Tôi bước vào trong Kim Tự Tháp do cái khoảng trống mà ngày xưa vua Al Mamoun đã cho đào một gốc để tìm lối vào, và bắt đầu thám hiểm bên trong ngọn tháp không lồ. Thật ra trước kia tôi đã từng bước vào đó rồi, nhưng bây giờ là lần đầu tiên mà tôi đến đây để thự hiện một công trình khảo sát cũng lạ lùng như cái công trình nó thúc đẩy tôi trở lại xứ Ai Cập.

Sau khi đã đi qua những dãy hành lang và đường hầm đen tối quanh co như mê cung, tôi lọt vào gian phòng chính của Kim Tự Tháp, gọi là Vương Cung. Nhưng ống dẫn khí thông hơi ra đến bên ngoài, là những bằng chứng đánh đổ giả thuyết cho rằng Kim Tự Tháp là một ngôi lăng tẩm. Tôi rọi đèn bấm lên các vách và trên trần, và lại một lần nữa lấy làm thán phục sự nối ráp một cách toàn hảo và tinh vi những khối đá rắn chắc và to lớn đã được mài dũa trơn bén. Dưới mặt đất cũng như trên các vách đá, còn những vết tích để lại do những cuộc thám hiểm của những kẻ tìm kiếm kho tàng. Ở một góc về phía tây bắc, có một lỗ vuông dài và sâu, và ở kế bên là một tảng đá dài dựng bên vách, trước kia dùng để lót sàn bằng đá nhưng bị cậy bật lên bởi những kẻ tìm vàng và còn để lại đó. Nằm song song với tảng đá này là một cái hòm bằng đá không có nắp, mặt đá phẳng lỳ không có trạm trổ hay khắc chữ chi cả giống như một cổ quan tài. Đó là vật duy nhất trong gian phòng trống trơn, đầu xoay về hướng Bắc chân xoay về hướng Nam.

Tảng đá cậy bật lên từ dưới đất có thể dùng làm chỗ ngồi. Tôi bèn ngồi lên đó, hai chân sếp bằng và sửa soạn ở lại đó suốt đêm. Tôi đặt xuống bàn tay mặt tôi cái nón, áo ngoài và đôi giày, phía bên trái tôi để cái đèn bấm bậc sáng, một bình thủy thermos đựng trà nóng, một bình nước lạnh, quyển sổ tay và cây bút máy. Tôi đưa mắt nhìn một lần cuối cùng khắp chung quanh gian phòng, nhìn qua cái hòm đá ở bên cạnh tôi, rôi tắt luôn ngọn đèn bấm.

Khi tôi đột nhiên đắm chìm trong đêm tối, tôi tự hỏi: Việc gì có thể xảy đến cho tôi đêm nay... Trong hoàn cảnh lạ lùng này, tôi chỉ có một việc là đợi chờ...

Giờ phúc trôi qua một cách chậm chạp, trong khi đó tôi cũng từ từ cảm thấy gian phòng Vương Cung này có một bầu không khí rất lạ mà tôi chỉ có thể gọi bằng tĩnh từ thiêng liêng. Tôi đã cố tình giữ một tinh thần thụ cảm, một cảm giác thụ động, một thái độ tiêu cực, để có thể ghi nhận một cách rõ ràng và toàn vẹn mọi sự gì vượt khỏi lãnh vực phàm gian thực tại. Tôi muốn rằng không có một thành kiến riêng tư nào ngăn cản tôi tiếp nhận sự gì có thể xảy đến từ lãnh vực siêu linh. Lần lần tôi định tĩnh tinh thần cho đến khi tâm trí tôi hầu như vắng lặng, hư không.

Sự vắng lặng nó bao phủ tâm trí tôi lúc ấy đem đến cho tôi một sự hiểu biết rõ ràng về một cái vắng lặng khác, đó là cái vắng lặng tràn ngập cuộc đời tôi. Cõi thế gian, với sự náo động ồn ào của nó, đối với tôi trở nên xa lạ như nó không hề có từ bao giờ. Không một tiếng động, không một hơi thở đến với tôi từ cảnh đêm tối chung quanh. Thật ra, thế giới của những Kim Tự Tháp do im lặng ngự trị một cách im lặng đã có từ thời tiền sử xa xăm và không một người du khách nào có thể làm gián đoạn, bởi vì mỗi đêm lại đem lại sự im lặng trở về nguyên vẹn, hoàn toàn, gây cho ta sự sợ hãy nghiêm trọng nhất.

Tôi bèn quan sát bầu không khí uy nghiêm trong gian phòng. Những người nhạy cảm thường nhận thức được cái kinh nghiệm thông thường này trong những nơi đền miếu cổ kính thâm nghiêm. Kinh nghiệm của tôi cũng bắt đầu bằng cái cảm giác tương tự. Thời gian càng trôi qua, cái ý thức về sự cỗ lổ thậm thâm của ngọn Kim Tự Tháp này càng in dấu vết sâu đậm trong tâm hồn tôi, tôi càng cảm thấy rằng thế kỷ hai mươi đang lui dần và mất dạng. Tuân theo cái quyết định mà tôi đã lập sẵn cho mình, tôi không đưa ra một sự phản ứng nào cả để chống lại cái cảm giác đó, trái lại, tôi để cho nó tăng cường thêm gấp đôi.

Tôi bắt đầu có cái cảm giác lạ lùng về một sự hiện diện vô hình đến gián đoạn sự cô đơn của tôi. Dưới bức màn đen tối dầy đặc bao phủ chung quanh, tôi cảm thấy rằng có một cái gì cựa quậy và sống động bắt đầu xuất hiện. Đó là một cảm giác mơ hồ nhưng có thật. Phối hợp với ý niệm mỗi lúc càng tăng về sự trở về dĩ vãng, nó làm cho tôi có ý thức rõ rệt về một ảnh hưởng siêu linh, thần bí.

Tuy thế, không có gì nhất định, rõ rệt trong cái ý niệm mơ hồ đó về một sự hiện diện lạ lùng và sống động trong bóng tối. Giờ phút trôi qua lặng lẽ, đưa đến một luồng khí lạnh mỗi lúc càng tăng. Ảnh hưởng của ba ngày nhịn đói mà tôi đã áp dụng để tăng gia sự nhạy cảm của tôi, lúc ấy biểu lộ bằng những cơn run rẫy mỗi lúc càng nhiều. Do những ống thông hơi, không khí lạnh từ bên ngoài lọt vào Vương Cung đã thấm vào mình tôi xuyên qua lớp áo mỏng, làm cho tôi run lên cầm cập. Tôi bèn đứng dậy mặc thêm áo ngoài mà tôi đã bỏ trên tảng đá cách đó vài giờ vì e sợ tiết trời nóng nực. Nhưng đó là tiết trời ở một vài nơi tại vùng cận Đông. Khí hậu nóng bức lúc ban ngày, và lạnh lẻo lúc ban đêm.

Tôi ngồi lại trên tảng đá và đắm mình trong cái im lặng chết người và trong đêm tối rùng rợn. Cái im lặng của nhà mồ, cái hòm bằng đá trống trơn ở bên cạnh tôi không làm cho thần kinh tôi lắng dịu, trong khi sự gián đoạn vừa rồi trong cơn thiền định của tôi dường như cũng làm gián đoạn cả một chuyện khác. Thật vậy, tôi nhận thấy rằng điều nghi ngại về một sự sống vô hình lởn vởn ở chung quanh tôi đã trở thành một điều chắc chắn. Quả thật, bên cạnh tôi có một cái gì sống động, thổn thức, nhịp nhàng, tuy rằng tôi vẫn chưa nhìn thấy đó là vật gì. Đột nhiên tôi cảm thấy lo sợ khi tôi nghĩ đến sự cô quạnh của tôi và những nguy cơ có thể xảy đến. Tôi vẫn ngồi yên như thế một mình, trong gian phòng tối ở một chiều cao bảy chục thước khỏi mặt đất, cao hơn nhiều đối với sự sinh hoạt của một triệu dân thành phố Cairo, ở giữa màn đêm đen tối như mực, bị giam lỏng trong ngọn tháp lạ lùng này mà cửa ngoài đã khóa chặt, ở ven một bãi sa mạc rộng đến hàng mấy trăm dặm, trong khi ở bên cạnh gian nhà ngục tạm thời của tôi trong một đêm, có lẽ là ngôi kiến trúc cổ xưa nhất thế giới, đang chen chúc nhau một cách la liệt hỗn độn bao nhiêu những mồ mả âm u, trong cái nghĩa địa của một đế đô cổ xưa nghìn đời ngày nay đã biệt tích.

Dưới cặp mắt tôi, là cặp mắt đã từng quan sát tỉ mỉ cõi giới siêu linh, những điều huyền bí thuộc cõi siêu hình, và sưu tầm cặn kẽ khoa pháp môn phù thủy của phương Đông, thì gian phòng rộng rãi của Vương Cung lúc ấy có sự hiện diện của những nhân vật vô hình, và những vị Thần linh có nhiệm vụ canh gác ngôi kiến trúc thâm nghiêm này. Dường như một gọng nói từ cõi u minh sắp sửa thốt lên bất cứ lúc nào để phá tan cái im lặng bao la này. Tôi đã từng quen thuộc với sự cô đơn, và tôi rất thích sống trong cô đơn, nhưng sự cô quạnh của gian phòng này có một cái gì nguy hiểm và rùng rợn đáng sợ.

Sự tối tăm nó làm đắm chìm tất cả mọi sự vật, bắt đầu đè nặng lên đầu tôi như một khối sắt nghìn cân. Trong người tôi phảng phất một sự sợ hãy vô lý. Tôi bèn xua đuổi nó đi tức khắc. Người ta không cần có một sự can đảm thể chất để lại bên trong Kim Tự Tháp hoang vắng, mà là cần có ít nhiều can đảm tinh thần. Người ta chắc rằng không có một con rắn nào chui ra từ một cái lỗ hay một khe đá, cũng không có một kẻ sát nhân nào ẩn núp trong đó từ lúc tối trời. Thật ra những sinh vật duy nhất hiện ra trước mắt tôi từ chặp tối là một con chuột sợ hãy chạy loạn cả lên để tìm lối thoát khi nó gặp ánh đèn sáng rực của tôi ở ngoài hành lang, kế đó tôi khám phá ra hai con cắc kè bò ở trên trần của Hậu Cung, màu da vàng đục của chúng cho thấy chúng đã sống rất lâu đời, và sau cùng là những con dơi ở dưới hầm đá. Cần nói thêm là vài con dế đã thốt ra tiếng kêu rất lớn khi tôi bước vào hành lang chính, nhưng khi nghe tiếng động, chúng nó liền im bặt. Và bấy giờ, thì cái im lặng bao trùm khắp Kim Tự Tháp. Không có gì của thế giới vật chất làm tôi bất mãn, nhưng dẫu sao, tôi lại cảm thấy một lần nữa một cảm giác khó chịu mơ hồ dường như có những cặp mắt vô hình đang rình rập tôi ở đâu đây. Chốn này thật là phảng phất một bầu không khí yêu ma hư ảo.

Vài loại rung động của tinh lực, âm thanh và ánh sáng lọt ra ngoài phạm vi khả năng cảm xúc thông thường của con người. Những chương trình truyền thanh đi xuyên khắp không gian để đến tai những thính giả trên thế giới, nhưng họ sẽ không nghe thấy gì nếu họ không điều chỉnh cho máy thu thanh của họ bắt

đúng luồng sóng điện. Tôi đã xả thiền và thoát ra khỏi trạng thái hoàn toàn thụ cảm, để dồn tất cả sức mạnh, tập chung ý chí vào sự cố gắng nhằm chọc thủng cái im lặng và bóng tối dày đặt nó bao phủ chung quanh tôi. Nếu do hậu quả sự tập trung tinh thần mãnh liệt vào nội tâm, khả năng quan sát của tôi được nới rộng đến một tầm mức phi thường, thì chừng đó có thể nào tôi không bắt chợt nhìn thấy sự hiện hiện của những sức mạnh vô hình... Biết đâu...

Tôi chỉ biết rằng khi tôi tự điều chỉnh bằng phương pháp hồi quan phản chiếu mà tôi được truyền thụ từ lâu trước chuyến du hành lần hai sang Ai Cập, tôi nhận biết được rằng có những mãnh lực bất hảo đã xâm chiếm gian phòng, có một cái gì tiến lại gần tôi mà tôi cảm thấy là nguy hiểm. Một sự sợ hãi làm rung chuyển tâm hồn tôi. Tôi cố xua đuổi đi thì nó lại trở lại từng hồi. Tôi cố gắng áp dụng phương pháp hồi quan phảng chiếu một cách ráo riết hơn nữa sự nhạy cảm càng tăng theo cái đà thường lệ của nó và biến thành một linh ảnh. Những hình bóng lởn vởn chập chờn vô định trong gian phòng, lần lần chúng nó hiện ra với những hình thù rõ rệt hơn, đột nhiên có những vong linh hung ác xuất hiện và xáp lại gần kề bên gương mặt tôi. Kế đó, một vật đen ngòm tiến lại gần tôi với một cái nhìn dữ tợn và đưa tay lên với một cử chỉ hăm dọa, như muốn gây cho tôi một sự kiêng nể pha lẫn với sự kinh hoàng.

Những vong linh mà người ta không thể lường được tuổi từ bao nhiêu đời, dường như đã kéo nhau lại đó từ cái nghĩa địa gần bên, một cái nghĩa địa cổ xưa đến nỗi những xác ướp quật lên liền tan ra thành tro bụi trong những chiếc hòm bằng đá. Chính những vong hồn còn bám víu xác ướp cổ lỗ này, đã xuất hiện một cách hung dữ trong gian phòng của tôi. Tất cả những chuyện huyền thoại về những ma quái lởn vởn ở vòng chung quanh Kim Tự Tháp đã trở lại trong ký ức của tôi, với những chi tiết rùng rợn khi những chuyện ấy được kể lại cho những người Ả Rập ở làng gần bên. Khi tôi nói với một người bạn trẻ Ả Rập tôi có ý định ở lại một đêm trong Kim Tự Tháp, y cố gắng khuyên can tôi:

- Mỗi tấc đất trong đó điều có ma! Vùng này có tất cả một đạo binh yêu ma và thần linh.

Sự cảnh cáo này không phải là vô ích, vì bây giờ tôi có thể nhận thấy đúng như thế. Những hồn ma bóng quế đã xâm nhập vào nơi tạm trú của tôi, và quay cuồng khắp chốn, cái cảm giác khó chịu và khó tả của tôi lúc đầu nay đã được hoàn toàn giải đáp. Dưới một sự căng thẳng như thế, ở chính giữa cái thể xác bất động của tôi, tôi nhận thấy rằng quả tim của tôi đập mạnh như búa bổ. Sự sợ hãy điều quái dị, nó rình rập chúng ta luôn luôn, lại xâm chiếm chiếm lấy tôi một lần nữa. Sự sợ sệt, kinh hãi, khủng khiếp lần lượt đến với tôi và lột trần bộ mặt dữ tợn của chúng. Hai bàn tay tôi tự nhiên nắm chặt lại như những gọng kềm. Nhưng tôi quyết vượt qua cơn thử thách, tuy rằng những hình thù ma quái lúc đầu đã gây cho tôi cảm giác sợ sệt, sau cùng chúng nó làm tôi phải huy động tất cả sự can đảm và tinh thần chiến đấu mà tôi có thể.

Đôi mắt tôi vẫn nhắm, trong khi tất cả những vong hồn màu xám đục, và mờ sương, lướt nhẹ chung quanh và hiện rõ rệt trong linh cảm của tôi, luôn luôn với sự thù nghịch mãnh liệt, sự nhất tâm ráo riết ngăn cản theo đuổi quyết định của tôi.

Cả một đoàn ma quái thù nghịch vây phủ lấy tôi. Tôi có thể giải vây được dễ dàng bằng cách bật đèn bấm hoặc đốt đuốc lên, hoặc đứng lên để thoát mau ra khỏi phòng và chạy một quảng độ vài ba trăm bộ đến cổng ngoài, tại đó người gác cổng có võ trang có thể đem đến cho tôi một sự tăng viện đáng kể. Cơn thử thách bắt tôi phải chịu một hình thức tế nhị của sự cực hình, nó khuấy phá linh hồn tôi, trong khi thể xác tôi vẫn nguyên vẹn. Nhưng đồng thời trong tôi cũng có một sự thúc đẩy mạnh mẽ buộc tôi phải vượt qua giai đoạn thử thách ấy cho đến cùng.

Sau cùng giai đoạn quyết liệt đã đến. Những loài yêu quái hình thù ghê rợn, gớm ghiếc, không thể tả nỗi mà chỉ có ở cõi Âm Ty, những loài ma quỷhình dung cổ quái, dị hợm, điên rồ, rùng rợn, quái đản, từ đâu kéo đến thật đông chung quanh tôi, sự ghê tởm mà chúng nó gây cho tôi làm cho tôi chảy qua một cơn đau khổ không thể tưởng tượng! Trong vài phúc đồng hồ, tôi đã trải qua những cơn xúc động mà kể từ đó

về sau tôi không thể nào quên được. Cái cảnh tượng độc đáo ấy đã được khắc trong ký ức của tôi bằng những nét sâu đậm không thể xóa mơ. Kể từ nay, bất cứ giá nào ở cõi trần gian này tôi sẽ không bao giờ muốn tái diễn cái kinh nghiệm khủng khiếp như đêm nay; tôi sẽ không bao giờ ở lại một đêm nữa trong Kim Tự Tháp.

Cảnh tượng ấy chấm dứt đột ngột lạ thường. Những loài yêu ma, quỷquái biến mất dạng trong bóng tối mà từ đó chúng đã xuất hiện ra; chúng trở về cõi U Minh của những người đã chết, đem theo luôn với chúng tất cả những sự gớm ghiếc, ghê tởm và rùng rợn. Thần kinh của tôi hầu như bị bẻ gãy hết nữa phần, đã cảm giác được một sự thoải mái dễ chịu lớn lao chẳng khác nào như một lính chiến ngoài mặt trận khi cơn oanh tạc dữ dội đột nhiên chấm dứt.

Không biết bao nhiêu thời gian đã trôi qua cho đến khi tôi ý thức được một sự hiện diện mới trong gian phòng. Đó là một sự hiện diện tốt lành, một nhân vật có thiện cảm, đứng ngay ở chỗ cửa vào và ban cho tôi những cái nhìn đầy hảo ý. Sự có mặt của người này đem đến một sự thay đổi hoàn toàn cho bầu không khí chung quanh, một sự thay đổi rất khả quan và lành mạnh. Một yếu tố mới bắt đầu ảnh hưởng đến con người nhạy cảm của tôi, vừa bị trải qua một cơn đe dọa khủng khiếp, bây giờ thì tôi đã trấn tĩnh và trở về với sự bình yên. Nhân vật ấy bước đến gần tảng đá chỗ tôi đang ngồi, khi đó tôi thấy có một nhân vật khác nữa cùng đi theo sau. Cả hai người cùng đứng gần bên tôi và nhìn tôi một cách nghiêm chỉnh; những cái nhìn của họ chứa đầy một ý nghĩa tiên tri. Tôi cảm thấy rằng một giờ phút quan trọng của đời tôi sắp đến gần.

Hai vị này hiện ra trong linh ảnh của tôi với một hình dáng khó quên. Những tà áo rộng trắng và giầy dép của họ, tất cả đều trở lại trí nhớ của tôi trong khoảnh khắc. Ngoài ra, họ có mang những phù hiệu rõ ràng về chức sắc của họ, người ta nhận ra ngay họ là những vị Đạo trưởng cao cấp của nền tôn giáo cổ Ai Cập. Một ánh hào quan bao phủ quanh mình họ chiếu một ánh sáng lạ lùng khắp một phần của gian phòng. Thật ra, họ có vẻ đặc biệt hơn những người thường; họ có cái cốt cách huy hoàng của những bậc siêu nhân, gương mặt họ toát ra một sự bằng an lạ thường, cái bằng an của một đạo viện thâm nghiêm.

Hai vị vẫn đứng yên như hai pho tượng, họ chăm chú nhìn tôi với hai chắp ngang trên ngực, và giữ một sự im lặng hoàn toàn.

Phải chăng tôi đang hoạt động trong một chiều đo thứ tư của không gian, và thức tỉnh để quan sát một cái dĩ vãng nghìn đời... Cái ý thức của tôi về thời gian phải chăng đã thụt lùi trở về thời cát bụi xa xăm của nước cổ Ai Cập... Không, không thể được, vì tôi đang nhận thức rõ ràng hai nhân vật ấy có thể nhìn thấy tôi, thậm chí họ cũng đang sắp sửa nói chuyện với tôi.

Hai vị khuất mặt nghiên mình tới trước, một vị hình như đôi môi mấp máy; gương mặt người kề sát bên gương mặt tôi, đôi mắt người chiếu diệu một tia sáng huyền ảo. Giọng nói của người vang dội bên tai tôi:

- Tại sao ngươi lại đến chốn này và định kêu gọi đến những năng lực huyền bí... Cuộc sống trần gian không đủ làm thỏa mãn ngươi hay sao...

Những lời này đến với tôi không phải bằng sự xúc cảm vật chất của thích giác; vì lẽ không có một rung động âm thanh nào đã xé tan cái im lặng trong gian phòng. Nhưng dường như tôi nghe những lời ấy cũng như một người điếc nghe được ở bên trong lỗ tai của mình. Tiếng nói mà tôi nghe được, người ta có thể ngờ rằng đó là tiếng nói trong nội tâm, bởi vì tuy rõ ràng là tôi nghe thấy bên trong lỗ tai tôi, nhưng nó cũng có thể gây ra cái ấn tượng của một tư tưởng. Nhưng thật ra không phải như vậy. Đó là một tiếng nói thật sự.

Tôi đáp:

- Thưa không!

Vị đạo trưởng nói với tôi:

- Sự náo nhiệt phồn hoa của chốn thị thành đông đúc sẽ chấn an tinh thần cho những kẻ lòng còn run sợ. Đi, người hãy trở về với những thân nhân bạn bè, và ngươi sẽ chóng quên cái điều vọng tưởng vu vơ nó đã đưa ngươi đến đây.

- Tôi không thể.

Người lại nói:

- Con đường ảo vọng sẽ làm cho ngươi mất cả lý trí. Nhiều người đã từng đi lạc vào đó, và trở về thành kẻ loạn óc, điên khùng. Người hãy trở về trong khi còn kịp thời giờ, hãy trở về với con đường dành cho những bước đi của người trần gian.

Nhưng tôi lắc đầu và nói nhỏ như trong hơi thở:

- Tôi phải theo con đường này, đối với tôi không còn con đường nào khác.

Vị đạo trưởng lại bước đến gần và lại nghiêng mình về phía chỗ tôi ngồi. Tôi nhìn thấy đó là gương mặt một vị trưởng lão hiện ra trong đêm tối. Trưởng lão nói thì thầm vào tai tôi:

- Kẻ nào tiếp xúc với chúng ta sẽ tuyệt giao với cuộc đời thế tục. Ngươi dám chắc rằng ngươi có đủ sức đi vững bước một mình chăng...

- Thật ra tôi cũng không biết.

Vị trưởng lão lại nói thì thầm:

- Hãy theo ta, rồi khi ngươi đã nhìn thấy, ngươi hãy trả lời cho ta biết.

Kế đó tôi nhìn thấy, như trong một linh ảnh xa xăm, những đường lộ ngoắt ngoéo như mê cung của một thành phố lớn. Cảnh tượng đó hiện ra rất mau chóng, cho đến khi tôi nhận thấy ở phía trước có một ngôi nhà cổ, gần một nơi có rào sắt. Tôi thấy một cầu thang tối om đưa lên một phòng nhỏ hẹp ở phía dưới nóc nhà. Vị đạo trưởng lại đột nhiên xuất hiện tại chỗ ấy, ngồi một bên giường nằm của một ông già khác mà râu tóc rối nùi, với những nét mặt gân guốc phong trần. Ông già này hẳn là đã vượt quá từ lâu về cái độ về chiều của cuộc đời, căn cứ vào nước da màu xám tro và bọc lấy xương của ông ta. Gương mặt hốc hác xương xẩu của ông ta chứng tỏ một sức lực đã tàn, làm cho tôi động lòng trắc ẩn, nhưng khi nhìn kỹ ông ta tôi cảm thấy rợn người vì tôi thấy ông ta đang vật lộn với tử thần, một cuộc vật lộn mà kết quả đã hiển nhiên không còn nghi ngờ gì nữa. Vị đạo trưởng dẫn đường cho tôi nhìn người hấp hối với cái nhìn thương hại. Người dơ tay lên và nói:

- Đợi vài phút nữa thôi, ông bạn hỡi, và ông bạn sẽ được bình an. Đây tôi có đem đến cho ông bạn một người đi tìm những mãnh lực nhiệm mầu. Ông bạn hãy nói với y vài lời, để chia sẽ với y ích nhiều kinh nghiệm.

Đột nhiên tôi trở nên không phải chỉ là một người chứng kiến, mà lại là diễn viên trong cái màn bi kịch lạ lùng này. Với một tiếng thở rất nhọc mệt làm se thắt lòng, người hấp hối day đầu lại và nhìn thẳng vào mặt tôi. Dẫu cho tôi có đi tận chân trời góc bể tôi cũng không bao giờ quên cái nét kinh hoàng hiện ra trong đôi mắt của y.

- Anh còn trẻ hơn tôi, y nói thì thầm, nhưng tôi đã đi khắp vũ trụ một lần, hai lần, ba lần. Tôi cũng vậy,

tôi đi tìm cái mà anh đang tìm. Ồ! Tôi đã tìm kiếm xiết bao!

Y ngừng lại một lúc, đầu y lại rơi xuống gối, y cố gắng nhớ lại việc cũ. Kế đó y ngồi nhỏm dậy, chống đỡ trên hai khủy tay, rồi đưa ra một cánh tay dài và gầy ốm. Bàn tay y với những ngón tay xương xẩu, giống như tay của một bộ xương người. Y nắm lấy bàn tay tôi siết chặt như một cái kềm. Tôi cảm thấy rằng cái nhìn sâu sắc của y soi vào tận hai mắt tôi và định tìm hiểu linh hồn tôi.

- Đồ điên, y nói lớn, những mãnh lực duy nhất mà tôi tìm thấy chỉ là những mãnh lực của xác thịt và của ác quỷ! Không có mãnh lực nào khác. Anh nghe chưa, không có mãnh lực nào khác nữa!

Sự cố gắng ấy vượt quá sức của y. Y liền rơi xuống gối, và tắt thở. Vị hướng dẫn tôi không nói một lời. Người ngồi yên trong một phút suy tư bên cạnh giường. Khi đó, cái linh ảnh đã tan đi mất. Một lần nữa tôi lại thấy tôi ngồi trong Kim Tự Tháp. Vị đạo trưởng im lặng nhìn tôi, và tôi cũng đáp lại bằng cái nhìn câm lặng. Người đọc được tưởng tôi, nên từ trong bóng tối, vọng đến tai tôi những lời này:

- Được, ngươi đã chọn con đường này. Quyết định của ngươi từ nay sẽ không thay đổi. Vĩnh biệt.

Người liền biến mất. Tôi còn ngồi lại một mình với vị đạo trưởng thứ nhì, vị này từ lúc đầu chỉ đóng vai trò một nhân chứng im lặng. Người bèn bước đến trước chiếc hòm bằng đá. Người có cái gương mặt của một ông lão rất già. Tôi không thể đoán tuổi tác của người đến bao nhiêu.

- Con hỡi, ông lão nói một cách bình tĩnh, những đấng cao cả gìn giữ những quyền năng thần bí đã thu nhận con trong bàn tay của các ngài. Đêm nay con phải được đắt đến phòng thụ huấn. Con hãy nằm ngữa trên tảng đá này. Hồi thời cổ xưa, thì phải nằm trong cái hòm đá kia, có lót những cành và lá cây chỉ thảo.

Đoạn ông lão chỉ cỗ quan tài ở giữa phòng. Tôi không làm gì khác hơn là vâng lời vị đạo trưởng già bí mật. Tôi nằm đặt lưng trên tảng đá. Tôi vẫn chưa biết rõ chuyện gì xảy ra ngay sau khi đó. Tôi cảm thấy như ông lão đã cho tôi uống một liều thuốc mê đặc biệt, có ảnh hưởng rất chậm vì tất cả bắp thịt của tôi đều cứng đơ, kế đó thì một sự tê liệt từ từ xâm chiếm lấy cả tứ chi. Toàn thân tôi trở nên nặng nề và cứng ngắc. Trước hết, hai bàn chân tôi tê lạnh, rồi lần lần đến hai chân và cảm giác tê lạnh cứ đi dần dần từ dưới lên trên. Bây giờ thì cả hai chân tôi đều không còn cảm giác gì nữa.

Dường như tôi sắp bước vào trạng thái nữa mê nửa tỉnh, một cái linh tính bí mật báo cho tôi biết rằng sự chết đã đến gần. Tuy thế, tôi vẫn không nao núng, vì từ lâu tôi đã vượt khỏi sự chết cố hữu của người đời và tôi chấp nhận điều không thể tránh được với một tinh thần triết lý.

Cảm giác lạnh đã lên đến ngực, phần dưới thân hình tôi đã hoàn toàn tê liệt. Khi đó, tôi có một cái gì như là nhói vào quả tim, nhưng cái cảm giác đó qua mau và tôi hiểu rằng cơn khủng hoảng cuối cùng sẽ không còn lâu nữa. Nếu tôi có thể nới rộng hai quai hàm đã cứng thì tôi đã bật cười về cái tư tưởng đầu tiên đến với tôi lúc ấy. Cái tư tưởng đó là: "Ngày mai, người ta sẽ tìm thấy xác chết của tôi trong Kim Tự Tháp, và thế là hết. " Tôi biết chắc rằng tất cả những cảm giác của tôi đều do cái nguyên nhân là sự chuyển tiếp của linh hồn tôi giữa cuộc đời thế tục và cõi giới bên kia nấm mồ.

Tuy tôi biết rõ ràng tôi đang trải qua những cảm giác của một kẻ đang hấp hối, nhưng tôi không có một sự phản ứng nào không thể chống cự lại. Sau cùng, tất cả ý thức của tôi đã tập trung lên đầu, một sự quay cuồng điên loạn cuối cùng diễn ra trong khốc óc của tôi. Tôi cảm thấy dường như tôi bị cuốn lôi theo một trận cuồng phong dữ dội và tôi chui qua một cái lỗ nhỏ hẹp. Rồi trong một lúc, tôi hoảng sợ như sắp bị ném vào khoảng không gian vô tận, tôi lao mình vào khoảng không..., và tôi liền được giải thoát!

Không một ngôn ngữ nào có thể diễn tả những nỗi sung sướng của sự giải thoát mà tôi vừa trải qua. Tôi đã biến thành một vật tâm linh, một vật cấu tạo bằng tư tưởng và tình cảm, không còn bị trói buộc bởi

những chướng ngại của cái ngục tù nó vẫn giam hãm tôi, tức là cái thể xác nặng nề bằng xương thịt này. Thoát ly ra khỏi cái gánh nặng của thể xác. Tôi đã trở nên giống như một vong linh, như một người chết vừa chui ra khỏi mồ, nhưng tuyệt nhiên không hề mất đi cái ý thức của mình. Thật ra, ý thức về sự sống của tôi lại còn đậm đà nồng nhiệt hơn trước. Trên hết mọi sự, việc thoát lên một cõi giới thanh cao hơn đem cho tôi cái cảm giác tự do, một sự tự do sung sướng, tốt lành của cõi giới thuộc về chiều đo thứ tư nó dung nạp lấy tôi.

Trước tiên, tôi thấy tôi còn nằm ngửa trên lưng, giống như cái thể xác mà tôi vừa rời bỏ, và lơ lửng trên cái sàn gạch đá. Kế đó tôi cảm thấy như có một bàn tay đẩy nhẹ tôi tới trước và đỡ tôi đứng dậy trên hai chân. Sau cùng, tôi cảm thấy như vừa đứng, lại vừa lơ lửng trên không.

Từ trên không gian, tôi ngắm nhìn cái thể xác bằng xương thịt mà tôi vừa rời bỏ, đang nằm yên, bất động trên tảng đá. Gương mặt không cảm xúc, lật ngửa lên trần nhà, đôi mắt hé mở, tuy nhiên hai con ngươi không còn đủ sáng đểchỉ rằng hai mí mắt không đóng chặt. Hai tay chắp trước ngực, cử chỉ mà tôi không nhớ đã làm trước khi đó. Hai là ai đó đã chấp hai tay của tôi lại mà tôi không hay... Hai chân duỗi thẳng dọc theo nhau từ đầu đến cuối. Đó là cái thể xác nằm ngửa của tôi, dường như đã chết, mà tôi vừa thoát ra khỏi và bỏ lại đó.

Tôi nhận thấy rằng một tia ánh sáng yếu ớt và trắng như bạc từ mình tôi, cái tôi mới, phóng xuống cái thể xác đang nằm yên bất động trên tảng đá. Đó là một điều lạ, nhưng lạ hơn nữa là tôi thấy cái sợi nhau rún vô hình bí mật đó chiếu sáng cả một gốc phòng Vương Cung mà tôi đang lơ lửng trên không, và soi lên những viên đá trên tường như một ánh trăng sáng diệu.

Tôi chỉ còn là một bóng ma, một vong linh không thể xác đang vẫn vơ trong không gian. Tôi đã hiểu tại sao các nhà hiền triết cổ Ai Cập dùng con chim làm biểu tượng của linh hồn trong những chữ ám tự cổ xưa. Với cảm giác bay lơ lửng trên không chẳng khác nào như tôi có mọc hai cánh và bay lướt trên cái thể xác đã bỏ rơi, giống như con chim bay lượn trên một vật gì ở dưới đất, cái biểu tượng đó thật là khéo lựa chọn.

Vậy là tôi đang ở trong không gian, tôi đã tách rời linh hồn tôi ra khỏi cái xác phàm, tôi đã tự phân thân tôi ra làm thành hai phần khác nhau, tôi đã rời bỏ cõi thế gian mà tôi vẫn ở bấy lâu nay. Tôi có cảm giác như trở nên một vật tinh anh như dĩ thái, thanh nhẹ vô cùng, trong một cái thể mới, tức cái thể vía, mà tôi khoát lấy kể từ nay. Nhìn tảng đá lạnh trên đó cái thể xác tôi đang nằm, tôi có một ý nghĩ giản dị nó biểu lộ ra một cách thầm lặng bằng những lời này:

- Đó là trạng thái của sự chết. Bây giờ tôi biết rằng tôi là một linh hồn, và tôi có thể sống ngoài xác thân. Tôi sẽ tin như vậy luôn luôn, vì tôi đã trải qua kinh nghiệm đó.

Cái tư tưởng đó bám chặt lấy tôi một cách ráo riết như một gong kềm, trong khi tôi vẫn lơ lửng phất phơ trên cái thể xác trống rỗng. Tôi đã kinh nghiệm sự tồn tại của linh hồn bằng phương pháp hiệu quả nhất: Bằng cách di chuyển thật sự ra khỏi thể xác, rồi thấy rằng mình vẫn còn sống! Tôi tiếp tục nhìn cái xác phàm còn bỏ xót lại. Phải chăng là nó mà trong bao nhiêu năm tôi vẫn gọi là cái tôi... Một đống nhục thể, vôtri giác, có thế thôi. Đó là điều mà bấy giờ tôi mới khán phá, với bằng chứng rõ ràng. Nhìn vào đôi mắt mù tịch không còn thấy gì nữa, không còn đáp ứng với ngoại cảnh, tôi mới nhận thấy rõ tất cả sự mỉa mai của vấn đề. Cái thể xác vật chất của tôi vẫn giam hãm lấy tôi, cái tôi thật, nhưng bây giờ tôi đã thật được tự do. Trước kia, tôi vẫn được trở đi lại đó đây trên hành tinh này, bằng một cái cơ thể mà từ lâu nay tôi vẫn lầm lẫn với cái tôi thật.

Dường như cái ý thức về luật hấp dẫn đã biến mất, tôi vẫn phất phơ trên không trung và cảm thấy vừa như treo lơ lửng lại vừa như đứng một cách lạ lùng. Bỗng nhiên xuất hiện bên cạnh tôi vị đạo trưởng già đạo mạo, cốt cách thanh kỳ. Đôi mắt nhìn lên, gương mặt trầm tĩnh, phong độ ung dung, người cầu

nguyện:

- Ô Amen, Ô Amen ở trên trời, hãy nhìn về cái thể xác đứa con ngài và ban cho y ân huệ trong cõi giới tâm linh.

Kế đó người nói với tôi:

- Bây giờ con đã học xong bài học lớn. Con người, mà linh hồn sinh ra từ đấng bất diệt, không thể nào chết mất đi đâu. Con hãy ghi nhận cái chân lý đó bằng ngôn ngữ của trần gian.

Ngay lúc đó, trước mặt tôi lần lượt xuất hiện gương mặt khá quen thuộc của một thiếu phụ đã quá vãng mà tôi đã đi đám táng trên hai mươi năm về trước, rồi đến những nét mặt quen thuộc của một người bạn chí thân mà tôi đã đưa đến chỗ yên nghỉ cuối cùng cách đây hai mươi năm, sau cùng là nụ cười hồn nhiên của một đứa trẻ mà tôi đã biết chết trong một tai nạn. Cả ba người điều nhìn tôi trong sự trầm lặng, giọng nói thân mật của họ đã thốt ra chung quanh tôi. Tôi nói ít lời vắn tắt với mỗi người ấy, rồi họ lui gót rồi biến mất. Vị đạo trường già nói:

- Họ cũng sống như con đây, như cái Kim Tự Tháp này đã từng chứng kiến cái chết của nữa phần nhân loại và nó vẫn còn tồn tại. Con hỡi, con nên biết rằng trong ngọn tháp cổ này còn ẩn tàng cái di sản đã mất của những giống người đầu tiên và sự liên minh mà họ đã ký kết với đấng tạo hóa, do sự trung gian của vị tiên tri đầu tiên. Nhưng người được chọn lựa ngày xưa đã được đưa đến đây để trình bày cho thấy cái liên minh đó và để khi họ trở về nhà, họ có thể duy trì sự bí mật đó mãi mãi trong dân gian. Con hãy ghi nhớ lời cảnh cáo này: "Khi nào con người từ bỏ đấng Hóa Công và nuôi sự thù hằn với kẻ đồng loại, thì họ phải chịu cái số phận của những vị quốc vương châu Atlantide ở vào thời đại xây cất cái Kim Tự Tháp này. Họ sẽ bị diệt vong bởi chính lòng tà vạy của họ cũng như dân Atlantide ngày xưa vậy."

Không phải đấng tạo hóa đã nhận chìm châu Atlantide mà chính sự ích kỷ, bạo tàn và mù quán tâm linh của những dân tộc sống trên vùng lục địa vô phước ấy. Đấng tạo hóa yêu thương tất cả nhân loại, nhưng sự sống còn của con người bị cau quản bởi những định luật huyền bí mà Ngài đặt ra cho họ. Vậy con hãy ghi nhớ những lời cảnh cáo này.

Khi ấy, tôi bị xâm chiếm bởi một sự ước muốn mãnh liệt là muốn biết thêm sự liên minh bí mật ấy. Chắc hẳn vị đạo trưởng đã đọc được tư tưởng của tôi, vì người liền nói nhanh:

- Mọi sự phải đến vào đúng ngày giờ của nó. Chưa phải lúc, con ạ, chưa phải lúc.

Tôi cảm thấy một sự thất vọng chua cay. Người nhìn tôi trong vài giây đồng hồ rồi nói tiếp:

- Chưa có một người nào thuộc chủng tộc của con được phép biết điều ấy. Nhưng vì con đã giỏi về các khoa này, vì con đã đến với chúng ta với cả tấm lòng thiện chí và hiểu biết, con có thể được vài sự hài lòng. Bây giờ, con hãy theo ta.

Khi đó xảy ra một chuyện lạ kỳ. Dường như tôi đã lọt vào một cơn mê, trong một lúc tôi đã mất cả ý thức về ngoại cảnh và kế đó tôi đã được đưa đến một chỗ khác. Tôi thấy tôi đanng ở một dãy hành lang dài, có chiếu một thứ ánh sáng êm dịu, tuy tôi không thấy có cửa sổ hay đèn đuốc chi cả.

Tôi nghĩ rằng cái nguồn phát ra ánh sáng này không gì khác hơn là cái hào quang bao bọc chung quanh mình vị đạo trưởng già đồng hành với tôi, pha lẫn với sự chiếu sáng với sợi dây từ điển rung động trong dĩ thái ở phía sau lưng tôi. Nhưng tôi phải nhìn nhận rằng sự giải thích nầy vẫn chưa đủ. Các vách tường điều bằng đá ửng màu đất nung, và các phiến đá được ráp nối một cách vô cùng tinh vi. Đất nghiêng theo đường dọc lài lài xuống, theo một gốc tương đương với dốc lài từ cửa vào Kim Tự Tháp. Gian phòng vuông vức và thấp, nhưng không gây trở ngại. Tôi không thể khám phá ra nguồn gốc của cái ánh sáng bí mật ấy, phía

trong gian phòng cũng chiếu sáng không kém, dường như có một ngọn đèn soi sáng khắp phòng. Vị đạo trưởng già mời tôi đi theo con đường dốc. Người căn dặn:

- Đừng quay đầu lại nhìn phía sau.

Chúng tôi vẫn đi như thế trên một quãng đường dốc, kế đó tôi thấy một gian phòng lớn, gống như một nơi thánh điện, ở tận chỗ cuối đường. Tôi đang biết rõ là tôi đang ở phía trong hay ở phía dưới hầm Kim Tự Tháp, nhưng trước đó tôi không hề thấy con đường dốc và gian phòng này. Lẽ tất nhiên con đường dốc và gian phòng này điều bí mật cho đến khi nó vẫn chưa hề bị khám phá. Tôi không khỏi cảm thấy kinh sợ, do sự phát hiện đột nhiên này, trong khi một sự tò mò mãnh liệt cũng không kém khiến tôi tự hỏi đâu là chỗ cửa vào con đường hầm bí mật này và cửa đó ra sao. Sau cùng tôi day đầu lại và liếc nhìn ra phía sau để hy vọng tìm thấy cái cửa bí mật. Tôi lọt vào con đường dốc này mà không do một ngã nào, nhưng ở phí cuối đường hầm tôi nhận thấy rằng hầu như chỗ cửa vào đã bị đóng chặt bởi những tảng đá vuông lớn và trét bằng một chất nhựa giống như xi măng. Tôi xem xét một vách tường đá trắng, kế đó tôi cảm thấy như bị xô té bởi sức mạnh vô hình không cưỡng lại được, cho đến khi tất cả cảnh tượng ấy biến mất dạng và tiếp tục bay lơ lửng trên không gian. Tôi còn nghe cái âm hưởng vọng lại từ xa như một tiếng vang "Chưa phải lúc... chưa phải lúc... " và trong giây phúc tôi đã nhìn thấy cái thể xác vô tri bất động của tôi nằm trên tảng đá. Vị đạo trưởng già nói nhỏ với tôi.

- Con hỡi! Con có tìm thấy cái cửa bí mật hay không, điều ấy cũng không quan hệ gì. Con hãy tìm trong nội tâm con đường huyền bí nó đưa con đến nơi thánh điện ẩn dấu trong chỗ thầm kín của linh hồn, rồi con sẽ tìm thấy cái kho tàng bí mật. Sự bí mật của Kim Tự Tháp chính là sự bí ẩn trong người của con vậy. Những thánh điện thâm nghiêm, những di tích chứng minh của thời cổ, tất cả đều có chứa bên trong linh hồn của con. Bài học của Kim Tự Tháp chính là đây: Con người phải quay về nội tâm, thám hiểm tận chỗ chung tâm huyền bí của bản chất mình để tìm thấy chân ngã, cũng như người ta phải thám hiểm tận chỗ thâm sâu ẩn dấu của ngọn tháp này để khám phá ra điều bí mật tối trong của nó. Thôi, ta vĩnh biệt con từ đây!

Tâm hồn tôi quay cuồng trong một cơn gió lốc nó lôi cuốn tôi đi, tôi trượt xuống dưới thấp, xuống thấp mãi, một sự mê man nặng nề xâm chiếm lấy tôi. Tôi thu thập tàn lực để cố gắng cử động những bắp thịt đã cứng đơ, nhưng vô hiệu quả, sau cùng tôi ngất liệm đi...

Tôi giật mình và mở mắt dậy trong bóng tối dày đặc. Khi toàn thân tôi đã co giãn lại được, tôi dò dẫm trong đêm tối để tìm ngọn đèn bấm và bậc đèn lên. Tôi vẫn ở trong Vương Cung, tinh thần căng thẳng đến cực độ, làm cho tôi phải phóng mình nhảy dựng lên và kêu to, tiếng kêu của tôi vang dội lại rền rỉ trong đêm trường. Nhưng thay vì chân tôi đạp lên mặt đất phía dưới, tôi cảm thấy dường như tôi bị rơi trong khoảng không. Tôi bèn đưa hai tay quơ và bám chặt lấy cạnh của tảng đá và treo mình lủng lẳng trên vực thẳm, nhờ đó tôi mới khỏi té ngã. Khi đó tôi mới việc gì đã xảy ra. Khi tôi vừa nhảy dựng lên tôi đã đi đến đầu cuối của tảng đá mà tôi không hay và hai chân tôi đã ở phía trên một cái lỗ trống đào sẵn ở phía góc tây bắc của gian phòng.

Tôi bèn định tĩnh tinh thần và tự gỡ mình thoát ra tình trạng đó một cách an toàn. Tôi lấy đèn bấm soi đồng hồ đeo tay thì thấy kiếng đã bể ở hai nơi do hậu quả của bước nhảy, khi tôi quơ tay đụng vào tường. Nhưng đồng hồ vẫn còn chạy, phát ra tiếng kêu "tích tắc" nhẹ nhàng và lanh lẹ. Khi tôi xem giờ, tôi muốn phát cười to lên, dẫu rằng giữa bầu không khí cỗ kính thâm nghiêm này.

Đồng hồ chỉ vừa đúng nửa đêm, cái giờ cổ điển của những biến cố ly kỳ. Hai cái kim giao nhau chỉ đúng ngay vào số mười hai, không suy chuyển một phút hơn hay kém!

Khi viên cảnh binh trực đêm mở cái cổng sắt vào lúc mặt trời mọc, một lãng tử mình dính bụi bậm, dáng điệu mệt nhọc hai mắt thâm quầng, tập tễnh đi ra từ phía hành lang tối om bên trong Kim Tự Tháp. Y

dụi hai mắt, và nhìn ra về phía đồng bằng với những cảnh vật quen thuộc. Trước hết y hít những hơi thở dài để thở bầu không khí tự do trong lành. Rồi do bản năng thúc đẩy, y quay mặt về phía RÂ, bầu tinh tú của lúc bình minh, và âm thầm thờ kính Thần Thái Dương đã ban cho loài người cái ân huệ vô giá: Ánh Sáng!

Chương 5: Nhà Phù Thủy Thành Cairo

Tại Cairo, người ta sống trong hai thế giới khác nhau. Bạn lọt vào thế giới Ả Rập khi từ công trường trung ương Ataba el Khadra, bạn đi về phía đông. Bạn lọt vào thế giới Âu Tây hiện đại nếu bạn đi ngược lại chiều hướng trên. Một sự sống lạ lùng hỗn hợp Đông phương với Tây phương, thời trung cổ với thời kỳ hiện đại, màu mè sặc sỡ và sự sống cẩu thả, thiếu vệ sinh của phương Đông, cùng với sự ngăn nắp sạch sẽ của Âu Tây chung lộn với nhau dưới cái nhịp độ sinh hoạt thực tế hằng ngày. Chính tại Cairo mà tôi khám phá hằng hà sa số những pháp sư, phù thủy và đồng tử, nhà tiên tri và chiêm tinh gia, thầy bói và tướng số, tu sĩ và thuật sĩ, gồm những thành phần rất đông đảo và đủ mọi hạng. Chính phủ Ai Cập đã ra lịnh cấm phần nhiều những hoạt động của họ, và áp dụng những biện pháp hạn chế. Mặc dầu tôi vẫn có thiện cảm với những người thuộc thành phần kể trên, tôi phải nhìn nhận rằng chánh phủ hoàn toàn có lý khi áp dụng biện pháp gắt gao đối với họ. Những tay bợm bãi thường lừa bịp những người mê tín nhẹ dạ, những người buôn thần bán thánh dễ thuyết phục những người sẵn sàn nghe theo họ, những kẻ tiên tri giả mạo thường làm cho công chúng tin tưởng nơi những sự lầm lạc của mình. Người ta không thể làm được đúng mức những sự tổn hại mà các ông thầy bói và tướng số sẽ gây cho thân chủ quá thật thà, thường vịn theo những lời bói toán, tiên tri làm cái kim chỉ nam cho cách sinh hoạt và sử thế của mình. Tuy vậy, người ta cũng biết khá đủ về những tệ đoan gây nên, nó là cho chánh phục phải can thiệp.

Dầu sao, trong số những thành phần ấy đã có một vài nhân vật làm cho tôi thích thú ngoài phạm vi hành nghề của họ. Đó là: Một nhà phù thủy đã làm chết một con gà mái dưới mắt tôi bằng những câu thần chú và bằng khoa pháp môn: Một nữ phù thủy người Soudan, đã đoán trúng rằng xứ Ấn Độ là nơi mà tôi đã trải qua một thời gian rất may mắn tốt lành, và sau đó đã tiên đoán vài điều về tương lai; một người thanh niên Ai Cập đạo Gia Tô và gốc xứ Syrie, tin tưởng chắc chắn rằng y là hậu nhân của thánh Elie và sống một cuộc đời ẩn dật lánh xa thế tục như đấng tiên tri nọ; một ông lão dị kỳ sống với gia nhân trong một tòa nhà lớn bên cạnh một ngôi đền hồi giáo, và sống tách rời thế gian đến nỗi ông ta dùng hết thời giờ của mình để nói chuyện với các vong linh bí mật; một bà nọ rất can đảm, bất chấp lịnh cấm của vua Ibn Séoud, đã lén quay phim tại thánh địa Mecca, nhưng bây giờ lại muốn học hỏi vấn đề đạo lý với những bậc danh sư thượng thặng; nhà thuật sĩ trứ danh Tahra Bey, không ngần ngại cắn một lưỡi dao găm vào cỗ họng mình hoặc vào ngực trên cổ quả tim mà không sao cả, thậm chí cũng không chảy máu. Những nhân vật khác nữa cũng làm cho tôi phải chú ý, nhưng tôi không thể diễn tả hết mọi người với đầy đủ chi tiết, mà chỉ kể đại khái những chuyện về một vài người đáng lưu ý nhất.

Một khía cạnh khác đời sống ở Cairo cũng rất hấp dẫn đối với tôi, đó là khía cạnh tôn giáo, vì thành phố này đã từng là trung tâm truyền bá nền văn minh Hồi giáo trong khoảng trên một nghìn năm.

Tôi tìm thấy ở chỗ của nhà phù thủy vào một buổi trưa hè nóng bức, sau khi đã đi tìm đường rất lâu và mất rất nhiều công phu dọ hỏi. Tôi đi theo một con đường lớn vẫn còn lót bằng những tảng đá rất cũ đến một khu xóm ồn ào, cũ kỹ, bình dân, mà những con đường hẹp quanh co chen chúc nhau giữa ngôi đền hồi giáo El Azhar và khu nghĩa địa âm U Bad el Wazir. Một đoàn lạc đà nối đuôi nhau đi vào thành phố, mỗi con lạc đà đều có đeo trên cổ một cái lục lạc đồng, khiến cho cuộc diễn hành của chúng phát ra những tiếng khua nghe rất vui tai. Để tìm địa chỉ của nhà phù thủy, tôi vạch một lối đi xuyên qua nhiều ngõ ngách tối tăm, quanh co lẩn khuất như chốn mê cung, nhiều lối đi chật hẹp đến nỗi nền trời chỉ xuất hiện qua những khe hở không đều giữa những nóc nhà hai bên đường. Tuy nhiên, ánh nắng mặt trời rọi xuống lối đi chật hẹp đó tạo nên một khung cảnh chỗ sáng chỗ tối trông rất ngoạn mục.

Sau cùng tôi đi vào một con đường khúc khủyu đưa đến nhà một người mà tôi tìm kiếm, xuyên qua

những lớp bụi trắng rất dầy và những ngọn gió đưa vào từ những ngọn đồi khô khan nhô lên ở vùng ngoại ô thành phố. Ngôi nhà rộng lớn và có vẻ cũ kỹ, mặt tiền xây bằng những tảng đá dài sơn màu mè sặc sỡ, và trên gác có nhiều cửa sổ, tôi đợi một lát thì một đứa trẻ độ mười bảy tuổi ra hỏi với một giọng do dự:

- Thưa ông muốn hỏi ai...

Khi tôi nói đích danh nhà phù thủy, thì người thiếu niên lùi bước với vẻ ngạc nhiên. Hẳn là trong số những thân chủ của nhà này, không có nhiều người Âu.

Người thiếu niên nói:

- Ông kiếm cha tôi! Về chuyện chi, xin ông cho biết...

Tôi cho biết ý kiến của tôi và đưa ra một tờ giấy giới thiệu viết bằng viết chì. Khi y thấy chữ kí tên, đôi mắt y sáng lên, y mời tôi vào nhà, mời tôi vào phòng khách, chỉ một cái divan có lót vải trắng và mời tôi ngồi. Kế đó, y bước lên lầu và liền trở xuống. Tôi nghe tiếng chân người lê những bước đi chậm chạp, và những người thiếu niên bước vào phòng, theo sau có một người thân hình vạm vỡ, trạc độ sáu mươi tuổi, người này vừa bước vào vừa đưa tay lên trán để chào tôi theo lối bản xứ.

Y choàng trên đầu một chiếc khăn trắng phủ xuống tận vai, để một mái tóc đen như huyền. Nét mặc y già dặn và biểu lộ một tính tình cởi mở, tốt bụng, râu mép khá rậm những bộ râu dưới cằm thì thưa. Đôi mắt y lớn luôn luôn xuống đất và đôi mí nheo lại. Y mời tôi cứ an tọa và y ngồi trên một chiếc ghế lớn.

Với vài lời vắn tắt, nhà phù thủy bài tỏ sự hân hạnh được tôi đến viếng, và mời tôi dùng giải lao trước khi vào đề câu chuyện. Tôi cám ơn, nhưng vì biết rõ tập quán bổn xứ, tôi yêu cầu y đừng cho tôi uống cà phê, vì tôi không dùng thứ ấy. Y mời tôi dùng trà của xứ Ba Tư, một thứ trà rất ngon, tôi bèn vui lòng nhận. Trong khi chờ đợi, tôi định phỏng vấn nhà phù thủy về đời tư của y, nhưng vô hiệu quả. Ngoài vài lời độc âm ngắn ngủi theo phép lịch sự bổn xứ, y không chịu nói gì về cuộc đời của mình. Trái lại, y xoay chiều câu chuyện và đưa ra nhiều câu hỏi về mục đích của tôi. Tôi trả lời thành thật và không do dự. Trong khi đó, người gia bộc đã dọn ra những thức ăn đặc biệt Ai Cập, gồm có những khoanh bánh ngọt làm bằng bột mì trộn với mật ong và chiên vàng, chuối và những chén trà Ba Tư thơm phức. Khi chủ nhà hiểu rằng việc sưu tầm của tôi không có mục đích chế nhạo hoặc ác ý gì khác, y trở nên rất cở mở. Nhưng, dướ`i cái lớp nhã nhặn lịch sự bên ngoài đó, tôi nhận thấy y luôn luôn giữ mình, dường như không muốn tiết lộ cuộc đời mình cho người khách lạ. Bỗng nhiên, y thay đổi thái độ, và đề nghị cho tôi xem một vài bí thuật phù thủy của y. Y nói:

- Ông hãy đưa cho tôi cái khăn tay.

Tôi đưa khăn cho y, y cầm lấy rồi trả lại tôi rồi nói:

- Được rồi. Bây giờ ông hãy xé nó ra làm hai mảnh.

Tôi làm y theo lời. Y cầm lấy mảnh khăn và viết trên đó một vài dấu hiệu nguyệch ngoạc bằng một cây viết mực. Xong rồi, y xếp mảnh khăn lại đưa cho tôi, và yêu cầu tôi để trong một cái dĩa nhỏ bằng đồng ở cạnh tôi trên divan. Tôi theo dõi với ít nhiều thích thú. Nhà phù thủy bèn cầm một mảnh giấy và vẽ trên đó một hình tam giác lớn, trong đó y vẽ vài dấu hiệu bí mật và vài chữ Ả Rập. Y đưa cho tôi mảnh giấy và bảo tôi để lên cái khăn đã xếp làm tư. Xong, y mới nói lầm thầm trong vài phút một thứ ngôn ngữ dị kỳ khó hiểu, hai mắt y nhắm nghiền. Rồi thình lình y mở mắt ra.

Ngay khi đó, cái khăn bị xé hai bốc cháy trên cái dĩa đồng bên cạnh tôi. Ngọn lửa bốc lên cao làm tôi ngạc nhiên, và trở thành một luồng khói dày đặc bay khắp phòng. Khói làm tôi ngộp thở và cay mắt. Tôi bèn vội vã đứng dậy đi ra cửa, thì nhà phù thủy đã ra đến đó trước tôi, y gọi người gia bộc mở hết các cửa

sổ cho bớt khói.

Phải chăng đó là khoa phù thủy chánh hiệu, hay đó chỉ là một trò ảo thuật dùng những hóa chất bắt lửa... Tôi không băn khoăn cho lắm về việc ấy, vì tôi không thấy cần một sự chứng minh để làm gì. Nhưng ông lão tỏ vẽ rất hãnh diện về cái kì công của y. Tôi hỏi:

- Ông đã đốt cái khăn bằng cách nào...

- Bằng cái sai khiến âm binh.

Đó là câu giải thích của y, nó chẳng giải thích gì cả, nhưng tôi không hỏi thêm gì nữa. Đó là vì Ai Cập người ta thường dùng cách đó để giải thích những điều mầu nhiệm ngoài lãnh vực thiên nhiên.

Nhà phù thủy bảo tôi:

- Ông hãy trở lại trong ba ngày nhưng ông đừng quên đem theo một con gà lông trắng. Tôi nhận thấy nơi ông có một cái gì tôi thích, bởi đó tôi vui lòng giúp ông một việc. Ông hãy nhớ đem một con gà tơ, đừng già quá, mà lông trắng mà thôi.

Tôi nghĩ đến những tay phù thủy Phi Châu thường cắt cổ gà trống trắng rồi phóng tia huyết gà lên đầu những thân chủ của họ, nên tôi từ chối lời đề nghị của ông này. Y khẩn khoản mời mọc tôi nhiều lần, và nói thêm rằng nghi thức phù thủy này có bàn tay của một vị thần linh rất cao tay ấn sẵn sàng hành động để phò trợ cho tôi. Nhưng tôi vẫn một mực từ chối. Sau cùng tôi nói cho y biết rằng loại nghi thức này làm cho tôi ghê tởm, và tôi thà không có những sự lợi ích mà y đã gán cho việc hành lễ ấy. Nhà phù thủy bảo đảm rằng sẽ không có việc đổ máu trong nghi thức này. Nghe như thế tôi đồng ý.

Một lần nữa, tôi lại đi qua con đường nhỏ hẹp dưa đến chỗ ở của nhà phù thủy. Lần này, tôi đi qua chợ bán gà vịt ở phía sau công trường Ataba el Khadra, và mua một con gà mái tơ lông trắng. Tôi ôm con gà trong tay và cảm thấy hơi thở ấm của nó dưới lòng bàn tay tôi. Tôi tự hỏi không biết lão phù thủy sẽ dành cho nó một số phận ra sao.

Khi tôi đến nơi, lão phù thủy không còn dè dặt nghiêm nghị như mọi ngày, mà lại mỉm cười. Y yêu cầu tôi để con gà ở giữa tấm thảm trải trên nền gạch, rồi bước qua ba lần trên một bình lư hương đốt trầm nghi ngút ở một góc phòng. Khi tôi đã bước qua ba lần trên khói trầm thơm phức, tôi bèn ngồi trên divan và nhìn lão chủ nhà. Nhà phù thủy lấy ra một tờ giấy, vẽ trên đóù một hình vuông chia làm chín ô vuông nhỏ, trong mỗi ô vuông đó y vẽ một dấu hiệu thần bí hoặc một chữ Ả Rập. Kế đó, y niệm lầm thầm, một câu thần chú và đôi mắt y nhìn chăm chú vào con gà. Thỉnh thoảng, y dậm thêm vào những câu thần chú bằng một cử chỉ ngắn như ra lệnh bằng ngón tay trỏ. Con vật bắt đầu sợ hãy và chạy chốn vào một góc phòng, núp dưới một cái ghế. Khi đó, nhà phù thủy bảo tôi bắt con gà lại và để nó ở giữa tấm thảm như cũ. Tôi nói cho y biết tôi không muốn sờ vào con gà một lần nữa. Người con trai ông lão khi đó bước vào phòng ngồi với chúng tôi, y mới bắt con gà và để lại chỗ cũ.

Con gà lại bắt đầu tỏ vẻ sợ sệt và lại muốn chạy vào góc phòng. Nhưng lão phù thủy, bằng một giọng mạnh mẽ, ra lịnh cho nó hãy nằm yên. Con gà bèn nằm yên lập tức. Lúc ấy, tôi nhận thấy toàn thân nó run lên. Nhà phù thủy lại mời tôi bước qua ba lần trên lò trầm. Khi tôi trở lại ngồi trên divan, con gà không nhìn vào lão phù thủy nữa, mà hai con mắt nó nhìn về phía tôi cho đến lúc cuối cùng.

Khi đó tôi nhận thấy một sự lạ lùng. Hơi thở của con gà trở nên nặng nề và khó khăn, mỗi hơi thở chỉ còn là một hơi thở dài và hổn hển, mỏ nó há ra luôn dường như nó đang cố gắng để đem không khí vào phổi. Nhà phù thủy bèn đặt lá bùa dưới đất ở một bên nó. Y lui gót một cách nhẹ nhàng về phía cửa mở, y đứng nơi đó và lại vừa đọc thần chú vừa nhìn thẳng vào con gà. Những câu thần chú của y lên giọng ra

lịnh, lần lần người ta thấy con gà đã uể oải và như sắp tắt thở. Nó cố gắng một lần chót để đứng dậy nhưng lại té ngã xuống vì kiệt sức. Vài phút trôi qua, nó giật mình vài cái, hai cánh vỗ một cách yếu ớt. Những cử động của nó càng bớt dần và dứt hẳn. Thân mình nó cứng đơ, rồi đến cái đầu, rồi tôi nhận thấy rằng con gà nóng hổi mà tôi vừa đem đến nửa giờ trước đây, không thốt ra được lời nào và có một cảm giác như buồn mửa. Lão già yêu cầu tôi để cái khăn tay trên xác con gà, và nói với một giọng lạ lùng:

- Khoa pháp môn đã thành công hoàn toàn. Kể từ nay, vị thần linh đã giết con gà này sẽ phù trợ cho ông. Đôi khi, tôi cũng đã làm một nghi thức như thế mà con gà không chết, đó là bởi vì thần linh từ chối không chịu phò trợ cho thân chủ của tôi.

Tôi quan sát nhà phù thủy này suốt buổi hành lễ và thấy y luôn luôn nhìn xuống đất. Y giải thích thái độ đó như sau:

- Khi tôi niệm chú hô thần để kêu gọi một vị, và khi thần linh xuất hiện để chịu cho tôi sai khiến, thì không bao giờ tôi nhìn thẳng vào y. Đó là một trong những quy luật phải noi theo. Nhưng cuộc lễ hy sinh này chưa phải là đã xong. Ông còn bổn phận gói xác con gà lại và đem về nhà cho đến ngày mai, đợi đến lúc nữa đêm, ông sẽ đi đến cầu Kasr el Nil và liện xác nó xuống sông. Trong khi đó, ông hãy đưa ra một lời ước nguyện, và có ngày thần linh sẽ giúp được ý ông muốn.

Cái khăn của tôi không đủ để gói xác con gà. Tôi thấy trong phòng có một tờ báo, tôi bèn dùng nó để gói lại. Về đến nhà, tôi đưa cái gói cho tên gia bộc Ả Rập còn trẻ tuổi của tôi, và dặn y nên mở ra và sờ mó gì đến nó cho đến đêm sau. Nhưng lời dặn này là thừa. Tôi chỉ nói thoáng qua là con gà đã bị hy sinh do bàn tay của một nhà phù thủy, và không phải dùng để ăn. Tên gia nô lùi lại trong sự sợ hãi, và kể từ lúc ấy, y tránh không đến gần con gà.

Chiều đến, tôi ra tiệm dùng cơm với hai người bạn, một người Mỹ và một người Ai Cập. Tôi thuật lại cho họ nghe chuyện con gà bị giết bằng khoa phù thủy. Họ quả quyết rằng con gà bị giết bằng những phương pháp khác hơn là khoa pháp môn. Về phần tôi, tôi không bày tỏ ý kiến gì mà chỉ giữ kín quan niệm của tôi. Khi thuật lại tất cả các chi tiết, họ phá lên cười, và con gà là đầu đề chính của câu chuyện chúng tôi trong buổi tối hôm đó. Tôi cũng phải thú nhận rằng tôi cũng mỉm cười khi tôi nghe những câu nói đùa châm biếm của những ông bạn tôi về nhà phù thủy vắng mặt, họ dùng y làm cái bia cho sự những sự chỉ trích và bỡn cợt rất ngộ nghĩnh. Thình lình tất cả đều tắt phụt trong tiệm ăn, chúng tôi còn đang ăn dở bữa chưa xong. Tất cả những cố gắng của người chủ tiệm vẫn không thể nào làm cho đèn cháy lại được, và bữa tối hôm ấy kết thúc dưới ánh đèn nửa mờ nửa tỏ. Người bạn Ai Cập của tôi, cựu sinh viên trường đại học Sorbonne và có tiếng là một con người đa nghi, bèn mất đi trong một lúc sự hài hước đùa cợt của y.

- Chính nhà phù thủy của anh đã làm chuyện ấy!

Y nói với một giọng với vẻ giễu cợt bề ngoài, nhưng tôi thấy bên trong có ẩn một điểm lo ngại. Có thể rằng cái cầu chì tình cờ bị nổ làm tắt điện, điều ấy là hiển nhiên. Nhưng việc này xảy ra trong những hoàn cảnh nó làm tôi nhớ lại hai việckhác đã xảy ra mọt cách lạ lùng trong những trường hợp tương tự. Việc thứ nhất là trường hợp cá nhân của tôi, còn việc thứ hai được nhà văn hào trứ danh Robert Hichens thuật lại cho tôi, có quen thân với nhân vật chính câu chuyện.

Câu chuyện thứ nhất xảy đến cho tôi từ nhiều năm qua khi tôi theo đuổi về cuộc sưu tầm về những giáo phái xuất hiện về những thời kỳ đó, ở khắp Châu Âu và Mỹ Châu. Một trong những chi phái đó là do sự điều khiển của một phần tử bất hảo, cụ linh mục bị trục xuất khỏi Giáo Đường, nhưng y là một nhân vật có quyền năngvà kiến thức rộng. Do sự điều tra, tôi được biết rằng y có một thuật thôi miên rất mạnh và y lợi dụng thuật ấy để đạt những mục d8ích tà vạy, để khai thác và làm tiền những kẻ nhẹ dạ mê tín. Thay vì cảnh cáo những người mà tôi quen biết trong số các nạn nhân của y, tôi giữ kín sự khám phá của tôi, vì tôi tin rằng những kẻ bất lương sớm muộn gì cũng phải đền tội. Yếu tố quyết định đã xảy đến dường như do

sự tình cờ khi tôi gặp lúc mười giờ đêm, một thiếu phụ, vợ của một người mà tôi rất quen biết. Cách đi đứng của bà ta có vẻ lạ lùng làm cho tôi phải ngừng bước giữa đường để hỏi chuyện với bà ấy, và tôi vô cùng ngạc nhiên mà nghe nói rằng bà ta đang đi đến nhà của thầy dòngtu xuất để ngủ đêm tại đó. Tôi đưa bà ấy đến cột trụ đèn gần nhất và dưới ánh đèn đện, tôi quan sát cặp tròng trắng và con ngươi trong mắt bà ta, thì thấy rằng bà ta đã hoàn toàn bị thôi miên. Tôi thấy có bổn phận phải giải tỏa phép thôi miên cho bà ấy ngay lập tức và thuyết phục bà hãy trở về nhà.

Qua ngày hôm sau, tôi đến viếng một người bạn Ấn Độ để hỏi thăm ý kiến của y về vấn đề này. Tôi thuật lại cho y nghe rõ tất cả những điều tôi khám phá về hành động bất lương của tên lưu manh nọ, và nói rằng theo ý tôi một người như thế thật là quá nguy hiểm mà để cho họ tự do để làm hại kẻ khác. Người Ấn Độ đồng ý với tôi, y còn tỏ ra vô cùng phẫn nộ và đề nghị trừng phạt tên lưu manh bằng một sự trù ẻo nặng nề. Tôi biết rõ người bạn tôi đã được thụ huấn về môn Yoga của Ấn Độ và về những bí thuật khác của các nhà đạo sĩ Đông phương: Một sự trù ẻo xuất phát từ cửa miệng của y không phải là chuyện tầm thường. Xét thấy rằng sự trừng phạt đó hơi quá đáng đối với trường hợp này, tôi nói rằng y có thể hành động theo như ý muốn nhưng theo tôi nghĩ rằng nên dùng phương pháp nhẹ hơn, để làm cho tên nọ phải bỏ xứ ra đi mà không trở về. Người Ấn Độ bằng lòng, nhưng về phần y thì điều đó cũng không ngăn trở y thốt ra một sự trù ẻo, và y đã làm. Xong rồi, tôi mới đi tìm tay đạo đức giả nọ, và thấy y đang tụ hợp một số đệ tử đông đảo trong một gian phòng hẹp, nơi đó đang diễn ra một sự hỗn loạn ồn ào, vang rền tiếng kêu thất thanh của tên giáo chủ bịp bợm, biểu lộ một sự vô cùng sợ hãi và tuyệt vọng.

- Ác quỷ có mặt ở đây! Đó là do bàn tay của ác quỷ!

Tôi bật vài cái diêm quẹt, thì thấy y nằm dài trên cái bục gỗ, dường như đang bị chứng động kinh và mê man bất tỉnh. Người ta thấp đèn cầy lên. Những đệ tử của y chở y sang một khách sạn gần bên, và cố gắng làm cho y tỉnh dậy bằng thứ giải lao quen thuộc của y là rượu Whisky. Trong khi đó những người khác thuật lại cho tôi nghe những gì đã xảy ra. Tất cả môn đồ đang ngồi trên ghế, lẳng lặng nghe vị giáo chủ của họ thuyết pháp, thình lình tất cả những bóng đèn điện đều nổ tung một lượt với một sức mãnh liệt như bom nổ, những mãnh chai của các bóng đèn bị hất văng ra tứ phía. Gian phòng bị đắm chìm trong đêm tối, và giữa những cơn hỗn loạn kinh khiếp, họ nghe tiếng thầy họ té ngã một cách nặng nề trên bục gỗ và thốt ra những tiếng kêu thất thanh vì kinh hãi. Tôi bèn theo y qua bên khách sạn, tôi một bức thư ngắn rồi bỏ trong một bao thư có niêm phong cẩn thận. Tôi đưa bức thư đó cho viên trưởng tràng của nhóm đệ tử bị gạt, và yêu cầu y đưa cho thầy y khi nào anh ta tỉnh dậy và có thể đọc được.

Đó là một bức tối hậu thư, bắt buộc y phải rời bỏ thành phố trong vòng hai mươi bốn giờ và không được trở lại nữa nếu không cảnh sát sẽ truy nã y. Y bèn ra đi, và độ một năm sau, tôi nghe tin y đã chết trong một làng hẻo lánh. Nhưng điều lạ lùng nhất trong câu chuyện này là gian phòng bị tắt điện tối om đúng vào lúc mà cuộc lễ trù ẻo của người Ấn Độ bạn tôi lên đến mức độ hữu hiệu tuyệt đối!

Câu chuyện thứ hai liên hệ đến Huân tước Carnavon, nhà khảo cổ đã khai quậtlăng tẩm của vua Toutankhamon. Cả thế giới đều biết câu chuyện hy hữu về sự khám phá dị kỳ này, không một ai không biết rằng người cổ Ai Cập đã trù ếm những kẻ nào xâm phạm đến ngôi lăng tẩm này. Vì chứng bịnh bạo phát, người ta phải chở Huân tước Carnavon đến Cairo để được điều trị bằng những phương liệu y khoa tốt nhất mà thành phố ấy có thể cung cấp. Người ta đưa ông Carnavon vào khách sạn Continenal Savoy, một trong những khách sạn lớn nhất của Cairo. Một buổi tối, ít lâu sau khi ông được đưa vào đây, tất cả các ngọn đèn điện bị tắt. Đêm tối kéo dài gần một giờ. Khi đường dây điện được thiết lập lại, người nữ y tá săn sóc cho Huân tước Carnavon thấy ông ta đã chết trên giường bệnh.

Bây giờ, tôi hãy trở lại chuyện con gà.

Hôm sau vào lúc nửa đêm, người ta thấy một người tay ôm một cái gói nhỏ lững thững đi qua cầu

Kasrel Nil, đến giữa cầu y có vẻ ngập ngừng chờ đợi lúc thuận tiện để thi hành một công tác gì bí mật. Việc ấy không thể dễ làm như người ta có thể tưởng, vì chiếc cầu này ở ngay trung tâm khu vực người Âu. Một trại lýnh Anh nằm ở một phía bên cầu, ở phía bên kia, là tổng hành dinh của viên Cao Ủy Anh, có cảnh sát canh gát nghiêm nhặt. Vào giờ này mà ném từ trên cầu một vật khả nghi bọc bằng giấy xuống dòng sông đen ngòm, lỡ có ai nhìn thấy, phải chăng người ta kết luận rằng mình là một kẻ sát nhân, toan vất bỏ một mảnh thi hài của người chết để phi tan... Tuy nhiên, tôi cũng có dịp quăng cái gói xuống sông từ lan can cầu. Khi nó rơi xuống nước với một tiếng chõm, người dạ hành thở phào một cái nhẹ nhõm và rảo bước đi ngay một cách an toàn. Tên gia bộc Ả Rập của tôi cám ơn Allah khi tôi trở về nhà bình yên. Y có vẻ sung sướng như một con mèo bắt được con chuột đầu tiên.

Trong những thăm viếng kế tiếp, tôi cố gắng yêu cầu nhà phù thủy giải thích những phương pháp của y với những chi tiết hơn, để có thể biết xem đó có phải là những trò ảo thuật không... Nhưng ông lão không muốn đề cập tới vấn đề ấy, và đắm chìm trong những cơn im lặng kéo dài dường như đã lọt vào một thế giới khác, có lẽ là thế giới của quỷthần. Tôi hiểu rằng thật rất khó mà muốn cho một người kín đáo trầm lặng mở miệng để nói chuyện tâm tình cởi mở với mình. Người con trai của ông lão trả lời những câu hỏi của tôi biết rằng cha y không hề nói cho bất cứ một người nào biết những bí mật của ông ta. Chính người con trai đã từng hỏi cha y về những điều bí mật đó từ lâu để cho y có thể nối nghiệp chamình, nhưng y liền bị từ chối và ông lão cho y biết rằng nghề phù thủy vừa khó thực hành lại vừa nguy hiểm. Ông lão đã thuật cho y nghe câu chuyện của một nhà phù nọ, sau khi đã kêu gọi một vị thần để sai khiến, chừng xong việc rồi thì không thể nào làm cho vị thần kia biến mất! Kết quả thì vị thần kia phản ngược lại y và gây cho y những sự đau khổ gớm giếc kinh khủng! Đó là một ví dụ của những sự khó khăn trong nghề vẫ thường xảy ra. Hiện nay những người con trai theo học luật khoa, một nghành hoạt động ít nguy hiểm hơn, so với khoa phù thủy.

Thế là tôi không thể hy cọng nhà phù thủy già tiết lộ những bí mật của y, dù là thật hay giả. Vì chính cái màn bí mật này nó bảo đảm cho cái quyền năng và tiếng tăm của y. Tôi đành thôi không hỏi thêm gì nữa. Đó cũng là một sự tự nhiên nếu nhà phù thủy không thấy cao hứng để tiết lộ những điều có ảnh hưởng đến tiếng tăm và sự nghiệp của mình.

Nhưng nếu tôi không thể làm cho y cởi mở tấm lòng, thì tôi tưởng tôi có thể thuyết phục y nói cho tôi nghe những lý thuyết đại cương, và do đó tôi có thể học hỏi được những gì bí ẩn đằng sau những câu chuyện mà người Ai Cập thuật lại về các loại thần linh. Trong khi tôi nói chuyện với y, thì tôi nghe xuyên qua cửa sổ, tiếng trống nhịp nhàng đều đặn vọng lại từ một nhà gần bên. Bên nhà láng giềng, một tay phù thủy Ả Rập hạng trung cấp đang cố gắng, bằng những câu thần chú và tiếng trống, đuổi tà ra khỏi xác thân một người bệnh mà người ta cho là quỷphá. Nhà phù thủy thấy tôi đang ngẫm nghĩ, bèn nói:

- Những dân tộc các ông bên Tây phương không tin khoa pháp môn cổ truyền của chúng tôi, bởi vì khoa này sử dụng những sức mạnh của thần linh.

Tôi im lặng. Tôi hiểu thái độ tư tưởng của một người phương Đông một cách dễ dàng, nếu không, tôi đã khônhg bao giờ chú ý đến những xứ này. Ở đay, người ta cho rằng thần linh ở khắp mọi nơi. Nếu một người bị đau ốm, hay bị một điều tai họa, đau khổ, đó là họ bị hung thần nhập xác hay ám ảnh cuộc đời họ. Nếu họ được giàu sang hay quyền thế, đó là vì họ được sự phò trợ, giúp đỡ của một thần phò mạng tốt lành. Sau cùng tôi hỏi nhà phù thủy:

- Những vị thần đó như thế nào...

Tôi đã hỏi đúng lúc, vì y đang vui vẻ. Y đáp:

- Ông nên biết rằng những vị thần linh đó có thật, tuy rằng người thời nay đã mất cái nhãn quan để nhìn thấy họ. Cũng như trong cõi vật chất có loài động vật, thì trong cõi vô hình cũng có những cõi tâm linh,

không phải người chết, mà họ xuất xứ trong cõi giới tâm linh. Đó là những thần linh. Tuy thế, ta đừng lầm họ với những linh hồn thú vật, vì họ có một tính chất khác hẳn. Vài vị thần có trí khôn như người, có những vị tốt lành như những bậc thánh, cũng có những hạn khác là hung thần, ác quỷ. Nói chung những nhân vật trong cõi tâm linh có thể chia làm ba hạng chính: Thần linh, nhân loại và Thiên Thần. Các hàng Thiên Thần, thuộc về hạng tốt lành, không hề sống trên mặt đất. Những hạn thần linh gồm cả thiện lẫn ác, cũng không hề sống trên thế gian. Còn hạng nhân loại thì đó là những người, nam hay nữ, đã từng sống ở thế gian và rời bỏ sau khi chết. Cũng như loài vật có bổn phận phụng sự loài người ở cõi thế gian, như loài chó, ngựa, lạc đà được tập luyện để biết vâng lời sai khiến của con người, thì một vài thần linh có thển để con người sử dụng và sai khiến trong cõi giới vô hình hoặc hữu hình. Khoa pháp môn thời cổ, cũng như khoa pháp môn của vài nhà phù thủy chân chính còn sống vào thời đại này, phần chính yếu là biết làm thế nào để kêu gọi sự trợi giúp của những hạng thần linh ấy. Nói tóm lại, đó cũng là một loại thần linh học.

- Người ta dùng phương pháp nào để có được sự trợ giúp đó...

- Trước hết, cần phải biết tên mỗi vị thần linh để có thể ra lệnh cho họ. Kế đó, phải viết trên một tờ giấy một lá bùa gồm có tên của vị thần, một đoạn kinh Coran, một số hệ lồng trong khung của một sơ đồ, thường là một hình vuông hay hình tam giác. Điều thứ ba là phải đốt các loại hương trầm, mà thành phần các chất hương liệu sẽ thay đổi tùy theo tính chất vị thần mà mình muốn kêu gọi. Điều thứ tư là phải đọc những câu thần chú. Sau cùng, phải có quyền năng mà nhà phù thủy tiếp nhận được trong khi làm lễ thụ huấn do thầy y ban cho.

Nhà phù thủy ngưng một chút rồi nói tiếp:

- Nhưng muốn có được cái bản lĩnh đó, người học trò khoa pháp môn phải trải qua một thời kỳ tập sự lâu dài và nguy hiểm. Bởi đó khoa pháp môn bao giờ cũng vẫn là cái sở đắc của một thiểu số người. Tôi có thể trình bày cho ông biết những sự tin tưởng của chúng tôi, như tôi đang nói trong lúc này, nhưng còn tiết lộ những bí thuật có một giá trị thật sự, thì tôi đã có lời thệ nguyện với thầy tôi là không bao giờ làm điều đó, trừ khi nào tôi được truyền pháp cho một đệ tử được thâu nhận sau nhiều năm học hỏi. Thật là một điều nguy hại cho nhân loại nếu những bí mật của chúng tôi bị tiết lộ cho mọi người bởi vì chừng đó những kẻ hung dữ có thể lợi dụng khoa này để làm hại kẻ khác vì mục đích ích kỷ, còn về phần chúng tôi thì sẽ mất hết quyền năng, không còn hiệu lực gì nữa. Từ trước đến nay tôi vẫn luôn luôn từ chối việc thâu nhận học trò. Thật ra, theo những luật lệ của môn phái chúng tôi, thì tôi có bổn phận truyền pháp cho một đệ tử trước khi tôi qua đời, để cho khoa pháp môn được tồn tại mãi mãi trong nhân loại. Nhưng vì tôi đã biết trước được ngày giờ tôi chết, nên tôi sẽ thi hành bổn phận đó vào đúng lúc.

Nhà phù thủy lại ngừng một lúc. Tôi lấy làm hài lòng mà được y từ bỏ sự dè dặt để nói chuyện cởi mở với tôi. Tôi bèn hỏi thăm về sự nhập môn của y. Y đáp:

- Tôi xin kể một phần tiểu sử của tôi. Tôi sinh ra đã sáu mươi năm nay tại thành Suag, thuộc tỉnh Girga. Cha tôi cũng là một nhà phù thủy và chiêm tinh gia chuyên nghiệp nổi tiếng. Tôi còn nhớ rõ, khoa pháp môn của cha tôi hấp dẫn tôi một cách mãnh liệt và làm cho tôi rất say mê. Cha tôi nhận thấy tôi có khuynh hướng đó, người mới tuyên bố là truyền pháp cho tôi, và huấn luyện để chuẩn bị cho tôi nối nghiệp người. Cha tôi có rất nhiều sách cổ viết bằng bút tự Ả Rập và những loại sách quý rất hiếm có về khoa pháp môn, người mới đưa cho tôi học. Sau khi người đã truyền pháp cho rồi, tôi bèn rời khỏi nhà rồi đến Cairo để vào trường Đại Học El Azhar. Hồi đó tôi mới có 18 tuổi. Tôi học về các khoa văn chương và tôn giáo nhưn gtôi vẫn hoàn toàn giữ kín bí mật của tôi. Tôi có đem theo vài quyển bút tự của cha tôi, và tiếp tục học sách ấy ở nhà. Tôi học được một điều, là phân biệt được những tính chất khác nhau của con người, cho đến khi tôi trở nên thuần thục để có thể biết được với cái nhìn thoáng qua, tánh tình và ý muốn của một người.

Tôi rời khỏi trường Đại Học lúc tôi 28 tuổi. Sau đó tôi sống biệt lập ở một nơi hẻo lánh, và tiếp tục thực

hành khoa pháp môn cho đến khi tôi cảm thấy có đủ bản lãnh để có thể hoàn toàn kiểm chếvà làm chủ được nhữngThần linh. Khi đó tôi mới thực sự bước vào nghề và bắt đầu nhập thế. Trừ phi người ta có thể đạt được tới bản lãnh đó, thì tốt hơn đừng nên theo đuổi khoa pháp môn. Mấy đứa con tôi đã van xin tôi truyền pháp cho chúng, nhưng tôi đã hướng chúng đi theo con đường khác, vì tôi thấy chúng nó thiếu sự can đảm cần thiết để trở nên một nhà phù thủylành nghề và có thể thành công.

Tôi cũng đã thực hành khoa chiêm tinh. Nhiều người Ai Cập có địa vị cao đã đến viếng tôi, và tôi thường tiên đoán vận mạng của họ. Những vị hoàng thân, bộ trưởng, quan chức, phú thương điều có đến hỏi ý kiến tôi. Một vị quan to của triều đình Abyssinie đã nhờ tôi đoán số; năm ngoái, tôi tiếp đoán vị công chúa của hoàng triều Abyssinie. Quốc Vương xứ Maroc đã gởi đến tôi một vị đặc sứ mang theo quốc thư để hỏi về vận mạng tương lai.

một năm nọ bốn tên ăn trộm lẻn vào nhà tôi lúc ban đêm định giết tôi để cướp của, tôi đuổi chúng đi với chỉ có một cây gậy. Qua ngày hôm sau, tôi dùng bí thuật để biết tên của chúng. Sau đó tôi có đủ bằng chứng để đưa chúng ra trước pháp luật và cho chúng lãnh án năm năm tù. Cách đây không lâu, tôi được gọi đến một nhà bị ma khuấy phá, làm lật đổ bàn ghế và vật dụng trong nhà lúc ban đêm. Tôi đốt một lò hương trầm và niệm chú; trong mười lăm phút, vài âm binh đã xuất ghiện. Đó là những âm binh đã khuấy phá trong nhà nọ. Tôi ra lệnh cho chúng phải đi ngay và để cho nhà kia được bình yên. Chúng bèn đi mất và mọi sự đều trở lại bình thường.

Nhà phù thủy vỗ hai tay làm hiệu, tên gia bộc bèn bưng ra một mâm đựng mứt, bánh ngọt và trà thơm Ba Tư. Nhân lúc dùng trà bánh, tôi hỏi:

- Có thể nào làm cho một người khác thấy được những vị thần linh đó không...

- Được chứ, sau những cuộc chuẩn bị lâu dài và nhiều cố gắng, điều đó có thể thực hiện được. Cuộc chuẩn bị gồm có việc đốt trầm hương và niệm thần chú. Khi đó một vị thần xuất hiện từ luồng khói trong gian phòng tối tăm và nói lớn tiếng. Tôi không thực hành khía cạnh đó của khoa pháp môn vì tôi đã già để làm những cố gắng dày công như thế.

Tôi lấy làm ngạc nhiên trước nhân vật lạ lùng này, nếu y có thể tiếp xúc với quỷ thần một cách dễ dàng như thế thì đó thật là một người nguy hiểm. Tuy nhiên, y cũng tỏ ra có những tình cảm như mọi người, vì khi ấy đứa cháu gái y mới lên sáu tuổi và mặc quần áo ngộ nghĩnh bất chợt chạy tung tăng vào phòng, y cuối xuống hôn nó một cách rất trìu mến và chơi với nó rất lâu.

Tôi lại hỏi:

- Những điều ngu hiểm của khoa pháp môn này như thế nào...

- Người nào kiểm soát và sai khiến được thần linhphải chịu nhiều điều nguy hiểm. Thần linh không phải chỉ là những vật vô tri trong bàn tay của y. Đó là những nhân vật có trí khôn va ý chí riêng biệt. Họ luôn luôn có thể nổi loạn chống lại người đã khuất phục được họ. Tuy họ tuân lệnh nhà phù thủy đã làm chủ được họ và phụng sự người ấy hết lòng, nhưng nếu nhà phù thủy mất sự tự chủ và ý trí của y bị sút kém, hoặc y lạm dụng quyền năng vì mục đích tà bậy, thì khi đó vài loại thần linh có thể phản công trở lại và tác hại, gây cho y những khó khăn bất ngờ, như tai nạn hoặc chết bất đắc kỳ tử. Với sự trợ giúp của những thần linh đó, người ta có thể làm được những việc phi thường, nhưng khi nhà phù thủy không đủ sức kềm chế thần linh, họ có thể phản động lại một cách trắng trợn và hại người đã khuất phục được họ.

- Phải chăng người cổ Ai Cập cũng đã từng biết rõ những hạng thần linh đó...

- Lẽ tất nhiên, sự hiểu biết đó là yếu tố căn bản về quyền năng của các vị tăng lữ trong các đền cổ Ai

Cập. Họ sử dụng thần linh như những vị thần canh gác mồ mả hoặc giữ kho tàng của cải rất vĩ đại. Người ta kêu gọi đến thần linh trong những cuộc hành lễ ở các đền thờ. Tôi cần nói thêm rằng có khi người ta cũng dùng các thần linh để thực hiện những mục đích tà bậy, bất chánh.

Tôi thuật lại cho ông lão nghe kinh nghiệm của tôi trong Kim Tự Tháp lớn, khi tôi thức suốt một đêm trong Vương Cung, và cái kinh ảnh khi tôi nhìn thấy cái vong hồn của hai vị đạo trưởng già và con đường hầm bí mật.

Nhà phù thủy cho biết:

- Bên trong Kim Tự Tháp và ở vùng chung quanh thần tượng Sphinx có một hạng thần linh đặc biệt. Những thần linh này đã bị các vị pháp sư lão thành của thời cổ Ai Cập bắt nhốt tại đó để gìn giữ nhưng nơi bí mật... Những vị thần linh ấy phóng ra những ảo ảnh để đánh lạc hướng những người nào muốn đột nhập vào những chốn thâm nghiêm bí ẩn trong các đền thờ, và nhờ đó họ giữ gìn cho những nơi ấy trở nên bất khả xâm phạm. Tôi cũng tin rằng Kim Tự Tháp lớn có những đường hầm bí mật, những gian phòng kín và những tài liệu ẩn dấu. Tôi cũng đã đến đó một lần với ý định tìm kiếm những thứ ấy, nhưng vì những người canh gác không cho bất cứ một ai đi xuống con đường hầm, nên tôi đành thất vọng trở về. Lẽ dĩ nhiên, những vị thần gìn giữ những nơi bí mật của Kim Tự Tháp và thần tượng Sphinx có thể bị lôi cuốn và mua chuộc, nhưng muốn như vậy, người ta phải biết rõ hìng dáng và tên của họ cùng những câu thần chú đặc biệt để kêu gọi các vị thần. Nhưng tiếc thay, những điều đó nay đã mất không còn nữa, và đã bị chôn vùi theo các nhà đạo sĩ cổ Ai Cập.

Tôi bèn hỏi những quyền năng mà y đã đề cập đến, vì tôi được bí nhưng quyền năng đó không phải là vô giới hạn. Y đáp:

- Lẽ tất nhiên chúng tôi không dám tự hào làm được bất cứ việc gì. Chúng tôi có thể làm một vài việc, chỉ có thể làm được một vài việc, thế thôi. Chỉ có đấng Allah mới biết hết tất cả và quyết định mọi sự. Chúng tôi chỉ có thể cố gắng thi thố tài nghệ của mình mà thôi, còn thành hay bại là tùy nơi đấng Allah.

Tôi xin kiếu từ và lại trở ra con đường hẹp và đầy các bụi, dưới ánh nắng trong sáng của mặt trời thành Cairo. Tôi còn cất trong túi áo một viên ngọc lớn, chùi láng bóng, màu nâu đỏ, hình bầu dục mà nhà phù thủy đã tặng cho tôi để làm vật kỷ niệm, và theo như lời y cho biết thì viên ngọc này ngày xưa là vật sở hữu của một vị vua Pharaon. Tôi ngắm viên ngọc và nghĩ đến nhà phù thủy mà tôi vừa tiếp xúc, cùng những thần linh bí mật vô hình mà y nói là lúc nào cũng sẵn sàng vâng lời sai khiến của y. Tôi thấy rằng, khi đạt đến đó, người ta đã bước vào một lãnh vực nguy hiểm, gần kề với khoa pháp môn huyền bí và tà môn tả đạo.

Những thần linh ấy phải chăng là những sự bịa đặt cổ truyền và vô căn cứ... Không, tôi phải nhìn nhận rằng trong những cõi giới bí ẩn của thiên nhiên, có những sinh vật không phải là loài người. Một lý luận giản dị bằng cách so sánh có thể đưa đến kết luận đó. Cũng có thể là trong hàng ngũ những sinh vật vô hình đó, có những loại hung ác, tà bậy, cũng như có những loại hiền hòa và tốt lành. Một vấn đề nữa là xác định xem những thần linh đó có thể làm những việc phi thường chăng như là phù thủy đã tuyên bố. Tôi không thể giải đáp vấn đề đó ngay tại chỗ.

Tôi có ý định nghiên cứu những khía cạnh của khoa pháp môn chính hiệu. Đó là kết quả đầu tiên và lạ lùng mà tôi đã gặt hái trong chuyến du hành sang Ai Cập.

Chương 6: Niềm An Tĩnh Của Thánh Địa Abydos

Trên bảy ngàn năm trước khi đức giáo chủ Mahomet đem cho những bộ lạc du mục xứ Ả Rập cái đức tin nơi một đấng thượng đế hoàn toàn siêu linh, thì xứ ấy đã từng có một nền tôn giáo cổ thờ những thần tượng không lồ bằng đá mà về sau đức Mahomet chủ trương phải dẹp bỏ. Tuy vậy những tín đồ ưu tú nhất của nền tôn giáo cổ xưa đó thật ra cũng chỉ tôn sùng một vị thượng đế như đức Mahomet đã khởi xướng. Sự tín ngưỡng của họ không phải chỉ là tôn thờ thần tượng mà thôi.

Những nhà Ai Cập học uyên bác ngày nay không thể biết nhiều hơn về một tôn giáo thuộc về tiền sử có rất ít tài liệu đến nỗi không ai có thể vén tấm màn bí mật của nó, và người ta chỉ còn đưa ra những giả thuyết về những nhân vật và những sự việc xảy ra vào một thời kỳ quá khứ xa xăm như thế.

Tại một vài nơi ở Ai Cập, những đến thờ cổ xưa và những ngôi đền Hồi Giáo ở gần sát bên nhau, chẳng hạn như tại Louqsor. Về điểm này, xứ Ai Cập cho ta thấy một sự tương phản lạ lùng. Đã bao lần những đoàn kỵ binh hùng dũng của đạo binh xâm lăng Ả Rập đã từng cắm ngọn cờ xanh màu lục của đấng tiên tri khắp xứ Ai Cập. Thời gian trôi qua, ngọn cờ màu lục đã có lúc chuyển qua các ngọn cờ màu hồng, màu trắng, màu xanh dương, rồi lại tái xuất hiện. Nhưng trong cái bối cảnh ở tận đằng sau, vẫn còn rên rỉ tiếng còi yếu ớt trong những ngôi đền cổ.

Xứ Ai Cập không thể làm mất đi những dấu vết của nền tôn giáo cổ của họ. Dĩ vãng, giống như con chim phụng hoàng, luôn luôn xuất hiện thình lình trước mắt ta do công trình đào xới của các nhà khảo cổ. Những di tích thần tượng bằng đá nhắc lại những thời đại cổ xưa, mà người đời không còn biết đến nữa.

Tuy nhiên, cái ranh giới giữa dĩ vãng và hiện tại vẫn còn mơ hồ. Những người nhạy cảm đều đồng nhận thấy rằng cái bầu không khí cổ thâm nghiêm cùng sự tín ngưỡng đáng quý của những dân tộc biệt tích đó vẫn còn phảng phất một cách sự thật và đè nặng lên xứ này. Nếu những ngôi đền cổ của họ ngày nay chỉ còn là những di tích hoang tàn, sụp đổ, làm nơi trú ngụ của những loài dơi vỗ cánh bay lượn trong đêm tối, nếu ở đó nay chỉ còn một vài xác chết đã bị moi ruột, được những nhà chuyên môn thời cổ dùng chất hương liệu ướp xác và tẩm liệm để giữ gìn nguyên vẹn cho đến bây giờ, thì dù sao vong hồn của họ cũng còn phảng phất không xa những chốn đền đài cổ kín mà xưa kia họ đã từng quen thuộc. Cái mãnh lực, quyền uy của người chết vẫn còn tồn tại ở Ai Cập một cách bền bỉ hơn bất cứ ở xứ nào mà tôi được biết.

Cái dấu vết tinh anh tế nhị đó, tôi lại có dịp nhận thấy khi tôi ngồi xếp bằng ở một chỗ kín đáo bên trong một dãy hành lang nhiều cột trong ngôi đền Seti ở Abydos. Những hình tượng lạ lùng nhìn tôi hoặc biểu dương các tư thế trên vách tường chung quanh. Cái ấn tượng mạnh mẽ của quá khứ xâm chiếm lấy tâm hồn tôi và đưa đến trước mắt tôi những linh ảnh của một thời đại đã bị xóa mờ trong dĩ vãng.

Tôi nhìn thấy một cách vô ý thức những đám rước cổ xưa đi vào đền và tiến bước một cách nhịp nhàng vào những nơi thánh điện. Tôi cản thấy cái quyền uy của những vị tăng lữ kiêm pháp sư thời cổ đã từng làm cho Abydos trở thành một trung tâm tôn thờ thần Osiris, vị thần mà họ hình dung là đội một cái mão có ba ngấn. Những lời cầu nguyện của họ đã phóng ra những tiếng vang dội đến tận trời xanh và từ thế kỷ này sang thế kỷ khác. Sự hiển diện im lăng và huy hoàng của một đấng thần linh cao cả bắt đầu bao trùm lấy tôi và làm cho tôi ngây ngất. Dưới đôi cánh che trở của người, tôi thấy rằng cuộc đời thế tục của tôi với những dục vong lăng xăng của nó, bắt đầu mờ dần và biến mất như cát trôi qua kẽ ngón tay. Vào thời trước, Strabon đã viết:

- Tại Abydos, người ta thờ thần Osiris, nhưng trong ngôi đền này thì không một nhạc công nào được

phép dùng nhạc khí như ống sáo hay đàn dây để mở đầu những nghi lễ cúng tế thần theo nghi thức thông thường trong những cuộc hành lễ tôn giáo.

Sự an tĩnh toát ra từ những vách tường trắng của gian phòng này, một niềm an tĩnh thần tiên mà thế giới bên ngoài không biết được và không thể hiểu. Không phải trong sự náo động ồn ào mà người ta tìm thấy trong những giờ phút tốt đẹp của đời mình, chỉ khi nào sự an tĩnh từ từ lướt nhẹ vào tâm hồn ta, ta mới có được sự hợp nhất thâm thúy với hạnh phúc, minh triết và quyền lực thiêng liêng.

Tôi ngồi một cách thoải mái trong một góc tường, có lẽ giống như một vị tăng lữ thời xưa, một trăm thế hệ trở về trước, và để cho cái ảnh hưởng êm đềm của bầu không khí chung quanh thấm nhuần vào người tôi như một giấc mơ. Thật là một điều kỳ diệu mà cảm thấy mìng cô lập trong giây lát, quên đi tất những kết quả mà sự văn minh tiến bộ đem đến cho ta. Quên đi sự ích kỷ cố hữu của thế nhân, những sự hiểu lầm không tránh khỏi, những thù ghét vô lý, những sự ganh tỵ đắng cay nó sẽ ngẩn đầu lên như con rắn để phun nọc và mổ vào mình ta, khi ta trở về với cõi thế tục vô minh hắc ám! Tôi tự hỏi: "tại sao người ta phải trở về đấy nhỉ... "

Sự cô đơn dường như là một điều bất hạnh đối với chúng ta, nhưng một sự minh triết thâm sâu dạy cho ta biết nhìn nó như một ân huệ. Chúng ta phải vượt lên đỉnh núi cao tột của những điều mơ ước và hãy tập quen sống trong sự cô đơn. Bởi vì chúng ta muốn tìm thấy sự sống tâm linh giữa đám đông người, ta sẽ thấy gì... Linh hồn không có ở đó. Nếu ta muốn tìm chân lý hay sự thật, ta chỉ thấy có sự hư giả, dối trá.

Sự ấm áp vốn ngự trong tâm hồn. Người ta có thể trãi qua một buổi dạ hội trong một phòng khách lớn, giữa một nhóm độ ba bốn người, và vẫn thấy mình cô độc như ở trên bãi sa mạc Sahara. Những thân hình có thể ngồi lại gần nhau, những tâm trí họ vẫn cách biệt muôn trùng, và mỗi người vẫn thấy mình cô độc. Có người mời ta đến nhà vì phép xã giao bắt buộc, theo những lề lối thông thường, chúng ta đến nơi nhưng chủ nhà không có ở đó để tiếp ta. Y chỉ để lại đó có cái xác không hồn, vì biết rằng giữa tâm hồn ta với y có một vực quá sâu thẳm để có thể lấp bằng. Làm quen với một người như thế, thà rằng đừng làm quen nữa còn hơn! Những gì thượng đế đã phân ly, ngăn cách, thì con người chớ khá kết hợp lại!

Tôi đã lên dường để tìm sự bằng an của cõi trời, một cõi giới bao la mà những tin tức thời sự của trần gian không hề lọt vào. Tại sao ta không chịu sống cô đơn và nhận lấy những ân huệ tốt lành của một cuộc đời ẩn dật, thoát ly khỏi những điều phiền não vô ích, ở những nơi vắng vẻ tĩnh mịch như tại ngôi đền Abydos này...

Chúng ta thường khinh rẻ những người bỏ cuộc đời thế tục để đi tìm một đời sống cao thượng hơn, trong khi mà sự ẩn dật của họ chỉ có mục đích là sẽ trở lại để truyền cho người thế gian một vài điều tốt lành. Tôi nhớ lại lời cam kết long trọng của tôi với những bậc mà tôi kính trọng, tôi biết rằng sự trở về của tôi là không thể trq1nh khỏi. Tuy nhiên điều này không làm cho tôi lo buồn, vì tôi cũng hiểu rằng bao giờ tôi chán nản cuộc đời trần gian, tôi lại có thể trở về với cái nguồn gốc thâm trầm của bản chất tâm linh tôi và lại tìm thấy sự mát mẻ của tâm hồn, ung dung tự tại, bằng an và hạnh phúc.

Thật vậy, trong sự im lặng thiên liêng đó từ trong nội tâm của tôi, tôi có thể rõ ràng nghe tiếng nói của Thượng Đế, cũng như trong cái im lặng thâm trầm của ngôi đền Abydos tôi có thể nghe những tiếng yếu ớt hơn của những đấng thần minh. Khi ta sống với ngoại cảnh, ta sống giữa những hình bóng hư ảo và những sự băn khoăn, ưu phiền, nhưng khi ta hướng vào bên trong, ta sẽ thấy những chân lý siêu việt và những niềm phúc lạc trường cửu.

Chúng ta đã mất cái nghệ thuật ngồi một mình, chúng ta không còn biết phải làm gì trong những giờ phút cô đơn. Chúng ta không biết tìm hạnh phúc trong cái kho tàng thầm kín của lòng ta, chúng ta phải bỏ tiền ra để mua lấy sự tiêu khiển từ bên ngoài, hoặc trả tiền thù lao cho những kẻ đem cho ta một thú vui giả tạm trong chốc lát. Không những chúng ta không biết ngồi một mình, mà chúng ta còn không biết giữ im

lặng. Nhưng nếu chúng ta biết ngồi im một chỗ trong một thời gian ngắn và sử dụng tâm trí theo một phương pháp nhất định, chúng ta sẽ thu hoạch được một sự minh triết thâm sâu đáng kể, và đem cho tâm hồn ta một sự bằng an tuyệt vời.

Tôi ngồi suốt như thế trong suốt hai tiếng đồng hồ, thời gian trôi qua, tiếng kim đồng tay vẫn chạy đều vọng vào tay tôi, tôi lại mở mắt một lần nữa. Tôi nhìn quanh, những cột trụ lớn và chắc của gian phòng đỡ lấy cái trần nhà dầy đặc. Những tia nắng xuyên qua những lỗ hở trên nóc chiếu vào phòng làm nổi bậc lên những hình tượng các vị thần chạm trổ trên vách. Người ta thấy một vị vua Pharaon đứng chiêm ngưỡng một vị thần được tôn sùng vào thời đó hoặc được dắt trước tượng thần Osiris. Ngoài ra, còn có những loạt hàng chữ ám tự khắc trên vách, ý nghĩa rất bí hiểm và khó đối với người thường.

Người ta thấy ở khắp nơi hình ảnh của vua Pharaon đang chiêm bái, dâng hương và nhận lãnh ân huệ của các đấng thần minh. Trong một thánh điện đặc biệt, không dành riêng cho sự thời phượng một đấng thần linh nào nhất định, có nhiều vị thần của Ai Cập được tôn sùng. Mỗi vị có một bàn thời riêng, thời hình tượng hoặc vẽ hoặc tạc trên đá, nhưng tựu trung thì thần Osiris giữ một ưu thế tuyệt đối và một cấp bậc cao hơn tất cả. Bảy nơi thánh điện xây bằng những tản đá lớn được dành cho các vị thần Horus và Isis, Ptah và Harakht cùng những đấng thần minh khác.

Nữ thần Isis mang tấm màn thưa che mặt, tức nữ thần Minh Triết, được hình dung tại đây với vẻ hiền từ của một đức hiền mẫu, đưa cánh tay mặt ra đặt trên vai của vua Pharaon sùng tín. Một bên ngài là chiếc thuyền bát nhã, giữa thuyền có đặt một bàn thờ chạm hình hoa sen, giòng nước dợn sóng sẵn sàng đưa nữ thần lên tận cảnh giới Thiên Đường cực lạc là nơi cư ngụ của các đấúng thần minh, các vị nữ thần và những người trần gian được các ngài ban ân huệ. Trước cảnh tượng này, người du khách sẽ ngạc nhiên tự hỏi sao người cổ Ai Cập lại có thể quá ngây ngô để chấp nhận những sự tin tưởng đó, những vị thần nay đã hoàn toàn biệt tích và những con thuyền bát nhã linh thiêng chở các đấng ấy lên Trời. Thật ra những chiếc thuyền ấy chỉ là những biểu tượng, yếu tố của một thứ ngôn ngữ huyền bí mà các đạo gia ưu của thời xưa hiểu được dễ dàng nhưng thế giới hiện đại không thể nào hiểu nổi. Còn những đấng thần minh, đó không phải chỉ là những điều hư giả. Trong cái vũ trụ vô biên vô tận của Thượng Đế, có những cảnh giới dành cho những nhân vật khác hẳn và tiến hóa cao hơn loài người. Nếu trải qua thời gian tên họ và hình dáng của những vị ấy tiến hóa và thay đổi, thì tính chất căn bản của họ vẫn giữ nguyên vẹn, bất biến.

Tôi đồng ý với Plutarque khi ông ta nói rằng: "Chỉ có bấy nhiêu vị thần chung cho tất cả mọi dân tộc khác nhau, dù là dân Hy Lạp hay dân tộc dã man cũng vậy. Cũng như mặt trời, mặt trăng, các bầu tinh tú, trời cao, đất rộng, biển cả là của chung của muôn loài, thì những đấng thần minhũng là sở hữu chung của tất cả mọi người, dẫu rằng mỗi quốc gia hay dân tộc đặt cho các đấng ấy những cái tên khác nhau. "

Nếu những đấng ấy lọt ra ngoài tầm nhãn quang của chúng ta, công trình của họ vẫn không phải là đã chấm dứt. Họ hoạt động trên những cõi vô hình mà chúng ta không nhìn thấy, nhưng chúng ta vẫn ở trong vòng ảnh hưởng của họ. Họ luôn luôn dòm ngó đến bầu thế giới được giao phó cho họ săn sóc chăm nom. Họ vẫn tiếp tục kiểm soát, điều khiển sự tiến hóa của nhân loại, dẫu rằng họ không còn xuất hiện dưới thế gian. Tôi tin nơi các đấng thần minh, cũng như người cổ Ai Cập. Tôi cho các đấng ấy là một tập đoàn gồm những bậc siêu nhân loại, có sứ mạng trông nom điều khiển vận mạng, và dìu dắt những hoạt động chính yếu của các dân tộc, và sau cùng, hướng dẫn từng cá nhân và từng sự việc thế gian đi đến cứu cánh hoàn hảo và toàn diện.

Bảy thánh điện trong ngôi đềnAbydos đã chứng minh người xưa đã từng dùng lửa và nước, dâgn hương và có những nghi thức lễ bái cầu nguyện. Những cuộc hành lễ này có tính cách thời hình tượng hoặc có tính cách tâm linh tùy theo quan niệm và ý đồ của những người hành lễ. Người nào cho rằng những nghi thức cúng tế bề ngoài là đủ thay thế cho đạo đức, rơi vào sự mê tín dị đoan. Người nào dùng nghi thức lễ bái như những biểu tượng để nhắc nhở, khiêu gợi lòng sùng tín và lòng hy sinh mà y muốn hiến dâng suốt

đời cho đấng Tạo Hóa, sẽ tăng tiến đạo hạnh trong nền tôn giáo chân chính. Còn vị tăng lữ dùng những nghi lễ của khoa pháp môn cổ truyền, thì gánh lấy một trách nhiệm rất lớn, vì y có thể kêu gọi đến những mảnh lực vô song thuộc về quyềnh năng của ác quỷ hay của Thiên Thần. Kẻ phàm tục không hề được phép đột nhập vào nơi thánh điện tôn nghiêm này, mà những bàn thời thếp vàng lóng lánh hồi thời cổ xưa, nay đã biệt tích. Trong phần nhiều những đền cổ Ai Cập mà chỉ có giai cấp tăng lữ là đóng vai trò cốt yếu. Những vị tăng lữ này đã từng tranh thủ và chiếm giữ uy quyền trong lúc thhịnh thời, sau cùng đã mất hết cả ảnh hưởng đối với dân chúng khi nền tôn giáo cổ bắt đầu suy tàn.

Thời gian đem đến với nó những sự biến thiên lạ lùng, chiếc hòm đá của nhà vua Pharaon sáng lập ra ngôi đền này, cổ quan tài đựng xác ướp của vua Seti, ngày nay đang nằm ở cách Abydos trên ba nghìn dặm đường, trong một cổ tàng viện ở giữa thành phố Luân Đôn náo nhiệt phồn hoa. Tôi nghĩ rằng nếu thi hài nhà vua này được chôn sâu hơn độ ba mươi thước nữa dưới lòng đất, thì có lẽ xác ướp của ông ta đã tránh khỏi cái lộ trình từ Ai Cập sang Anh Quốc.

Tôi đến ngồi dưới bóng mát của gian phòng có nhiều cột. Tục truyền rằng chính Abydos là nơi mà Osiris, bậc thánh nhân thời cổ Ai Cập, được tẩm liệm và chôn cất trong nghĩa địa của nhà vua Thinis, một thành phố ngày xưa được dựng lên ở tại đó nhưng nay đã biệt tích. Vua Neferhotep cho biết rằng ông đã khám phá ra Abydos trong tình trạng điêu tàn khi lên ngôi vua Pharaon. Ông cho biết rằng ông đã sưu tầm trong thư viện thành Heliopolis để tìm ra những tài liệu nói về ngôi đền Osiris ngày xưa được dựng lên ở Abydos. Ông nói thêm rằng sau khi nghiên cứu những tài liệu cổ xưa ấy, ông đã có thể phục hồi lại những nghi lễ đã mất. Những vì vua kế nghiệp ông sau đó đã dùng tài liệu này để sửa sang lại những chỗ hoang tàn, xây cất lại ngôi đền và cất thêm nhiều kiếntrúc mới chung quanh. Như thế, những đền đài cổ đã được dựng lên trong thành Thinis, nhưng thời gian đã tàn phá tất cả.

Trong thời kỳ sơ khai của xứ cổ Ai Cập, những nghi lễ huyền bí của Orisis là một nghi thức chính đại của nến tôn giáo cổ, và người ta thực hành những nghi lễ này trước tiên tại Abydos. Bởi đó, nơi này, ngày xưa là một trong những thánh địa thiên liêng nhất. Tôi hiểu rằng chính cái bầu không khí cổ xưa đó hãy còn phảng phất đâu đây và gây cho tôi một ấn tượng sâu xa, trong khi tôi vẫn dửng dưng đối với những nghi thức trịnh trọng mà người ta vẫn thực hành hằng ngày trong những tòa thánh diện rất tráng lệ nhưng kém cổ xưa của vua Seti dựng lên. Lịch sử buổi sơ khai của thánh địa Abydos có liên hệ mật thiết với tiểu sử của Osiris và thục lùi trong vực thẳm của thời gian về thời kỳ tiền sử của Ai Cập, một cái dĩ vãng xa xăm không còn dấu vết trước cả thời kỳ xuất hiện của các vì vua Pharaon, nghĩa là từ thuở ban đầu. Đó là cái thời kỳ xa xưa mà các đấng thần minh vẫn còn chưa biệt dạng khỏi tầm nhãn quang của con người, cái thời kỳ mà theo các sử gia Ai Cập, những bậc Thánh Vương hãy còn cầm quyền cai trị dân gian.

Tôi nghĩ rằng: Thật là huyền diệu thay! Những luồng từ điển huyền bí vẫn tiếp tục rung động một cách thường xuyên ở tại đây, luôn luôn sống động và duy trì cái bầu không khí thần diệu của thánh địa Abydos từ thời tiền sử, mà những tâm hồn nhạy cảm mà có thể cảm xúc được.

Chính tại đây, Abydos, là nơi được thành lập ngôi đền chính và đầu tiên để thời thần Osiris tại Ai cập. Nhưng Osiris là ai... Truyền thuyết và huyền thoại nói rằng đó là một nhân vật bị sát hại và phân thây, nhưng về sau những mảnh thi hài được chấp nối lại làm cho người sống lại.

Tôi đã thiền định rất lâu để tìm hiểu vấn đề này và đợi câu trả lời... Lời giải đáp đã đến với tôi từ cái im lặng chôn sâu tự muôn đời trong dĩ vãng:

Hồi thời kỳ Atlantide, một vị Thánh Vương đã tiên liệu cần phải xây dựng một nơi cư trú mới cho những người đạo đức tâm linh trong giới thế hệ trẻ, và đã di cư cho họ về hướng đông, trên một vùng đất gọi là xứ Ai Cập ngày nay. Vị Thánh Vương ấy đã biến hóa rất cao đến một trình độ siêu nhân loại, tức trình độ của các bậc thần tiên, bởi đó ngài không những là một nhà lãnh đạo cai trị dân gian như người ta

hiểu theo lối thường tình của thế nhân, mà người ta còn suy tôn ngài như thầm thánh. Ngài mới sắp đặt cuộc di cư cho những phần tử ưu tú đó ra khỏi lục địa, trong khi châu Alantide đang đạt tới mức văn minh tột đỉnh, vì những đấng Thần Minh đã bắt đầu chuẩn bị những vùng đất mới từ lâu trước khi châu Atlantide bị thiên tai và biệt tiùch.

Như thế, không để cho châu Atlantie sụp đổ, nhiều đoàn người trong số những phần tử u tú nhất bắt đầu tảng cư. Những người ở miền tây châu ấy di cư sang vùng Trung Mỹ và Nam Mỹ châu, còn những người thuộc các đế quốc miền đông châu Atlantide di cư sang Phi Châu, và đặt nền tảng cho văn minh Ai Cập.

Những người ấy sửa soạn tàu bè, trương buồm lướt sóng trực chỉ hướng đông. Vùng này đối với họ hãy còn xa lạ, họ đến đó khai phá đất hoang và thiết lập nhiều vùng thuộc địa mới trên những điểm khác nhau dọc theo miền duyên hải Âu Phi. Đoàn người do sự điều khiển trực tiếp của Osiris đặt chân lên vùng đất Ai Cập thời tiền sử, họ dừng chân trên các vùng bờ biển trước khi đi ngược dòng sông Nil, vượt qua ba ngọn Kim Tự Tháp và thần tượng Sphinx, những ngôi kiến trúc và tượng đá này đã được xây cất và bỏ xót lại do đoàn người Atlantide đầu tiên đổ bộ lên Ai Cập. Sau cùng Osiris mới dừng chân tại đó, ở một vùng cách không xa vị trí thành Abydos hiện tại. Đoàn người di cư này thấy miền Bắc Ai Cập đã có một giống thổ dân bản xứ cư ngụ, họ được một nhóm dân này tiếp đón một cách hiền hòa, và vì đoàn người Atlante có một nền văn minh cao hơn, nên được dân bản xứ chịu khuất phục và chịu điều khiển. Do đó mới phát sinh ra nền Ai Cập đầu tiên.

Trước khi từ giả dân chúng, Osiris đã đặt ra những nghi lễ tôn giáo thuộc về Huyền Môn mà ngài để lại cho dân Ai Cập như một cái di sản dài hạn, để duy trì tên tuổi, công nghiệp và giáo lý của ngài. Như vậy dân Ai Cập thời tiền sử đã có một nền văn minh và văn hóa trước khi thành phố Luân Đôn mới ngoi lên giữa bãi sình lầy nước đọng. Nhiều thế kỷ trôi qua, đã đến lúc mà người ta phải phục sinh và chấn chỉnh lại nền tôn giáo cổ Osiris. Khi đó mới xuất hiện một bậc giáo chủ, một vị thánh nhân danh hiệu là Thoth, ngài lập ra thành Sais một trung tâm mới để dạy khoa Huyền Môn của Osiris cho những tập đoàn dân bổ xứ của Ai Cập thời tiền sử.

Nhưng còn chuyện huyền thoại về việc Osiris bị sát hại do đâu mà ra... Tôi không thể tìm ra một câu trả lời trực tiếp. Bởi vậy tôi dành cho nó một cơn thiền định sau này.

Tôi đành đứng dậy sửa soạn ra về. Tôi bước qua những tản đá lớn nhỏ không đều mà mặt đá đã mòn từ lâu. Ngày xưa, những mặt đá này có chạm trổ bông hoa rất đẹp, nhưng bây giờ thời gian đã xóa mờ tất cả. Tôi còn nhìn một lần cuối cùngnhững cột trụ to lớn hùng vĩ, đầu cột trụ nhô lên cao, đã từng nâng đỡ suốt bao nhiêu thế kỷ những tản đá lớn chạm trổ trên nóc, và nay vẫn còn vương mình đỡ lấy nóc đền một cách hùng dũng, oai nghi. Thế là cuộc thăm viếng của tôi ở ngôi đền cổ kết thúc.

Đó là thánh địa Abydos, được coi như là nơi an nghỉ cuối cùng của bậc Thánh Nhân Osiris, nhưng thật ra thì đó là ngôi đền đầu tiên để làm lễ điểm đạo cho các vị môn đồ của phái Huyền Môn thời cổ Ai Cập.

Tôi đã tìm được một nơi thích thú, vì tôi biết rằng cái niềm an tĩnh thiêng liêng bất diệt của nó đã xâm chiếm lấy hồn tôi như một bàn tay vô hình.

Nếu trong những giờ phút qua mau của cuộc đời, tôi đã có đôi khi sống được dài khoảnh khắc bất diệt mà tôi hằng nhớ đời đời không quên, thì chỉ khi đó tôi ý thức rằng tôi đã không sống một cách vô ích. Ấy là những giờ phút mà tôi đã trải qua tại Abydos.

Chương 7: Lễ Điểm Đạo Huyền Bí Trong Đền Cổ Ai Cập

Câu trả lời mà tôi tìm kiếm để giải đáp sự bí hiểm của câu chuyện huyền thoại về cái chết của Osiris, tôi đã thấy được sau khi đi ngược dòng sông Ni lđể khảo cứu về ngôi đền nữ thần Hathor ở Denderad. Ngôi đền này rất lớn và được giữ gìn nguyên vẹn, nhờ nó bị hoàn toàn chôn vùi dưới lớp cát mịn và nóng của sa mạc suốt hơn một nghìn năm. Từ hướng Bắc, tôi trèo lên một cầu thang rất hẹp và đã mòn. Dọc đường thỉnh thoảng tôi ngừng lại để nhìn xem, dưới ánh đuốc cầm nơi tay, những cảnh tượng chạm trổ trên vách tường. Đó là một cảnh tượng một đám rước lễ quan trọng nhất của đền Denderad vào lúc đầu năm, chính vua Pharaon đích thân dẫn đầu cuộc diễn hành. Các vị tăng lữ, vị tăng lữ, tư tế của phái Huyền Môn, những người cầm cờ nối tiếp nhau đi trên vách tường cũng như họ đã từng diễn hành như thế hồi thuở sanh tiền, và đi từ dưới lên trên chính cái cầu thang này. Lên khỏi cầu thang, tôi đã ra khỏi bóng tối để ra chỗ đầy ánh nắng chói lòa và xuyên qua những tản đá khổng lồ của nóc đền, tôi đến trước một thánh điện nhỏ đứng cô lập một mình trong một góc của nốc bằng. Nóc đền được nâng đỡ bằng những cột trụ lớn co chạm hình nữ thần Hathor.

Tôi bước vào và nhận ra đó là một thánh điện mà xưa kia người ta dùng để hành lễ điểm đạo theo khoa Huyền Môn của Osiris cho đến thời đại các vị vua Ptolémée. Trên tường, những hình chạm nổi phô diễn đức Osiris nằm trên giường, chung quanh là những người trợ tá để giúp đỡ những việc vặt và những lò hương trầm. Những hàng chữ ám tự và tranh ảnh thuật lại lịch sử sự chết và sự phục sinh của Osiris, và những chữ khắc trên tường ghi lại những lời cầu nguyện từng giờ suốt một đêm mười hai giờ.

Tôi ngồi xuống đất, tức là nóc bằng của ngôi đền lớn, và bắt đầu thiền định về câu chuyện huyền thoại cổ xưa. Sau khi đã ngồi yên khá lâu trong cơn trầm tư mặc tưởng, tôi bắt đầu tìm ra manh mối sự thật mà trải qua nhiều thế kỷ, nó đã biến thành một câu chuyện huyền thoại ly kỳ: Osiris bị phân thây và sau đó được ráp lại từng mảnh.

Do đâu mà tôi có cái chìa khóa của bài toán đố bí hiểm này... Do một sự nhớ lại thình lình. Tôi nhớ lại lúc tôi ngồi trong Vương Cung bên trong Kim Tử Tháp lớn, khi mà từ trong bóng tối dầy đặc, hiện ra cái linh ảnh cho tôi thấy hai vị Đạo Trưởng Ai Cập đã cao niên, một trong hai vị này đã làm cho thể xác tôi mê thiếp đi và đưa linh hồn tôi vào một trạng thái ý thức rõ ràng. Trên thực tế, thể xác hôn mê của tôi lúc đó đã hoàn toàn vô tri giác, sự sống chỉ còn tồn tại là do một sự hô hấp vô ý thức, còn linh hồn thì đã thoát ra ngoài. Tôi chỉ là một người chết, mà linh hồn đã từ bỏ thể xác. Nhưng, khi kinh nghiệm ấy chấm dứt, tôi đã hồi sinh trở lại và trạng thái chết giả cũng không còn. Phải chăng đó quảu là một sự phục sinh hẳn hòi, một sự tái sinh trở lại đời sống phàm trần sau khi đã nhìn xem cõi giới bên kia... Phải chăng đó là một sự sống trong cõi vô hình...

Tôi đứng dậy nhìn xem một lần nữa những hình ảnh trên tường để xác định lại điều ấy. Osiris nằm duỗi thẳng thân mình, dường như đã chết, xem giống như một xác ướp và liệm vào hòm. Tuy nhiên, tất cả những chi tiết cho thấy sự chuẩn bị một nghi lễ dành cho người sống chứ không phải cho người chết: Thể xác hôn mê, những vị tăng lữ hành lễ, những bình lư hương để làm cho mê thiếp đi.

Những cuộc lễ điểm đạo này luôn luôn được cử hành vào lúc ban đêm. Người thí sinh được đặt trong trạng thái xuất thần trong một thời gian dài ngắn không chừng, trình độ điểm đạo càng cao thì cơn xuất thần của y càng dài và càng sâu hơn. Những vụ tăng lữ canh chừng y suốt những giờ ban đêm dành cho cuộc hành lễ này.

Đó là cảnh tượng thường diễn ra trong những cuộc lễ điểm đạo Huyền Môn từ những thời đại cổ xưa

trong dĩ vãng. Nó có ý nghĩa gì... Sự Sát Hại Osiris tức là việc đặt người đạo đồ trong một trạng thái chết giả, nghĩa là trong sự kết hợp tâm linh với Osiris, người sáng lập ra tổ chức Huyền Môn này.

Lối kiến trúc các ngôi đền cổ đều theo một kế hoạch song đôi, mỗi ngôi đền đều có hai phần, một phần dành cho những hoạt động tôn giáo thông thường, một phần dành cho những cuộc lễ điểm đạo Huyền Môn. Phần sau này hoàn toàn được ngăn ra thành một chỗ riêng biệt trong đền.

Bằng phương pháp thôi miên, gồm có việc xử dụng những chất hương liệu rất mạnh, dùng hai bàn tay truyền nhân điện dọc theo thân mình, cùng với việc xử dụng một chiếc đủa thần, người thí sinh được đưa vào một trạng thái đồng thiếp làm cho y mê man bất tỉnh như người chết. Xác thân y tê liệt, nhưng linh hồn y vẫn tỉnh táo và nối liền với thể xác bằng một sợi dây từ điển vô hình mà chỉ vị chủ lễ điểm đạo có thần nhãn mới nhìn thấy được. Như vậy mặc dù mọi hoạt động thể xác đã ngưng, nhưng nguồn sinh lực vẫn tồn tại. Tất cả ý nghĩa và mục đích của cuộc điểm đạo này là để dạy cho người thí sinh biết rằng vốn không có sự chết. Người thí sinh được truyền thụ cái chân lý đó bằng một phương pháp rõ ràng và thật tế nhất, nghĩa là bằng cách làm cho y kinh nghiệm qua chính bản thân mình mọi diễn biến khách quan của sự chết, bằng cách dùng một phương pháp huyền bí để đưa y lọt vào cõi giới bên kia. Cơn đồng thiếp của y thâm sâu đến nỗi người ta đặt y trong một cái hòm đựng xác ướp có vẽ tranh ảnh và khắc chữ bên ngoài, nắp hòm được đóng chặt và khóa lại cẩn thận. Xét về bên ngoài, thì y là người đã chết!

Nhưng khi cơn đồng thiếp của y hết kỳ hạn, người ta mở nắp hòm ra, và bằng những phương tiện thích nghi, y được làm cho tỉnh dậy. Đó là ý nghĩa của lời huyền thoại tượng trưng nói rằng những mảnh xác bị tách rời của Osiris được ráp nối và làm cho ngài được hồi sinh. Sự phục sinh bí hiểm và hoang đường của Osiris không khác gì hơn là sự tỉnh dậy của người đệ tử Huyền Môn sau cuộc lễ Điểm Đạo.

Tòa thánh điện mà tôi đang quan sát, ngày xưa đã từng là nơi chứng kiến bao nhiêu những cuộc hạ sát và những cuộc phục sinh như đã diễn tả ở trên. Hồi thời đó, trong phòng có một cái giường và những vật liệu cần thiết cho cuộc điểm đạo. Khi người thí sinh đã trải qua trạng thái đồng thiếp và sắp sửa được đánh thức dậy, người ta chở y đến một nơi thoáng khí để cho những tia nắng đầu tiên của mặt trời mọc lúc bình minh rọi thẳng vào gương mặt còn mê man của y.

Trong những thời đại cổ xưa nhất, nhiề vị tăng lữ cao cấp nhất và tất cả những vị tư tế ở các đền thờ bên Ai Cập đều có sự hiểu biết thâm sâu về những điều huyền bí của các khoa thôi miên và từ điển, và có thể đặt những người thí sinh vào một cơn đồng thiếp thâm sâu đến nỗi dường như họ đã chết. Những vị tăng lữ thượng tọa còn có thể làm hơn thế nữa, hơn cả những nhà thôi miên hiện đại, vì những vị ấy biết phương pháp làm cho linh hồn người thí sinh vẫn thức tỉnh trong khi thể xác của y nằm trong cơn đồng thiếp, làm cho y thực hiện được những kinh nghiệm siêu phàm, mà y sẽ nhớ lại được sau khi y tỉnh dậy và trở về trạng thái bình thường.

Bằng cách đó, họ có thể đem người thí sinh sự hiểu biết về tính chất của linh hồn, và khi bắt buộc linh hồn y tạm thời rút lui ra khỏi thể xác, họ làm cho y nhận thức được sự hiện hữu củ cõi thế giới bên kia cửa Tử, mà những hình ảnh trên hòm được xác ướp có vẽ những biểu tượng đầy ý nghĩa. Bởi đó, người cổ Ai Cập khắc trên nắp những cổ quan tài bằng đá, hoặc vẽ bằng màu trên những hòm đựng xác ướp, hoặc tô điểm ngoài bìa những kinh sách tôn giáo của họ những hình chim dị kỳ, bay ra khỏi hoặc đứng trên cái xác ướp. Đó là một con chim có đầu người và tay người, thường được hình dung một tay cầm một cánh buồm, tượng trưng cho hơi thở, và tay kia cầm một hình thập tự cuốn tròn, tượng trưng cho sự sống. Những biểu tượng này dù khắc trên đá hay vẽ trên giấy, đều ngụ ý tượng trưng dạy cho ta biết rằng ngoài cõi phàm trần vật chất này còn có một cõi giới tâm linh. Trong quyển sách Tử Thư (sách của người chết) có chỗ đề cặp đến những người chết, nhưng thật ra đó là nói về những người chết giả, nằm mê trong cơn đồng thiếp, vô tri bất động như ngươi chết thật, và linh hồn đã đi qua một kẻ khác. Đoạn sách ấy đề cập đến cuộc điểm đạo. Cõi giới bên kia đi xuyên qua cõi trần một cách huyền diệu, và những vong linh ở cõi ấy có thể ở gần

bên chúng ta. Một từ ngữ khoa học nói rằng trong thiên nhiên vốn không có gì mất đi đâu. Khi một người từ bỏ cõi trần, bỏ lại cái thể xác vô tri bất động, linh hồn y lại xuất hiện trên cõi vô hình, vô hình đối với mắt phàm chúng ta, nhưng hữu hình đối với những nhân vật tinh anh trên đó.

Tuy rằng phương pháp điểm đạo này có những đặc tính bề ngoài giống như khoa thôi miên hiện đại, nhưng nó vượt rất xa những phương pháp thôi miên, vì khoa này chỉ thức động đến chỗ tiềm thức, mà không thể làm cho đương sự có ý thức được sự sinh hoạt trên các cõi giới thâm sâu huyền diệu hơn.

Theo sự tin tưởng của quần chúng, thì Osiris là một nhân vật đã chịu pháp nạn và bị giết, rồi được phục sinh và chui lên khỏi mồ. Tên của ngài đã trở nên đồng nghĩa với sự hồi sinh, sự bất tử của ngài gây cho mọi người một niềm hy vọng trở nên bất tử y như người sau khi chết.

Hồi thời ấy, người ta đã tin tưởng ở sự bất diệt của linh hồn và ở đời sống bên kia nấm mồ. Người ta cũng tin rằng trong khi con người bước vào đời sống mới đo, những đấng thần minh xét đoán linh hồn và duyệt xét lại những hành động thiện ác của y trong quá khứ. Kẻ dữ sẽ bị trừng phạt thích dáng, người hiền sẽ được và cảnh thiên đàng hạnh phúc, và hợp nhứt với Osiris. Những điều đó khá thích hợp với quần chúng và đem đến cho những tâm hồn chất phác những viễn ảnh mà họ có thể quan niệm được dễ dàng. Người ta không nhồi sọ dân chúng với những triết lý thâm sâu hoặc những giải thích tế nhị về tâm lý. Tất cả những huyền thoại hoang đường và chuyện ngụ ngôn bình dân phải được hiểu như là những biểu tượng có hàm xúc một ý nghĩa hợp lý và chứa đựng một chân lý thâm sâu. Để duy trì cho giáo lý ấy luôn luôn tồn tại trong dân gian, giai cấp tăng lữ trong trong các đền thờ không những chỉ dùng nghi thức lễ bái thờ phượng, mà thỉnh thoảng còn tổ chức những buổi trình diễn kịch nghệ công cộng có tính cách tượng trưng dể trình bày cho dân chúng biết lịch sử của Osiris.

Những nghi thức lễ bái và trình diễn công cộng là để dành cho quần chúng vì nó thích hợp với phần đông, nhưng có còn một phần giáo lý thâm sâu hơn và pháp môn huyền bí thì để truyền thụ cho những người trí thức. Những người Ai Cập có học thức, có văn hóa và những người có giai cấp quý tộc cũng biết rõ điều ấy, nếu họ cảm thấy có khuynh hướng về con đường này thì họ tìm cách để xin được nhập môn.

Các ngôi đền gồm có những gian phòng kiến trúc đặc biệt và cô lập một nơi dành cho những cuộc lễ điểm đạo, mà chỉ có những vị tăng lữ ưu tú và chọn lọc mới có quyền hành lễ, những người này được gọi là Đạo Trưởng hay Thượng Tọa. Những cuộc lễ Điểm đạo này được cử hành trong vòng bí mật và ngoài phạm vi những nghi lễ hằng ngày để chiêm bái các vị thần. Người Ai Cập gọi những cuộc lễ đặc biệt này là những lễ Điểm Đạo Huyền Môn.

Những vị đạo đồ (đệ tử Huyền Môn đã được điểm đạo, Initié) đã từng nói đến tính cách khác thường của những cuộc điểm đạo, không giống như những nghi lễ thông thường. Thí dụ, một vi đạo đồ đã tuyên bố rằng" nhờ những lễ điểm đạo mà người ta biết rằng sự chết không phải là một điều dở mà là một điều hay cho người thế gian". Chính vì vị đạo đồ ấy đã trở nên một xác chết và đã thu hoạch được những điều lợi ích rất lớn sau cái kinh nghiệm đó. Những bài văn viết bằng chữ ám tự nói về người ấy như là" được hồi sinh", và y có thể thêm vào tên họ của y dòng chữ này: "Người đã tái sinh hai lần". Trên vài ngôi mộ cổ, các nhà khảo cổ đã phát hiện ra câu này, nó diễn tả trình độ tâm linh của người chết.

Những vị môn đồ chọn lọc đã học được những điều bí mật gì trong những cuộc điểm đạo ấy... Điều nay tùy nơi trình độ mà họ đã vượt qua, nhưng đại khái người ta có thể đúc kết những kinh nghiệm của họ thành hai loại kết quả chính, tiêu biểu những gì họ đã được tiết lộ cho biết.

Ở những trình độ sơ khai, các thí sinh được hiểu biết về Tiểu Ngã, tức linh hồn con người mà khoa ám tự hình dung bằng một "Người chim" nhỏ, do đó họ đã giải đáp được điều bí mật về sự chết. Họ biết rằng người ta chỉ thoát ra một trạng thái sinh hoạt này để bước vào một trạng thái sinh hoạt khác, và sự chết chỉ là của thể xác hình hài chứ không tiêu diệt được linh hồn, tức Chân Ngã. Họ cũng biết rằng không những

linh hồn còn tồn tại sau khi cái thể xác đã mất còn tiến hóa lên những cõi giới thanh cao hơn.

Ở những trình độ điểm đạo cao hơn, người thí sinh được biết về Đại Ngã, họ được giao cảm trực tiếp với đấng tạo hóa, nà tiếp ngay với đấng thiêng liêng. Họ nhận được sự giải thích đúng đắn về sự đọa lạc của con người, ngày nay đã xuống quá thấp từ cái trạng thái tâm linh nguyên thủy. Ho đượcï cho biết về huyền sử của châu Atlantide, có liên hệ chặt chẽ với sự suy vong của nó. Kế đó được đưa lần lần lên những cõi thanh cao huyền diệu hơn, cho đến khi họ đạt tới cái ý thức tâm linh cao cả mà con người đã từng có từ thời kỳ nguyên thủy. Như thế trong khi họ tiếp tục con đường hành hương trong thời gian họ thu thập được những kho tàng tân linh quý báu của cõi vô cùng.

Khi tôi thực lại những cảm tưởng du hành của tôi đến điểm này, có lẽ tôi không ra ngoài đề nếu tôi ghi chép nơi đây vài lời diễn tả những sinh hoạt khác trong các đạo viện Huyền Môn thời cổ, do lời tường thuật của một người đã từng sống vào một thời kỳ cổ điển và đã từng họ điểm đạo, ít nhất là ở vào những cấp bậc đầu tiên. Vì y có lời thề nguyền là sẽ không tiết lộ từng chi tiết rõ ràng những gì y đã kinh nghiệm trong cuộc điểm đạo, y chỉ có đưa ra những lời giải thích đại cương và những sự ngụ ý mơ hồ. Tuy thế, lời tường thuật này cũng là một văn kiện đầy đủ nhất mà chúng ta được biết của một vị đạo đồ để lại. Vị ấy là Apuleé, được điểm đạo ở cấp bậc đầu tiên của phái Huyền Môn Isis. Tác giả một cuốn sách tự thuật nhan đề Lucius. Trong quyển sách này, tác giả tự thuật lại cuộc đời của mình khi ông ta gõ cửa đền với tấm lòng nhiệt thành cầu Đạo.

Từ lâu đời, khoa Huyền Môn Ai Cập vẫn được giử kín và được khép chặt đối với người ngoại quốc. Chỉ trong một thời kỳ về sau này mới có một số ít những người đó được thu nhận và được điểm đạo. Họ luôn luôn tôn trọng lời cam kết giữ gìn bí mật. Những luật lệ nhập môn đều rất chặt chẽ và nghiêm khắc.

Trong danh sách ấy, Apulée viết:

"Với mỗi ngày trôi qua, sự ước muốn được điểm đạo của tôi càng gia tăng. Tôi tim đến nhiều vị Đạo Trưởng và khẩn cầu người ít nhất hãy bằng lòng điểm đạo cho tôi. Nhưng vị Đạo Trưởng, có tiếng là người rất cương nghị và áp dụng rất chặt chẽ những luật lệ nghiêm khắc của Đạo, bác bỏ lời thỉnh cầu của tôi với những lời lẽ êm ái dịu dàng, cũng như bậc cha mẹ gạt bỏ những ước vọng điên rồ của con cái hãy còn quá non dại. Người trấn an tâm hồn tôi bằng cách đưa cho tôi bằng điều hy vọng là hãy sở cậy nơi một niềm hạnh phúc lớn lao hơn. Ngươi nói rằng ngày giờ điểm được chỉ định cho mỗi người do mật lệnh của vị Nữ Thần, và ngươi Đạo Trưởng đứng ra làm chủ lễ trong dịp ấy cũng phải do Thiên Ý chọn lựa.

" Vị Đạo Trưởng bảo tôi hãy chờ mật lệnh ấy cũng như mọi người với một tấm lòng kiên nhẫn sùng kính, và khuyên tôi nên gạt bỏ lòng nhiệt thành quá đáng cùng mọi người băn khoăn bồn chồn. Trong khi tôi cố tránh hai điều ấy, tôi cũng phải luôn luôn túc trực sẵn sàng để đáp ứng kịp thời khi có lệnh gọi, va đừng tỏ ra xôn xao nóng nảy khi tôi không được lưu ý đến.

"Đó là bởi vì cửa vào địa ngục và quyền ban sự sống đều ở trong tay Nữ Thần, và chính cuộc lễ điểm đạo được coi như sự chết tình nguyện của người thí sinh, có khi nguy hiểm đến tính mạng của y. Bởi đó, Nữ Thần thích chọn những người mà cuộc đời đã sắp tàn, và sắp sửa bước vào cõi Tử, đối với những người ấy, những điều huyền bí nhiệm mầu của Nữ Thần có thể được tiết lộ cho họ một cách an toàn. Do định mệnh thiêng liêng, Nữ Thần bảo đảm cho những người ấy một sự phục sinh mới mẻ, người đặt họ vào chỗ khởi điểm của một giai đoạn sinh hoạt mới. Bởi vậy, trường hợp của con cũng thế, con phải đợi đến khi có lệnh gọi của Thiêng Liêng.

"Ân huệ tốt lành của vị Nữ Thần đã không bỏ rơi tôi sau khi ngài đã bắt tôi phải chịu sự dày vò đay nghiến của một sự chờ đợi lâu dài. Nhưng trong ban đêm tăm tối, những mật lệnh rõ ràng của Nữ Thần đã báo cho tôi biết rằng ngày mong ước của tôi đã đến, và ngài chấp nhận những lời khẩn cầu nồng nhiệt của tôi.

"Bằng những lời an ủi khả ái, Nữ Thần đem đến cho tâm hồn tôi một niềm phúc lạc rất lớn, đến nỗi tôi bỏ ngủ thức dậy trước lúc bình minh và hối hả đi đến tịnh thất của vị Đạo Trưởng. Tôi vừa đến nơi thì vị Đạo Trưởng cũng đã vừa bước ra khỏi phòng, tôi bèn nghiêng mình kính cẩn chào Người. Tôi nhất định yêu cầu Người làm lễ điểm đạo cho tôi với một giọng khẩn thiết hơn trước, như là một điều mà bây giờ tôi có quyền đòi hỏi. Nhưng khi vừa thấy tôi thì người đã lên tiếng trước: "À, hữu phước thay cho con, Lucius, Nữ Thần cao cả đã chiếu cố đến con để ban cho con cái ân huệ thiêng liêng đó! Ngày mà con mong đợi từ lâu, nay đã đến, do lệnh dạy thiêng liêng của Nữ Thần đáng tôn kính, ta sẽ làm lễ điểm đạo cho con được bước vào cửa đạo diệu huyền. "

"Khi đó, vị Đạo trưởng cao niên đạo mạo đặt bàn tay mặt của người trong lòng bàn tay tôi và dắt tôi đến trước cửa Thánh Điện. Sau khi đã long trọng làm lễ khai môn và lễ dâng hương hoa buổi sáng, người mới lấy từ những chỗ bí mật của đền thờ vài quyển sách bút tự viết bằng một thứ chữ lạ kỳ.

"Kế đó, Người bước đến trước Thánh Điện và trong lúc mặt trời còn chưa ló dạng, Người dắt tôi đến quỳ dưới chân Nữ Thần. Sau khi đã tiết lộ cho tôi vài đều bí mật, những điều này quá thiêng liêng để có thể nói ra bằng lời, Người mới dặn tôi, trước mặt tất cả mọi người đến chứng kiến cuộc lễ hôm đó, hãy giữ gìn trai giới trong suốt mười ngày liên tiếp, không ăn thịt loài vật và không uống rượu.

"Tôi tuân theo những lời răn đó một cách chặt chẻ. Sau cùng, đã đến hành lễ điểm đạo, tức ngày tôi hiến dâng cuộc đời tôi cho Nữ Thần. Mặt trời đã ngả về tây, đêm tối đã sắp đến trong khi ấy từ bốn phương xuất hiện rất đông đảo những vị đạo đồ thánh thiện của quá khứ đứng vây chung quanh tôi, mỗi vị đều ban cho tôi những quà tặng theo nghi lễ cổ truyền. Kế đó, sau khi những vị chưa được điểm đạo đã được mời đi ra ngoài, tôi được cho mặt áo mới và vị Đạo trưởng cầm tay tôi để dắt tôi đến giữa thánh điện.

"Qúy vị độc giả hiếu kỳ có lẽ nóng lòng muốn biết những gì đã xảy ra vào lúc đó. Tôi chắc hẳn là muốn tường thuật lại cho quý vị nghe nếu tôi được phép nói, và nếu quý vị cũng được phép nghe. Nhưng lưỡi tôi sẽ tê cứng và tai quý vị cũng sẽ điếc như bị đầu độc nếu tôi vi phạm lời thề để làm thỏa mản sự tò mò của quý vị. Tuy nhiên chắc hẳn quý vị cũng bị thúc đẩy bởi một lòng mong ước thanh cao, nên tôi không để cho quý vị phải đợi chờ lâu hơn nữa. Vậy quý vị hãy nghe và tin tưởng, vì điều tôi nói đây là sự thật. Tôi đã bước đến gần kề địa hạt của Tử Thần, tôi đã đặt chân lên ngưỡng cửa của Âm Ty, tôi đã vượt qua mọi cảnh giới, và rồi tôi đã trở lại cõi trần. Tôi đã nhìn thấy mặt trời chói rạng huy hoàng, giữa lúc đêm tối. Tôi đã đến gần các đấng Thần Minh ở cõi trên cũng như hạ giới, và tôi đã đến chiêm bái các ngài tận mặt. Qúy vị hãy coi chừng: Tôi đã nói ra những điều mà, mặc dầu đã được nghe, quý vị không bao giờ nên biết. "

Một năm sau, Lucius đã được điểm đạo ở cấp bậc Huyền Môn Osiris, cao hơn cấp bậc Isis. Trong số ít những người ngoại quốc khác đã được điểm đạo theo khoa Huyền Môn Ai Cập, có Platon, Pythagore, Thales, Lycurgue, Solon, Jamblique, Plutarque và Hérodote.

Trong những tác phẩm của Hérotote, ông đã nhắc đến điều ấy với một sự dè dặt tối đa. Ông đã diễn tả từng chi tiết những buổi trình diễn văn nghệ tượng trưng và những cuộc lễ bái công cộng, nhưng ông từ chối không chịu tiết lộ những điều bí mật bên trong. Ông ấy nói như sau: "Đối với những điều huyền bí đó, mà tôi đã được biết đầy đủ, tôi có lời cam kết phải giữ một sự im lặng hoàn toàn. "

Sử gia Plutarque đã viết rằng:

"Khi ta nghe nói đến huyền thoại của người Ai Cập về các đấng Thần Minh, những chuyến du hành, sự phân thây, và những chuyện huyền hoặc hoang đường khác nữa, ta chớ nên tưởng rằng tất cả những chuyện ấy đều có thật. Mỗi dân tộc đều có những biểu tượng, khi thì mờ ám, khi thì dễ hiểu, để trình bày những điều chân lý bất hủ. Chính bằng cách đó mà ta nên đọc hoặc nghe những chuyện đó với lòng sùng kính và với một tinh thần triết lý. "

Plutarque nói về mục đích điểm đạo ở cấp đẳng Huyền Môn Isis như sau:

"Bằng phương tiện điểm đạo, người thí sinh có thể được chuẩn bị đến mức tối đa để đạt tới sự thông cảm với đấng Tối Cao. Bởi lẽ đó, đền thờ đấng Thiêng Liêng được gọi là Iseion, ám chỉ sự hiểu biết đấng Vô Cùng, bất sinh bất diệt, sự hiểu biết đó có thể đạt được bằng cách điểm đạo nếu người thí sinh đã được chuẩn bị sẵn sàng. "

Đó là quan điểm của triết gia Hy lạp Plutarque. Ta hãy nghe nhà hiền triết xứ Syrie tên là Jamblique nói về khoa Huyền Môn Ai Cập mà ông là một vị đạo đồ, như sau:

"Cái tinh hoa và toàn vẹn của mọi đều thiện đều có sẵn nơi các đấng Thần Minh, cái quyền lực đầu tiên và cổ xưa của các ngài cũng là đều sở hữu của các vị tăng lữ ở các đền thờ. Một sự hiểu biết các đấng Thần Minh sẽ phản ảnh lại nơi con người chúng ta, và giúp cho ta tự biết mình. Cái phần Thiêng Liêng nhất của con người, trước tiên được hợp nhất với Thần Minh, về sau lại bị chướng ngại bởi một sự trói buộc của mọi điều dục vọng trần gian và sự kiềm tỏa của định mệnh. Bởi vậy, cần phải xét xem bằng cách nào con người có thể được giải tỏa khỏi những trái buộc ấy. Chỉ có sự hiểu biết về Thượng Đế mới phá tan những sợi dây kiềm tỏa đó. Đó là mục đích của Huyền Môn Ai Cập, làm cho con người nâng cao linh hồn mình để hòa hợp với Thượng Đế".

Một vị đạo đồ khác là Proclus nói rằng:

"Trong một cuộc điểm đạo ở mọi cấp đẳng Huyền Môn, các dấng Thần Minh cho thấy nhiều khía cạnh của các ngài. Đôi khi người thí sinh thấy xuất hiện trước mặt y một vầng sáng không hình thể nhất định toát ra từ các ngài, xem dường thể một vầng hào quang. Có khi vầng hào quang đó khoác lấy hình người, có khi khoác lấy một hình thể khác. Một vài hình thể đó không phải là Thần Minh, và làm cho ta sợ hãi. "

Triết gia Platoncũng đả từng được điểm đạo, nói rằng:

"Do hậu quả của lễ điểm đạo thiêng liêng, chúng ta chiêm ngưỡng những linh ảnh giản dị xuất hiện trong một vầng sáng tinh anh, và nhờ được thanh lọc để trở nên tinh khiết, chúng ta được giải thoát được cái xác thân trọng trược, mà từ trước chúng ta vẫn bị dính liền với nó như con sò dính trong cái vỏ. " Như vậy ông muốn nói rằng mục đích tối hậu của sự điểm đạo Huyền Môn là đưa con ngươi trở về với những nguyên tắc tâm linh mà nhân loại đã mất đi từ lúc nguyên thủy.

Một vị đạo đồ khác nữa là Moise, người Do Thái lai Ai Cập. Sách Tân Ước nói rằng "Moise đã từng giáo dục trong tất cả nền minh triết của Ai Cập. " Ý nghĩa của câu này là nền minh triết thâm sâu nhất của xứ Ai Cập đã được tiết lộ cho Moise, điều đó không khác gì hơn là sự hiểu biết mà Moise được truyền dạy bởi giáo lý Huyền Môn Ai Cập.

Sách Tân Ước còn nói rằng: "Moise phủ kín mặt bằng một tấm màng che". Tính chất tấm màng che như thế nào, thì đoạn sau này trong sách ấy đã cho ta thấy ý nghĩa của nó:

"Cho đến ngày nay, tấm màng che ấy vẫn phủ kín lên việc đọc sách Cựu Ước" (2è épitre aux Corinthiens). Như vậy, đó không phải là tấm che bằng vải, mà là một tấm màng che kín ý nghĩa của những chữ trong sách, che lấp sự hiểu biết. Bởi đó, tấm màng che mặt của Moise thật ra lời thệ nguyện giữ im lặng và giữ bí mật mà ngài đã cam kết trong cuộc lễ điểm đạo.

Moise đã thu thập được sự minh triết của ngài tại đạo viện thuộc ngôi đền tại thành phố On, mà người Hy Lạp gọi là Héliopolis khi họ chinh pphục xứ Ai Cập, một thành phố đã biệt tích ở cách vài dặm phía Bắc Cairo. Héliopolis và Memphis, một thành phố khác nữa cũng đã biệt tích ngày xưangười ta có thể nhìn thấy từ trên đỉnh Kim Tử Tháp, đều coi Kim Tử Tháp lớn như một nơi thánh điện tối cao để hành lễ điểm

đạo Huyền Môn. Thành Héliopolis và ngôi đền lớn của nó ngày nay không còn nữa, những bức tường gạch kiên cố bao bọc chung quanh thành phố và những cột trụ đền đến ngày nay đã bị chôn vùi dưới đống các sâu bốn thước. Chỉ còn cây thạch tiễn (obélisque) bằng đá đỏ ở trước cổng thành là còn đứng vững. Moise đã từng nhìn thấy cây thạch tiễn này vì ông đã đi ngang qua đó nhiều lần. Đó là cây thạch tiễn cổ xưa nhất còn đứng vững ở Ai Cập. Trong số những vị học giả mộ đạo thời cổ đã từng bước chân đến cổng đền này để tìm ánh sánh minh triết, có triết gia Platon và sử gia Herodote. Những vị này cũng đã thấy cây thạch tiễn đến ngày nay vẫn còn trơ gan cùng tế nguyệt, đứng tro trọi một mình giữa cảnh đồng ruộng bao la. Dưới chân cây thạch tiễn, những nông phu đang cà sâu cuốc bẩm, và hàng ngày dắt trâu ra đồng. Còn một cây thạch tiễn khác nữa mà vua Thoutmès III dựng lên trước đền thờ Thái Dương ở Héliopolis và ngày nay đang nhô lên cao vút bên bờ sông Tamise ở Luân Đôn. Được biết dưới cái tên là Mũi Kim của Cléopâtre, nó nhắc nhở cho dân chúng thủ đô Anh quốc náo nhiệt phồn hoa ngày nay nhớ lại cả một thế giới đã biệt tích cùng với một nền văn minh lộng lẫy huy hoàng của một thời đại cổ xưa nay không còn nữa.

Cây thạch tiễn có vẽ như một tên quân canh đúng gác cổng đền, còn những hàng chữ ám tự khắc trên bốn mặt của nó thuật lại lịch sử của ngôi đền. Nhưng nó không phải chỉ là một mũi tên khổng lồ bằng đa được dựng lên để khắc chữ trên đó, nó còn là một biểu tượng thiêng liêng, và mũi nhọn của mỗi cây thạch tiễn đều lấy hình dáng một Kim Tử Tháp nhỏ.

Heliopolis ngày xưa là một trung tâm rất lớn về các nghành học thuật cổ điển và đạo lý, nó gồm có đến 13, 000 học viên và có một dân số rất đông đảo. Nó có một thư viện nổi tiếng, thư viện này về sau góp phần xây dựng thư viện Alexanrie, danh tiếng nhất của thời đại cổ.

Lúc thiếu thời, Moise đã tiến bộ rất mau chóng, tỏ ra có một học vấn uyên thâm và một đức hạnh gương mẫu đến nỗi ông vượt qua một cách danh dự tất cả những cấp bậc điểm đạo, và đạt tới cấp đẳng cao tột ít người có, là cấp đẳng chân sư. Từ đó, ông đã có thể trở nên một vị đâo trưởng. Chính tại đạo viện mà ông được thụ huấn trước kia, dính liền với ngôi đền lớn tại Heliopolis, thành phố của mặt trời, mà ông nhận lãnh chức vị đó. Ông đứng làm chủ lễ điểm đạo cho những thí sinh khác theo nghi lễ Huyền Môn Osiris, là lễ nghi thuộc về cấp đẳng cao nhất.

Hồi thời đó, ông có tên là Osarsiph, một tên chữ Ai Cập, vì ông vốn la người Ai Cập lai Do Thái. Đến khúc quanh của đời ông, khi ông nhận sứ mạng mà định mệnh giao phó, ông ghi dấu cơ hội này bằng cách đối lấy một tên người Do Thái. Những người Ai Cập trí thức đều tin rằng tên họ của mỗi người vốn có năng lực thần bí. Vì đó, mà tên Osarsiph đã trở thành Moise.

Vị vua Pharaon trị vì lúc đương thời, vốn là một hôn quân vô đạo và hung ác, ngược đãi người Do Thái một cách bất nhân độc ác đến nỗi làm cho Moise phải động lòng vì chính ông cũng có dòng máu Do Thái trong huyết quản. Sử chép rằng ông đã giải phóng những bộ lạc Do Thái ra khỏi tình trạng nô lệ, giam cầm, ông đã hướng dẫn họ rời khỏi vùng thung lũng Gochen và noi theo lịch sử ngày xưa vẫn nối liền Châu Phi và Châu Á, con đương mà chính hoàng đế Nã Phá Luân đã cỡi ngựa đi qua và suýt chết chìm khi ông gần đến thành Suez.

Người ta có thể tìm thấy vài mẩu chuyện về sau của Moise trong Kinh Thánh, nhưng những chuyện này lại bị pha lẫn một cách đáng tiếc với những truyền thuyết và huyền thoại mơ hồ.

Năm quyển đầu tiên của bộ sách Cựu Ước, được góp nhặt lại dưới nhan đề Pentateuque là do Moise soạn ra. Những quyển sách ấy chứa đựng một nền minh triết thâm sâu mà Moise muốn truyền lại cho dân tộc Do Thái, nhưng về sau lại có lẫn lộn những yếu tố lịch sử liên quan đến sự sáng tạo thế giới và những chủng tộc đầu tiên của nhân loại.

Thật ra thì Moise, với tư cách một chân sư, từng biết rõ và sử dụng lối văn tự huyền bí của các vị đạo đồ nghĩa là dùng chữ ám tự với một ý nghĩa tâm linh ẩn dấu. Ông soạn bộ sách Pentatueque bằng chữ ám

tự Ai Cập mà chỉ có những bậc tăng lữ đã điểm đạo mới có thể hiểu. Nhưng khi người Do Thái tới định cư tại Palestine, trải qua nhiều thế kỷ, sự hiểu biết về khoa ám tự càng ngày càng giảm sút. Lần lần, giới tăng lữ đã không còn đọc được thứ chữ ấy nữa, và có thể đoán mò một cách khó khăn. Điều này không co gì lạ, nếu người ta nhờ rằng chính ở tại Ai Cập, vào thế kỷ thứ tư sau Thiên Chúa giáng sinh, phép diễn đạt khoa khoa ám tư đã hoàn toàn mất hẳn. Độ một nghìn năm sau cuộc di cư của dân Do Thái, khi những bậc cao niên lão thành củ dân tộc ấy góp nhặt một bộ sách mà ngày nay ta gọi là Cựu Ước, thì họ gặp phải một khó khăn rất lớn khi đem dịch những quyển sách của Moise ra chữ Do Thái. Đó là vì Moise đã viết sách ấy bằng thứ chữ riêng của các vị chân sư, còn những bậc trưởng lão Do Thái, dầu có học thức uyên thâm, cũng chưa phải là những vị chân sư đó.

Bởi đó, thường có những chỗ dịch sai nghĩa, những ý nghĩa tượng trưng thì lại bị hiểu lầm như những sự việc có thật, những sự mô tả bằng ám tự được coi mô tả những việc đã xảy ra, những câu ý nghĩa bóng bẫy bị hiểu lệch lạc thành ra những chỗ dịch sai lầm. Một thí dụ là "Sá ngày tạo thiên lập địa" đối với Moise có nghĩa làsáu chu kỳ thời gian dài đăng đẳng, được gọi là một cách tượng trưng là sáu ngày vì những lý do mà chỉ các vị đạo đồ biết được mà thôi. Nhưng câu ấy được dịch lại sát nghĩa từng chữ, vì các nhà phiên dịch tưởng rằng đó là sáu ngày hai mươi bốn giờ!

Hậu quả là những quyển đầu tiên của bộ Kinh Thánh chứa đựng nhiều sự việc dị kỳ đối với thế hệ hiện tại vì khoa học tiến bộ càng ngày càng kiểm thảo chặt chẽ những bản dịch cổ tự đó từng điểm một.

Nhưng bộ sách Kinh Thánh sẽ trở nên vô cùng phong phú khi người ta đọc nó với sự hiểu biết những chìa khóa bí mật được truyền dạy cho những vị đạo đồ trong các đền cổ bên Ai Cập.

Như vậy, Moise phải được coi như một trong những nhân vật đáng kể nhất đã ngộ đạo trong cơn xuất thần huyền bí của những cuộc điểm đạo Huyền Môn.

Chương 8: Khoa Huyền Môn Thời Cổ

Những vị đạo đồ trong khoa Huyền Môn thời cổ phải long trọng thề nguyền không bao giờ tiết lộ những gì xảy ra bên trong thánh điện thâm nghiêm huyền bí. Ta nên nhớ raằng dù sao lễ điểm đạo chỉ được cử hành mỗi năm cho một số ít môn đồ. Sự hiểu biết giáo lý mật truyền không bao giờ được ban bố cho nhiều người cùng một lúc. Bởi lẽ đó không một nhà văn thời cổ nào đã đưa ra một tường trình đầy đủ và mạch lạc về những gì được gọi là giáo lý Huyền Môn, vì các vị môn đồ giữ đúng lời cam kết một cách chặt chẽ. Tuy thế, người ta đã khám phá ra vài lời ngụ ý ngắn ngủi, những lời bình luận của những tác giả cổ điển, những câu bóng bẩy và những chữ khắc trên đá, có thể hé mở cho ta thấy vài điều về những sinh hoạt huyền bí của thời cổ xưa. Khao Huyền Môn thời cổ nêu ra một mục đích cao cả, hay nói đúng hơn là nêu ra một phối hợp các mục đích tôn giáo, luận lý và triết lý.

Mỗi người đều được phép gõ cửa các đền thờ làm lễ điểm đạo, nhưng y được nhận hay không lại là việc khác. Người ta vẫn nhớ đến những lời của Pythagore khi ông từ chối không nhận những thí sinh không đủ tư cách xin nhập môn vào đạo viện Krotona: "Mọi thứ gỗ không phải đều dùng được cho công trình của thần Mercure. "

Cấp bậc điểm đạo đầu tiên, với mục đích chứng minh sự tồn tại của linh hồn, đem cho người thí sinh một kinh nghiệm rùng rợn khủng khiếp trước khi y được thoát lên một cõi giới thanh cao huyền diệu hơn.

Trong vài cuộc điểm đạo sơ cấp, chứ không phải cho tất cả, có khi người ta dùng những phương tiện máy móc để làm cho người thí sinh tưởng rằng y rơi xuống một vực thẳm nguy hiểm hoặc bị nhận chìm giữa dòng nước xoáy, hoặc bị thú dữ phân thay, để thử thách lòng can đảm của y. Nhưng có điều đáng sợ hơn nữa là tyrong một cấp đẳng cao hơn, y thấy xuất hiện những vật hình thù ghê rợn khủng khiếp, những loài yêu ma quỷ quái cõi âm ty, trong một lúc mà năng khiếu thần nhãn được tạm thời phục hồi cho y.

"Linh hồn bị dày vò, loạn động trong lúc chết, cũng như trong cuộc điểm đạo Huyền Môn, giai đoạn đầu chỉ gồm có mhững lầm lạc và bối rối, những cố gắn phất phơ vô định và tối tăm u ám. Kế đó, đến ngưỡng cửa sự chết và lễ điểm đạo, tất cả đều là kinh sợ, khủng khiếp, rùng rợn. Nhưng, một khi giai đoạn đó đã vượt qua, thì đây là tràn đầy một ánh sáng thiêng liêng, huyền diệu... Người đạo đồ đã chịu phép mầu từ nay sẽ trở nên toàn thiện, giải thoát và đắc thắng, y đã bước và cõi giới thần tiên bất tử. "

Đoạn trên đây do Stobée trích lục trong một áng văn cổ xưa, nó xác nhận kinh nghiệm của tất cả các vị đạo đồ khác. Những bản văn viết tay trên lá chỉ thảo (Papyrus) thời cổ mô tả người thí sinh được đưa đến giai đoạn đó do sự hướng dẫn của thần Anubis đưa y, chuỉ tể khoa Huyền Môn, chính Anubis đưa y vượt qua cõi vô hình để cho y nhìn thấy những loài yêu quái hình thù ghê rợn.

Những chân lý được truyền dạy trong các đạo viện Huyền Môn là do sự tiết lộ thiên cơ mà các đấng Thánh nhân dành cho nhân loại từ hồi phát sinh những nền văn minh cổ xưa nhất, và nay giáo lý Huyền Môn cần được giữ gìn nguyên vẹn để duy tri sự tinh khiết của nó. Như thế, người ta hiểu tại sao khoa Huyền Môn được ẩn dấu cẩn mật và giữ gìn chặt chẽ ngoài tầm tay của kẻ thế nhân phàm tục.

Ta không nên lầm lộn giấc ngủ thông thường với trạng thái xuất thần của người thí sinh trong lễ điểm đạo. Đó là một cơn đồng thiếp, một trạng thái hôn mê, xuất hồn, trong khi đó y vẫn tỉnh táo ở một cõi giới khác.

Người ta lại càng lầm lạc hơn nữa nếu họ lẫn lộn một kinh nghiệm siêu linh như thế với giấc ngủ thôi

miên. Trong trường hợp sau này, nhà thôi miên đặt người chủ thể của y vào trong một trạng thái lạ lùng mà y không biết được rõ ràng, còn vị Đạo Trưởng Huyền Môn có một tầm hiểu biết truyền thống về các hiện tượng huyền bí, do đó người có thể sử dụng quyền năng của mình một cách hoàn toàn ý thức và làm chủ được tình hình. Nhà thôi miên đưa tâm trí và ý thức của người chủ thể lên một mức độ nào đó mà chính y không tham dự vào sự thay đổi này, trái lại vị Đạo Trưởng Huyền Môn trông nom và kiểm soát mọi sự thay đổi ý thức về loại đó, bởi vì Người có khả năng nhìn thấy sự biến đổi đó. Sau rốt, nhà thôi miên chỉ có thể làm cho người chủ thể soi sáng một vài vấn đề liên hệ đến cõi giới phàm trần và sự sống vật chất phàm tục hoặc thực hiện những việc bất thương bằng các thể xác vật chất. Vị Đạo Trưởng có khả năng hành động một cách thâm sâu hơn, người ta có thể đưa tuần tự linh hồn người thí sinh trải qua một kinh nghiệm thuộc về cõi giới tâm linh. Điều này, không một nhà thôi miên nào có thể là được.

Tôi đã quan sát tất cả mọi hiện tượng thôi miên được thực hiện ở các xứ Đông Phương và Tây Phương. Tuy rằng vài loại hiện tượng đó hiển nhiên là rất lạ lùng, nhưng những hiện tượng siêu linh. Những hiện tượng đó có một ý nghĩa về khoa học, nhưng không có giá trị tâm linh sâu sắc hơn. Lẽ tất nhiên các hiện tượng đó kéo chúng ta thoát ra khỏi sự u ám nặng nề của duy vật chủ nghĩa, vì nó chứng tỏ rằng trong con người có những sức mạnh bí ẩn của tiềm thức, nhưng chúng không thể đưa chúng ta lên cao để khám phá một cách có ý thức sự hiện hữu của linh hồn vốn là một thực thể sống động, bất tử và độc lập.

Nhờ kinh nghiệm của tôi trong Kim Tử Tháp và ý nghĩa rõ ràng của những hình chạm trổ trên vách các đền thờ, tôi có thể hình dung được cuộc lễ điểm đạo Huyền Môn Osiris, là nghi lễ thâm diệu và huyền bí nhất. Cuộc hành lễ này không gì khác hơn là một sự phối hợp giữa những mãnh lực thôi miên, phù phép và tâm linh nhằm giải thoát tâm hồn người thí sinh khỏi sự trói buộc của cái thể xác nặng nề trong vài giờ, có khi trong vài ngày, để cho y có thể nhớ, trong suốt cuộc đời còn lại của y, cái kỷ niệm của một kinh nghiệm độc đáo ghi dấu một ngày quyết định trong đời y, và để cho y xử thế một cách thích đáng. Sự tồn tại của linh hồn sau khi chết, mà phần đông nhìn nhận như một tín ngưỡng tôn giáo, người đạo đồ từ nay có thể đem giảng dạy với một đức tin đã được tăng cường bởi bằng chứng cụ thể do kinh nghiệm bản thân.

Điều mà người đạo đồ kinh nghiệm được, chỉ có những người nào bước vào con đường ấy mới có thể nhận thức được tầm quan trọng của nó. Thậm chì ở thời kỳ hiện đại, có vài người vô tình đã trải qua một phần của kinh nghiệm đó một cách bất ngờ. Tôi biết một trường hợp của một viện sĩ quan không quân Anh, được chụp thuốc mê để chịu một cuộc giải phẫ trong thời chiến. Kết quả thật lạ lùng: Mọi cảm giác đau đớn của xác thân đã biến mất nhưng bệnh nhân không ngủ mê. Y cảm thấy nhẹ bổng như được nâng lên trên không ở phía bàn mổ và y nhìn xem cuộc giải phẩu thể xác y một cách điềm nhiên dường như nhìn cái xác của người khác. Kể từ khi đó, tâm tính y thay đổi một cách lạ thường. Trước đó y vẫn có óc duy vật, nhưng nay y tuyên bố tin tưởng ở sự hiện hữu của linh hồn, cuộc đời y đã có một niềm hy vọng và chuyển hướng về một con đường khác hẳn

Còn những vị Đạo Trưởng Huyền Môn đó là ai, mà có quyền năng gây nơi con người một sự biến đổi huyền diệu như thế...

Những vị trưởng thượng đáng kính giữ gìn kho tàng minh triết thâm sâu đó, lẽ tất nhiên là chỉ có rất ít. Có một thời gian, tất cả những vị tăng lữ và vài vị tư tế cao cấp ở các đền thờ cổ Ai Cập đều là những Sư Trưởng hay Đạo Trưởng. Sự hiểu biết của họ được giữ gìn hoàn toàn bí mật, do đó mà những thời kỳ cổ điển, chính cái tên Ai Cập cũng được hiểu đồng nghĩa với chữ huyền bí.

Trong những gian phòng Ai Cập của bảo tàng viện Louvre, ngôi mộ của Ptah Mer, đại tư tế thành Memphis, mang tấm bia đá có khắc dòng chữ sau đây: "Ngài thấu triệt mọi điều huyền bí của mỗi đền thờ, không có gì là ẩn dấu đối với Ngài. Ngài bao trùm tất cả những gì Ngài đã thấy bằng một tấm màn bí mật. "

Tại sao những vị Đạo Trưởng lại có một sự dè dặt vô cùng chặt chẽ như thế... Đó là vì những lý do mà chỉ có các ngài mới có thể biết được. Dù sao các ngài hẳn là thấy cần phải loại những kẻ hoài nghi và bỡn cợt ra ngoài những kinh nghiệm thần bí dẫy đầy nguy hiểm cho tính mạng của người thí sinh. Người ta không ném những viên ngọc cho loài muôn lợn. Ngoài ra, rất có thể là có nhiều người, vì không đủ chuẩn bị sẵn sàng cho một kinh nghiệm như thế, sẽ bị điên khùng hoặc bị thiệt mạng sau cuộc thử thách. Bởi đó, lễ điểm đạo luôn luôn chỉ là cái đặc ân dành cho một số ít người xứng đáng. Nhiều người đã gõ cửa các đền Huyền Môn nhưng vô ích. Những người khác, bị đặt dưới hàng loạt thử thách sơ đẳng mỗi lúc càn g khó khăn hơn, không có đủ sự can đảm cần thiết để tiến xa hơn nữa, hoặc cảm thấy lòng ước muốn điểm đạo nguội bớt dần. Như vậy bằng cách đưa ra những cuộc thử thách chọn lọc nghiêm khắc, người ta làm cho những đạo viện Huyền Môn thời cổ trở thành những cơ quan độc đáo. Những điều bí ẩn dấu đằng sau những cánh cửa khóa chặt của Thánh Điện thâm nghiêm, không bao giờ được truyền dạy cho những vị đạo đồ, trừ phi với sự long trọng thề nguyền rằng họ sẽ không bao giờ tiết lộ ra ngoài. Vị môn đồ được điểm đạo bước ra khỏi đền kể như suốt đời y sẽ thuộc về một hội kín, trung thành với những mục đích cao cả và với một tầm kiến thức sâu xa thâm trầm, từ nay y sẽ lẫn lộn trong quần chúng để làm việc giúp đời. Diodore de Sicile, sau khi thăm viếng xứ Ai Cập trở về, có viết rằng: "Người ta nói rằng những người tham dự những cuộc điểm đạo Huyền Môn trở nên đạo đức hơn, và tốt lành hơn về tất cả mọi phương diện. "

Thật ra những đạo viện Huyền Môn không phải chỉ thịnh hành ở Ai Cập. Những nền văn minh cổ đều có tìm thấy khoa Huyền Môn trong cái di sản cho họ từ một thời quá khứ xa xăm, do sự tiết lộ của các đấng Thần Minh dành cho nhân loại từ thời buổi sơ khai. Hầu hết các dân tộc, trước Thiên Chúa kỷ nguyên, đều có những truyền thống và tổ chức Huyền Môn của họ, như dân tộc La Mã, Celtes, Hy Lạp, đảo Crète, Syrie, Ấn Độ, Ba Tư, Mayas, thổ dân da đỏ bên Mỹ Châu, và những dân tộc khác nữa cũng có những đền thờ và nghi lễ dành cho những hoạt động tâm linh đưa đến trình độ điểm đạo. Aristote không do dự mà tuyên bố rằng sự thịng vượng của xứ Hy Lạp sở dĩ có là nhờ đạo viện Huyền Môn Eleusis. Socrete cũng nói rằng: "Những môn đồ phái Huyền Môn tự tạo cho mình những triển vọng rất tốt đẹp vào giờ chết. " Trong số người xưa đã nhìn nhận hoặc ngụ ý rằng họ đã từng đưo85c điểm đạo Huyền Môn, có nhà hùng biện Aristide, Ménippe de Babylone, kịch gia Sophocle, thi hào Eschyle, luật gia Solon, Cicéron, Héraclite d'Ephèse, Pindare và Pythagore.

Ngày nay tại Nhật Bổn, trong những cấp đẳng tối cao của kỷ luật Nhu đạo, mà chỉ có một số rất ít môn đệ được thu nhận bởi vì những cấp đẳng ấy gồm có một phần bí giáo không thích hợp với phần đông, người thí sinh phải theo một khóa huấn luyện tâm linh huyền bí. Y phải trải qua một cuộc lễ điểm đạo theo đó y phải bị thầy y siết cổ trong giây phút, sau đó y được đặt nằm bất tỉnh trên giường, và xét về bề ngoài thì dường như y đã chết. Trong trạng thái đó, linh hồn y đã rời khỏi xác thân và học hỏi một vài kinh nghiệm trong cõi vô hình. Đến khi dứt kỳ hạn, thần y mới phục sinh cho y bằng một phương pháp bí mật gọi là Kwappo, một danh từ Nhật bản khó dịch. Người môn đệ đã trải qua giai đoạn huyền diệu đó mới trở nên một đạo đồ.

Khoa Tam Điểm (Franc - Maconnerie) ngày nay vẫn còn giữ gìn một dấu vết của khoa Huyền Môn thời cổ, mà nguồn là ở Ai Cập. Người hội viên Tam Điểm nêu ra trường hợp của Pythagore như một thí dụ điểm đạo của thời xưa. Phải chăng ho nhớ rằng Pythagore đã từng được điểm đạo bên Ai Cập... Những người đặt ra các cấp bậc của khoa Tam Điểm đã áp dụng vài biểu tượng đầy ý nghĩa của khoa Huyền Môn Ai Cập.

Về sau, sự sa đọa vật chất của con đã làm cho các vị Đạo Trưởng chân chính của thời xưa lần lần biệt tích hoặc rút ra ngoài vòng thế tục, thay chân các ngài là những kẻ phàm phu mê muội, làm hoen ố và hạ thấp khoa Huyền Môn cao cả. Những kẻ bất chính, có tham vọng đạt được những phép thần thông của khoa bàng môn tả đạo, sau cùng đã chiếm ưu thế để dành quyền kiểm soát các đạo viện Huyền Môn ở Ai Cập và những nơi khác. Những gì từ lúc nguyên thủy vốn là thiêng liêng, chỉ dành cho những người chọn lọc nhằm mục đích duy trì ngọn lửa thiêng tinh khiết của sự sống tâm linh cho được trường cửu trong nhân

loại, đã lọt vào tay những kẻ tà tâm, buôn thần bán thánh. Đó là những sự kiện lịch sử, làm cho cái kho tàng tâm linh quý báu của nhân loại thời cổ xưa đã trở nên suy tàn.

Nhưng nếu khoa Huyền Môn của những vị Đạo Trưởng thời xưa đã mất theo các ngài, thì cái nền minh triết của các ngài đã từng ban cho những người thế gian từ thuở sinh tiền vẫn còn được chứng minh bởi danh sách bất tử của những vị đạo đồ đã từng dấn thân trên đường tầm Đạo.

Những kinh sách bút tự viết trên lá chỉ thảo và những hàng chữ khắc trên vách đá của các đền thờ cổ đã chứng minh rằng người cổ Ai Cập tôn sùng lễ điểm đạo Huyền Môn Osiris một cách nồng nhiệt như thế nào, và chứng tỏ cái uy tín đối với quần chúng của những người đã từng được phép bước vào cái thánh điện uy nghiêm hoặc các hang động ẩn dấu để được làm phép điểm đạo thiêng liêng. Có một cấp bậc điểm đạo tối cao siêu đẳng mà linh hồn con người, khi đã đạt tới trình độ đó, không những chỉ được tạm thời giải thoát khỏi cái thể xác vật chất để chứng minh sự tồn tại của linh hồn, mà còn được đưa lên những cõi giới thanh cao nhất, đến tận cõi ngự tri của Thượng Đế. Kinh nghiệm huyền diệu đó giúp cho cái tinh thần hữu hạn của con người được tiếp xúc với tinh thần vô biên của đấng Tạo Hóa vô cùng. Trong một thời gian ngắn, y được cảm thông trong im lặng và một cách thần diệu với đấng Sáng Tạo ra muôn loài; sự tiếp xúc ngắn ngủi, cái giây phúc cảm thông huyền diệu đó cũng đủ làm cho y thay đổi thái độ đối với cuộc đời. Y đã chia sẽ một phần cái ân huệ thiêng liêng nhất mà con người có thể nhận được. Y đã khám phá cái ánh sáng huyền diệu thiêng liêng, nó là cái tinh hoa rốt ráo vi diệu của bản thể, mà cái thể vía tồn tại sau khi chết chỉ là cái kớp vỏ vô hình vô ảnh bên ngoài. Y đã thực sự hồi sinh trở lại, theo ý nghĩa cao cả nhất của danh từ này. Người nào được sự điểm đạo tối cao đó sẽ trở nên một vị đắc đạo hoàn toàn. Những ám văn bằng chữ ám tự đề cập đến vị ấy như một người có thể ân huệ của Thần Minh trong khi còn sống, và sau khi chết sẽ vĩnh viễn nhập cõi Thiêng đàng.

Trạng thái xuất thần kèm theo với cuộc điểm đạo đó, tuy bề ngoài giống như những cơn đồng thiếp bằng phép thôi miên trong những cuộc điểm đạo sơ cấp, nhưng nếu xét về bề trong thì hoàn toàn khác hẳn. Không một quyền năng thôi miên nào có thể gây nên trạng thái đó, không một phù phép nào có thể gợi ra được nó. Chỉ có những bậc Đạo Trưởng tối cao, đã hổn hợp ý chí tâm linh với các đấng Thần Minh, mới có cái thần lực siêu đẳng phi phàm để làm cho người thí sinh ý thức được bản chất thiêng liêng của mình. Đó là sự tiết lộ cao quý nhất và huyền diwệu nhất dành cho những vị đạo đồ của thời cổ Ai Cập. Đó cũng là sự tiết lộ bí mật mà người thời nay có thể ước vọng có được bằng những phương pháp khác.

Bài học kinh nghiệm của sự điểm đạo là một bài học thu ngắn của sự kinh nghiệm tâm linh được dành cho số phận của mỗi người trong sự tiến hóa tuần tự của nhân loại. Chỉ có một sự khác biệt là cuộc điểm đạo, ví như một sự vun trồng gượng ép, được thực hiện một caq1ch giã tạo bằng cách xuất thần, còn kinh nghiệm kia sẽ đến một cách tự nhiên do sự phát triển tâm linh và khai mở những quyền năng quyền bí.

Như vậy, kinh nghiệm đó tái lập trong linh hồn người sự diễn biến toàn thể cuộc tiến hóa của nhân loại, nó là cái số phận đương nhiên của tất cả mọi người.

Nó căn cứ trên nguyên tắc này: Cái thể chất phàm tục của con người có thể tạm thời bị tê liệt trong một cơn đồng thiếp mê man, và cái thể chất tâm linh của y, thường vẫn tiềm tàng ẩn dấu, có thể được đánh thức bằng những phương pháp huyền diệu mà chỉ có thể những vị Đạo Trưởng đắc pháp thần thông mới biết được mà thôi. Người thí sinh được đặt vào cơn đồng thiếp như thế bề ngoài xem dường như đã chết thật. Theo ngôn ngữ tượng trưng của Huyền Môn, người ta nói y xuống mồ, hay được chôn dưới mồ. Sau khi nguồn sinh lực thể chất của y bị tạm thời gián đoạn, sức mạnh của dục tình và những dục vọng cá nhân của y tạm thời lắng dịu, người thí sinh đã thực sự chết hẳn đối với những sự vật trần gian, trong khi đó tâm thức y, linh hồn y tạm thời tách ra khỏi thể xác. Chỉ có trạng thái đó mới giúp con người tiếp xúc được với cõi giới tâm linh ảnh của các đấng Thần Minh và thiên thần, say xưa niền phúc lạc trong không gian vô tận, thực hiện được chân ngã thầm kín của mình và sau cùng, cảm thông với Thượng Đế.

Một người như thế mới có thể nói một cách thật tình là y đã chết rồi sống lại, y đã được chôn dưới mồ một cách tượng trưng và phục sinh trở lại một cách nhiệm mầu, y đã khám phá ra một ý niệm mới về sự chết và tiếp nhận nơi mình một sức sống thiêng liêng hơn. Y còn mang trong mình dấu vết của vị Đạo Trưởng đã ban phép mầu cho y, và từ đó về sau, một sợi dây vô cùng bền chặt và thâm sâu đã nói liền với hai người. Từ đó, giáo lý về sự bất tử của linh hồn không phải chỉ là một sự tin tưởng suông mà thôi, nó còn là một việc đã được thử thách và hoàn toàn chứng minh cho người đạo đồ. Khi y thức tỉnh trong ánh sáng bình minh, y có thể thật sự nói rằng y đã trở lại thế gian, hoàn toàn biến đổi và được hồi sinh về mặt tâm linh. Y đã vượt qua cõi âm ty và cõi Trời, và biết được những điều bí mật ấy không để lộ ra ngoài, từ nay y sẽ đặt nền tảng cho cuộc đời và phép xử thế của y trên căn bản sự hiện hữu thật sự của hai cõi ấy. Từ nay y sẽ sống giữa cả đồng loại của y với một niền tin chắc chắn tuyệy đối về sự bất tử của linh hồn.

Tuy y vẫn giữ cái bí mật của nguồn gốc của sự tin tưởng chắc chắn đó, y cũng không làm sao chuyển giao, dẫu rằng một cách vô ý thức, cho người chung quanh ít nhiều đức tin của y. Y làm phấn khởi những niềm hy vọng và xác nhận sự tin tưởng của họ qua cái hiện tượng thần giao cách cảm bí mật nó luôn luôn tác động giữa mọi người. Y không còn tin ở sự chết, mà chỉ tin ở sự sống, sự sống trường tồn và luôn luôn ý thức của chân ngã. Y tin tưởng những gì mà vị Đạo Trưởng đã tiết lộ cho y những điều huyền bí: Linh hồn có thật, và đối với y, nó là một tia sáng thiêng liêng, một điểm linh quang của Thượng Đế. Câu chuyện Osiris có ngụ một ý nghĩa cá nhân. Khi con người thấy mình được phục sinh trở lại, y cũng thấy Osiris hiện diện như cái chân ngã bất diệt của mình.

Đó là chân giáo lý của quyển thánh kinh cổ xưa nhất của Ai Cập, quyển Tử Thư (sách của người chết), tuy rằng dưới hình thức mà người ta chỉ biết được hiện nay, quyển sách bằng lá chỉ thảo đó đề cập đến người chết thật lẫn người chết giả, tức là người được điểm đạo, do đó mà người đọc thường hay bị lầm lộn ít nhiều. Từ lúc sơ khởi, trước khi bị sữa chữa, soạn đi soạn lại nhiều lần, quyển sách ấy chỉ nói về giáo lý Huyền Môn; điều này được làm sáng tỏa một phần do đoạn trích lục sau đây: "Đây là quyển sách Huyền Môn vô cùng quý báu. Mắt kẻ phàm tục không được xem sách này; đó là một điều xúc phạm khôn lường. Sách này phãi được cất kỹ. Nó gọi là: Quyển kinh của vị Đạo Trưởng trong ngôi đền bí mật. "

Bởi đó, trong quyển Tử Thư, người chết (đúng ra là người đạo đồ) nhiều lần để tên Osiris đứng trước tên của mình. Trong những bản chính đầu tiên của quyển kinh ấy, người đạo đồ nói: "Tôi là Osiris, tôi đã xuất như Ngài, tôi sống như các đấng Thần Minh. " Câu ấy nói lên một cách hùng hồn sự diễn đạt cái chết của Osiris như là sự chết giả của người đạo đồ trong cơn xuất thần.

Bây giờ chúng ta có thể hiểu cái tầm quan trọng thật sự của những tôn giáo cổ, bằng cách nhận thức rằng những nhân vật chính của những tôn giáo ấy là biểu tượng linh hồn của con người và những cuộc phiêu lưu của những nhân vật ấy diễn tả những kinh nghiệm của linh hồn trên đường phản bổn hườn nguyên để trở về chốn cũ của nó là cõi Thiên Đường cực lạc.

Osiris trở nên hình ảnh của yếu tố thiêng liêng trong con người, câu chuyện Osiris là câu chuyện tượng trưng của yếu tố đó, sự giáng hạ của nó xuống những cõi vật chất và sự trở về của nó để thăng lên cõi ý thức tâm linh.

Huyền thoại của Osiris bi phân thay thành mười bốn hay bốn mươi hai mảnh là tượng trưng sự phân rẽ tâm linh của con người, làm cho sự điều hòa cổ xưa của y nay đã bị gãy đổ. Lý trí của y đã bị tách rời khỏi tình cảm của y, cũng như sự tách rời giữa thể xác với tinh thần, sự lầm lẫn và những dục vọng trái ngược nhau trì kéo y về những đường hướng ngược chiều. Cũng y như thế, câu chuyện Isis thu nhặt, ráp những mảnh thi hài của Osiris và làm cho y sống dậy, tượng trưng cho sự phục hồi, sự tái lập trạng thái điều hòa trong con người đang có sự xung đột bên trong nội tâm, bằng cuộc điểm đạo lúc đương thời và bằng sự tiến hóa trong tương lai. Sự điều ghòa đó được tái lập bởi sự thỏa hiệp giữa tinh thần và thể xác cùng làm việc chung với nhau, và bởi chiều hướng song đôi của lý trí và tình cảm kể từ lúc ấy. Đó là sự phục hư6ng

của trạng thái hợp nhất nguyên thủy.

Giáo điều cao siêu nhất của người cổ Ai Cập, căn bản lý thuyết của những cấp bậc điểm đạo tối cao, dạy rằng linh hồn con người phải trở về với đấng Thiêng Liêng là nguồn gốc sơ khởi của nó, sự trở về đó được gọi là: Trở thành Osiris. Con người dẫu khi còn ở thế gian, được coi như có cái tiềm năng để trở thành một Osiris. Trong quyển Tử Thư, quyển sách bí truyền về lễ điểm đạo, có nói rằng linh hồn người thí sinh, một khi đã giải thoát, có bổn phận che chở cho y trong những chuyến hành trình lâu dài và nguy hiểm ở dưới cõi âm ty, không những bằng cách sử dụng bùa phép, mà còn bằng cách mạnh dạng tuyên bố: "Ta là Osiris. "

Quyển sách ấy cũng nói: "Hỡi linh hồn mù quáng! Hãy nắm lấy ngọn đuốc sáng của Huyền Môn và trong đêm tối của thế gian, người sẽ khám phá ra cái chân ngã bất diệt. Hãy noi theo sự hướng dẫn Thiêng Liêng của nó, nó sẽ là vị Thần hộ mạng của ngươi, vì nó nắm giữ cái chìa khóa sự sinh tồn trong dĩ vãng và tương lai của ngươi. "

Như thế, cuộc điểm đạo là sự đạt tới một viễn ảnh mới của cuộc đời, cái viễn ảnh tâm linh mà nhân loại đã đánh mất trong thời dĩ vãng xa xăm, khi nó rơi từ "Thiên Đàng" xuống cõi vật chất. Khoa Huyền Môn giúp ta thực hiện sự phản bổn hoàn nguyên từ bên trong, và đưa ta đi tuần tự từ bước một đến sự giác ngộ hoàn toàn. Khoa Huyền Môn hé mở cho ta thấy trước hết những cõi giới huyền bí ngoài giới hạn cõi vật chất hồng trần, và sau đó, tiết lộ cho ta điều huyền diệu rốt ráo, và tính chất thiêng liêng của con người. Khoa ấy làm cho người thí sinh phải nhìn thấy những cảnh giới địa ngục âm ty để thử thách tâm trí và lòng kiên quyết của y cũng như y có dịp học hỏi. Kế đó khoa Huyền Môn cho y thấy những cảnh giới Thiên Đàng để khuyến khích và ban ân huệ cho y. Nếu khoa ấy phải dùng đến phương tiện đồng thiếp, điều đó không có nghĩa là không còn có phương pháp nào khác. Đó chỉ là một đườnglối áp dụng, nhưng cõi tâm linh có thể đạt tới bằng cách noi theo những đườnglối khác, và không cần phải áp dụng phương pháp xuất thần.

Một vị đạo đồ La Mã có nói: "Nơi nào có chúng ta, thì sự chết không có, chỗ nào có sự chết thì chúng ta không có. Đó là cái ân huệ tối thượng, và quý báu nhất của thiên nhiên, vì sự chết giải thoát con người khỏi mọi sự ưu phiền. "

Như vậy, thái độ của chúng ta đối với sự chết hàm xúc một ý nghĩa về thái độ của ta đối với sự chết, và bởi đó cũng làm thay đổi quan niệm của ta đối với sự sống. Khoa chứng minh rằng vấn đề sinh tử chẳng qua chỉ là hai mặt phải và trái của một đồng tiền.

Những cuộc sưu tầm, khảo cứu khoa học, tâm lý và tâm linh đang làm thay đổi quan niệm của thế giới Tây Phương về các vấn đề mà từ trước người ta vẫn cho là điều hoang đường vô lý. Những cuộc nghiên cứu này làm tiêu tan những thành kiến bất công của người thời nay đối với những lý thuyết của cổ nhân, và làm phát triển những quan niệm mới trong thời gian gần đây. Chúng ta bắt đầu biết phân biệt cái lý trí lành mạnh ẩn đằng sau cái hình thức vô lý bên ngoài, và nhận thấy rằng sự hiểu biết của cổ nhân về những quyền năng và tính chất của linh hồn vượt khỏi sự hiểu biết của chúng ta rất xa. Sự xuất hiện của những sức mạnh vô hình đã làm lung lay nền tảng của duy vật chủ nghĩa. Những nhà bác học và những triết gia ưu tú thời nay đã đứng về phía chủ nghĩa duy tâm, và nhìn nhận rằng sự sống của nhân loại có một căn bản siêu linh, thần bí. Những gì mà họ cảm nghĩ ngày hôm nay, thì ngày mai đa số quần chúng cũng nghĩ như vậy. Chúng tatừ lúc đầu vẫn là những kẻ hoài nghi hoàn toàn, và có lẽ chúng ta có quyền hoài nghi như vậy, nhưng rốt cuộc, chúng ta sẽ trở nên những kẻ hoàn toàn tin tưởng. Tôi quả uyết chắc chắn như vậy, và tôi tiên đoán điều đó một cách tích cực. Từ cái không khí hoài nghi lạnh lùng của thế giới hiện đại, chúng ta sẽ khoác lấy một đức tin linh hồn. Bức thông điệp đầu tiên của khoa Huyền Môn là "Không có sự chết. " Tuy thông điệp ấy vẫn luôn luôn được nhìn nhận qua kinh nghiệm bản thân một số ít người mà thôi, nó nhằm mục đích lan tràn đến những nơi tận cùng của thế giới.

Ý niệm về sự phục sinh không nhất thiết nó nghĩa là chúng ta sẽ chui lên khỏi mồ vào một ngày giờ nào đó trong tương lai. Tự lầm lộn mình với cái vỏ bằng xác thịt bên ngoài, không phải là một điều trí óc ta chấp nhận được. Danh từ phục sinh vẫn bị thường diễn đạt sai lầm theo ý nghĩa vật chất, ở Âu Châu thời Trung Cổ và cả trong giới những người Ai Cập chưa nhập môn. Điều này làm cho ta phải cố gắng tìm lại những định luật cai quản sự cấu tạo phần thể chất và cơ năng huyền bí của con người. Những phần tử ưu tú của thời đại cổ xưa, những vị đạo đồ của phái Huyền Môn, đã biết rõ những định luật này. Nhưng, tuy rằng miệng họ vẫn khóa chặt và những chân lý ấy vẫn bị chôn vùi trong những hang động tối tăm của các đền thời cổ, ngày nay chúng ta không bị trói buộc bởi một cam kết long trọng nào để phải giữ gìn bí mật.

Đó là tổ chức Huyền Môn, một cơ quan huy hoàng cao cả nhất trong tất cả những tổ chức tinh thần của thời đại cổ ngày xưa nay đã biệt tích. Vì đã có những thời kỳ mà cũng như tất cả những xứ khác của thời xưa, xứ Ai Cập đã bị suy tàn, đúng như lời tiên tri của đấng Giáo chủ Hermes:

"Ôi Ai Cập! Hỡi Ai Cập! Xứ ngày xưa đã từng là nơi thánh địa thiêng liêng, sẽ có lúc mà sự hiện diện của Thần Minh sẽ không còn nữa. Nền tôn giáo cũ của ngươi chỉ còn là những huyền thoại và những chữ khắc trên đá, nó nhắc nhở đến sự tôn sùng của ngươi ngày nay đã mất. Một ngày kia sẽ đến, than ôi! Khi mà những chữ ám tự thiêng liêng sẽ chỉ còn là những thần tượng không hồn. Thế gian sẽ lầm tưởng những hình biểu tượng của minh triết là những vị thần, và sẽ lên án xứ Ai Cập đã thờ phượng những loài ma quái ở cõi Âm Ty! "

Đã có một thời kỳ, sự cai quản các đạo viện Huyền Môn lọt vào tay của những kẻ lưu manh bất hảo, những kẻ ích kỷ hại nhân, đã từng lạm dụng ảnh hưởng của tổ chức Huyền môn, một tổ chức có uy thế đến nỗi các vị vua Pharaon hách dịch ngày xưa cũng phải kiêng nể, để mưu đồ lợi lộc riêng cho mình. Có nhiều người ttrong hàng tăng lữ đã lạm dụng và truyền bá những loại phù phép, châm ngôn kinh dị, những tà thuật hắc ám, những cuộc tế lễ tà thần, chính những vị đại tư tế các đền thờ, được coi như những sứ giả của Thần Minh giữa nhân loại, cũng chỉ còn là những loài quỷ sống mang lốt người, họ thường kêu gọi những loài âm binh ác quỷ ghê gớm nhất dưới cõi âm ty để dùng vào những mục đích bất chính, tà vạy. Trong các đền thờ, khoa pháp môn phù thủy đã thay thế sự sinh hoạt tâm linh. Giữa những cảnh hắc ám, suy vong, hỗn độn như thế, khoa Huyền Môn đã bị mất tính cách chân thực và nguồn cảm ứng thiêng liêng. Những người môn đệ xứng đáng đã trở nên rất khó tìm, với thời gian qua, họ lại càng trở nên hiếm có. Đã có một thời mà những vị Đạo Trưởng tôn nghiêm đã biến mất, không còn để lại di tích, thậm chí cũng không có chuẩn bị đủ một số người thừa kế có uy tín để nối nghiệp các ngài. Thay vì các Đạo Trưởng thần thông quảng đại, đạo hạnh tinh thâm, người ta chỉ thấy có những kẻ không xứng đáng. Một số ít những phần tử ưu tú còn sót lai, không thể thực hiện được lý tưởng của mình, giữa một tình trạng suy đồi như thế, đành phải chịu cái số phần đau thương. Biết rằng đã đến lúc suy tàn, họ âm thầm xếp lại những bộ kinh sách Huyền Môn, rời bỏ những hang động thâm u và những ngôi thánh điện cổ kính, đưa mắt nhìn chốn đạo viện mến yêu một lần cuối cùng với tấm lòng luyến tiếc, và lặng lẽ cất bước ra đi.

Như thế, những cánh cửa nặng nề của các đạo viện Huyền Môn Ai Cập đã khép lại một lần cuối cùng. Từ đó trở đi, những vị thí sinh lòng đầy hy vọng không bao giờ còn bước lên chiếc cầu thang bí mật đưa đến thánh điện linh thiêng, không bao giờ họ còn bước xuống hầm điểm đạo thâm u của các đền thờ cổ. Tuy nhiên, lịch sử của nhân loại luôn luôn theo định luật chu kỳ, những gì đã từng xảy ra, sẽ tái diễn trở lại. Một lần nữa, con người đã trải qua một thời kỳ hỗn loạn và hắc ám, trong khi đó y lại cảm thấy một sự boăn khoăn bất mãn do nhu cầu tự nhiên của bản tính con người là muốn lập lại sự giao tiếp với các cõi giới tâm linh huyền diệu huy hoàng. Bởi vậy, tôi hy vọng rằng những điều kiện sẽ có thể được tạo nên, những hoàn cảnh thuận tiện sẽ đến và những nhân vật đủ thẩm quyền và khả năng sẽ xuất hiện, để nhờ đó, một lần nữa trên địa cầu, sẽ được tái lập lại tổ chức Huyền Môn, dưới những hình thức hoàn toàn mới mẻ tân kỳ, để cho được phù hợp, thích ứng với thời đại tân tiến hoàn toàn khác hẳn với thời đại cổ xưa.

Chương 9: Ngôi Đền Denderad

Trước khi rời khỏi thánh điện trên nóc bằng của ngôi đền Denderad, tôi nhìn xem một vòng Hoàng Đạo (Zodiaque) rất đẹp khắc trên trần. Tôi biết rằng đó chỉ là một phó bổn đã được sao lục lại, vì bổn chánh đã bị tháo gỡ và đem về Ba Lê cách đây trên một thế kỷ. Nhưng phó bổn được sao lại một cách hoàn toàn đúng đắn.

Cái vòng tròn đó chứa đầy những hình ảnh các loài thú, hình người và các vị thần, được sắp chung trong một bầu tròn và ở chung quanh là mười hai cung Hoàng Đạo. Tô điểm thêm cho cái biểu tượng này, có hình mười hai vị thần và nữ thần khác nhau, kẻ đứng, người quì, sắp chung quanh hình bầu tròn, hai tay đưa lên, lòng bàn tay duỗi thẳng nối tiếp nhau thành một vòng tròn.

Như thế, toàn thể vũ trụ lưng chuyển không ngừng được hình dung nơi đây một cách chính xác, tuy rằng dưới hình thức tượng trưng. Đó chính là sự trình bày những bầu thế giới luân chuyển theo một nhịp độ bất di dịch trên một nền trời. Những người biết suy nghĩ, dẫu rằng là người có óc hoài nghi nhất, không khỏi cảm thấy thán phục cái trí óc thông minh tuyệt vời đã làm kiểu mẫu cho cái vũ trụ đó.

Hiểu một cách đúng đắn, thì vòng Hoàng Đạo của đền Denderad hình như mô tả hình trời ở vào một thời kỳ nhất định nào đó trong quá khứ. Vậy đó là thời kỳ nào... Đó là một vấn đề khác. Chúng tôi không thể nêu ra đây những sự giải thích thiên văn trừu tượng và phức tạp. Chỉ biết rằng vị trí các tinh tú ở vào thời đó không trùng hợp với thiên tượng mà người ta quan sát vào thời nay. Xuân Phân Điểm (équinoxe du printemps) không chiếm cùng một vị trí như hiện nay, theo đó mặt trời đang đi vào một chòm sao khác hẳn.

Sự biến chuyển lớn lao đó diễn ra bằng cách nào... Do bởi sự xoay vần của trái đất, mà cái trục liên tục nhắm vào những vì sao Nắc Đẩu khác nhau. Điều đó có nghĩa là Mặt Trời của chúng ta luân chuyển chung quanh một ngôi định tinh riêng của nó. Sự luân chuyển tế vi, khó nhận thấy, của Đường Phân Điểm (équinoxe) trải qua một thời gian dài và chậm chạp, cũng thay đổi những vị trí mọc và lặn của vài bầu tinh tú đối với chòm sao. Khi đã đo lường sự vận chuyển trung bình của những bầu tinh tú đó, người ta biết có bao nhiêu ngàn năm đã trôi qua kể từ khi chúng nằm ở vị trí đầu tiên. Khoảng cách biệt đó gọi là Tuế Sai (précession des équinoxes). Đó là điểm giao tiếp của đường xích đạo và đường Hoàng Đạo, là chỗ đánh dấu xuân phân điểm, di chuyển một cách chậm chạp trên bầu trời theo cái tuế sai đó.

Nói cách khác, đều đó có nghĩa là những tinh tú di chuyển ngược chiều với mười hai cung Hoàng Đạo, va mỗi năm chỉ vượt qua một phần tối thiểu của không gian. Sự luân chuyển vĩ đại đó của các tinh cầu trên nền trời, thứ vũ trụ kế mà nền trời là cái mặt đồng hồ, trên đó người ta có thể đọc cả hai chiều và ghi nhận những cuộc vận hành của các tinh cầu trong nhiều ngàn năm.

Khi xem xét một bản đồ thiên văn cũ, một nhà thiên văn học có thể xác định bản đồ đó được thiết lập vào thời kỳ nào. Việc nghiên cứu cái dĩ vãng xa xăm đôi khi có thể giúp cho ta tìm ra những sự kiện vô cùng quan trọng. Khi các nhà tháp tùng theo Napoléon sang Ai Cập phát hiện ra vòng Hoàng Đạo tai đền Denderad, họ lấy làm vô cùng phấn khởi, và tưởng rằng họ đã tìm được cái chìa khóa để tri nguyên ra khoảng thời gian của nền văn minh cổ Ai Cập, vì họ thấy trong vòng Hoàng Đạo đó, xuân phân điểm cách xa vị trí của nó bây giờ. Nhưng mãi về sau, khi người ta nhận thấy rằng ngôi đền này chỉ mới dựng lên vào thời kỳ đế quốc Hy Lạp La Mã và vòng Hoàng Đạo Ai Cập này đã phối hợp một Hoàng Đạo Hy Lạp, vấn đề này mới bị dẹp bỏ và từ đó người ta không theo vấn đề đó nữa.

Một ý kiến cho rằng vòng Hoàng Đạo này chỉ là của Hy Lạp, nhưng đó là một ý kiến sai lầm. Phải chăng nói như thế là kết luận người Ai Cập không có vòng Hoàng Đạo của họ... Nếu vậy thì giới tăng lữ Ai Cập đã từng khảo cứu khoa chiêm tinh và khoa thiên văn trong bao nhiêu ngàn năm, trước khi người Hy Lạp đặt chân lên xứ Ai Cập, mà lại không có vòng Hoàng Đạo chăng... Giới tăng lữ Ai Cập đã từng tôn trọng khoa chiêm tinh đến nỗi họ đã xáp nhập khoa này vào tôn giáo của họ, làm cho họ có thể thực hành khoa chiêm tinh mà lại không có một vòng Hoàng Đạo... Ngoài ra những vị tăng lữ Ai Cập cũng rất tinh thông về khoa thiên văn.

Thật vậy, người Ai Cập đã sao lục một phần vòng Hoàng Đạo của họ theo bản chính đã có từ trước tại đền Denderad, ngôi đền này đã được xây đi dựng lại nhiều lần. Một tài liệu thiên văn như thế hẳn là phải được sao lục làm nhiều phó bổn để bảo đảm cho nó được tồn tại muôn đời. Những tài liệu văn khố cổ xưa cũng được bảo trì bằng cách đó, nhưng lại bị rơi trong quên lãng và rốt cục đã biến mất theo những nhân viên bảo trì văn khố, tức là những vị tăng lữ thời cổ Ai Cập.

Những nhà khảo cổ đã phát hiện tại xứ Mésopotamie những viên gạch cổ xưa, trên đó các nhà thiên văn xứ ấy đã ghi nhận rằng mùa xuân bắt đầu khi mặt trời đi vào chòm sao Kim Ngưu. Vì lẽ rằng trong kỷ nguyên Thiên Chúa, ngày đó được ghi nhận là ngày Mặt Trời đi vào chòm sao Bạch Dương, tức là ngày 21 tháng 3 dương lịch, người ta nhận thấy tằng một sự thay đổi lớn lao như thế đưa nền văn minh xứ Chaldée thụt lùi về một thời kỳ dĩ vãng xa xăm nhất, đúng như chính người Chaldée đã tuyên bố. Cũng như thế, cứ xét vị trí của đường điểm phân trong vòng Hoàng Đạo của đền Denderad, thì nó đánh dấu một thời kỳ thái cổ hàng bao nhiêu thế kỷ. Nhờ đó, người ta truy nguyên ra nền văn minh cổ nhất của Ai Cập ở vào thời kỳ nào. Cái vị trí đó chỉ rằng từ đó đến nay, có trên ba "đại niên" rưỡi đã trôi qua trên vũ trụ kế, tức là mặt trời đã xoay vòng chung quanh ngôi định tinh của nó trên ba lần rưỡi.

Sự kiểm điểm chính xác những thống kê thiên văn xác định rằng sự xê dịch trung bình củu tuế sai là 50. 2 giây mỗi năm, do đó người ta có thể tính tron g dĩ vãng để đi đến điểm quy định bở vị trí của Hoàng Đạo đền Denderad. Ví vòng lớn của Hoàng Đạo chia làm 360 độ, nên khoảng tuế sai 25, 800 năm lập thành một chu kỳ "đại niên. " Như thế, mỗi chu kỳ trọn vẹn của mặt trời trải qua không dưới 25, 800 năm, tính ra thì ít nhất là 90, 000 năm đã trôi qua kể từ cái ngày được ghi nhận trên Hoàng Đạo đền Denderad.

Chín mươi ngàn năm! Phải chăng đó là một điều khó tin... Những vị tăng lữ thông thiên văn Ai Cập không chấp nhận điều đó. Sử gia Hy Lạp Hérodote thuật lại lời các tăng lữ đã nói với ông rằng dân tộc Ai Cập tự cho là dân tộc cổ xưa nhất thế giới, và họ cất giữ trong các đạo viện và các đền thờ cổ những văn khố tài liệu xưa đến 12, 000 năm trước khi ông đến viếng xứ này. Người ta biết Hérodote đã thu thập các tài liệu lịch sử một cách thận trọng tỉ mỉ là dường nào, và ông thực sự xứng đáng gọi là "Người cha của lịch sử. " Các vị tăng lữ đó còn nói với ông rằng "Mặt trời đã từng mọc lên hai lần ở tai chỗ mà ngày nay nó lặn, và trái ngược lại. " Lời khẳng định lạ lùng này ngụ ý rằng hai miền cực địa của trái đất đã hoàn toàn đảo lộn những vị trí đầu tiên của chúng, điều này ám chỉ rằng trên địa cầu đã từng có những cuộc biến thiên vĩ đại đã làm thay đổi cục diện các vùng lục địa và đại dương. Những cuộc sưu tầm địa chất học đã xác nhận điều đó, nhưng còn những thời kỳ xảy ra những cơn biến thiên đó thì thụt lùi về một cái dĩ vãng xa xăm tịt mù.

Một hậu quả khác là khí hậu ở các vùng địa cực ngày xưa không phải lạnh lẽo mà đó là khí hậu của miền nhiệt đới. Trạng thái đó của quả địa cầu chỉ có thể gây ra bởi những sự biến chuyển vĩ đại trong không gian, và điều này đã chúng thực lời nói của các vị tăng lữ Ai Cập.

Những vị tăng lữ ấy không hề biết gì về khoa địa chất học hiện đại, họ chỉ có những tài liệu cổ khắc trên mặt đá của những cây thực tiễn, trên những tấm bia đá, những mâm đồng, hoặc viết trên lá cây chỉ thảo. Ngoài ra còn có những giáo điều và lịch sử bí truyền chỉ được tiết lộ trong khoa Huyền Môn, hoặc được truyền khẩu cho môn đồ trong các đạo viện trải qua bằng bao nhiêu thế kỷ.

Bằng cách nào giới tăng lữ, tuy không biết gì về địa chất học, lại biết được những sự biến thiên và dời đổi cuộc diện trên địa cầu, nếu không phải là nhờ những tài liệu cổ của họ... Sự hiểu biết đó càng xác nhận sự kiện rằng họ đã nắm giữ được những tài liệu đó, và cũng giải thích sự hiện hữu của những vòng Hoàng Đạo chính cống mà bổn Hoàng Đạo của đền Denderad chỉ ghi chép lại một phần.

Do những sự việc kể trên, một khoảng thời gian 90, 000 năm không còn là chuyện mơ hồ khó tin. Điều đó không nhất thiết có nghĩa là nền văn minh Ai Cập. Có thể rằng dân tộc và nền văn minh Ai Cập đã từng có trên một vùng lục địa khác và chỉ di cư sang Châu Phi trong một thời kỳ về sau này.

Lịch sử Ai Cập bắt đầu ở triều đại thứ nhất, nhưng ta phải nhớ rằng xứ ấy đã từng có người ở từ lâu trước thời kỳ của tài liệu cổ xưa nhất còn tồn tại đến bây giờ. Lịch sử của dân tộc Ai Cập cổ xưa và những tên tuổi của những vị vua chúa của họ là những điều mà các nhà Ai Cập học không hề biết. Lịch sử Ai Cập thời thái cổ dính liền với lịch sử (đã mất) của châu Atlantide. Các vị tăng lữ Ai Cập cũng là những nhà thiên văn, đã thừa hưởng vòng Hoảng Đạo của họ từ châu Atlantide. Đó là lý do vì sao vòng Hoàng Đạo của đền Denderad có thể cho thấy dấu vết của những cuộc vận hành tinh tú khổng lồ trải qua những giòng thời gian dài vô tận so với những vòng Hoàng Đạo của kỷ nguyên lịch sử.

Sự khám phá mỗi di tích mới của nền văn minh cổ xưa đó làm cho chúng ta phải thốt ra những tiếng kêu ngạc nhiên. Trong khi mà, Theov những quan niệm của chúng ta về sự "Tiến bộ" chúng ta tưởng rằng càng đi thụt lùi về dĩ vãng, thì chỉ có giống người càng thô kệch và dã man hơn, nhưng trái lại có khi ta lại thấy có những dân tộc văn minh, tiến hóa và rất tôn sùng tín ngưỡng tôn giáo. Dẫu cho ở vào một vài thời kỳ tiền sử xa xăm, cũng có những dân tộc dã man và những dân tộc văn minh sống đồng thời với nhau trên địa cầu. Khoa học, tuy đã phát họa cho ta thấy một thời quá khứ của địa cầu nó thách thức tầm hiểu biết thiển cận của chúng ta, nhưng vẫn chưa có đủ dữ kiện để trình bày đầy đủ những chi tiết về những thời kỳ đó. Nhưng khoa học vẫn tiến bộ không ngừng, và sẽ có thể làm được điều đó. Vậy chúng ta chớ nên phủ nhận một cách vội vàng những truyền thống cổ Ai Cập về con số 90, 000 ngàn năm, và cũng đừng nên vội chấp nhận con số năm hay sáu ngàn năm lịch sử của nhân loại như người ta vẫn thường nhìn nhận. Tuổi của quả địa cầu luôn luôn đính chánh sự tin tưởng này của những người có một quan niệm quá nghèo nàn về tổ tiên của chúng ta, sự hiểu biết về quá trình của vũ trụ sẽ có thể đem đến cho họ, tuy không phải là một cách dễ dàng, những tầm nhãn quang bao quát và rộng lớn hơn nữa. Trong những khoảng không gian bao la vô tận, phải chăng còn có những nghĩa địa của càn khôn, ở nơi đó có những tinh cầu chết và những bầu tinh tú tắt nguội, đã từng có một thời phát triển trong những nền văn minh rực rỡ huy hoàng ngày nay đã mất...

Tôi bước xuống cầu thang và trở ra cửa ngoài đã quan sát phía bên trong ngôi đền lớn mà lúc đầu tôi đã đi qua nhanh để tìm nơi thánh điện Huyền Môn mà tôi muốn xem trước hết. Trong gian phòng rộng, hai mươi bốn cây cột lớn mang trên chóp vuông gương mặt chạm trổ nhưng đã bị sứt mẻ của nữ thần Hathor, những mặt cột đền có khắc đầy những hàng chữ ám tự. Thật đáng buồn mà thấy rằng ngôi đền thờ nữ thần Hathor, vị nữ thần Ai Cập tượng trưng Sắc Đẹp và Ái Tình, đã thoát khỏi sự tàn phá của thời gian để rồi lại bị tàn phá nhiều hơn do bàn tay phủ phàng của con người. Hầu hết pho tượng của nữ thần đều bị chặt, đẽo bằng búa rều, do sự phẫn nộ của những người cuồng tín, những gương mặt bị sứt mẻ chỉ còn thấy những vành lỗ tai dài và những mái tóc dầy cộm. Dền Denderad là một trong những ngôi đền đồ sộ to lớn nhất của Ai Cập, và trong số những đền mà người ta còn tế lễ thờ phượng khi hoàng đế La Mã Théodose, vào năm 379 sau Thiên Chúa kỷ nguyên, ban hành một chỉ dụ ngăn cấm nền tôn giáo cổ đã suy tàn và làm cho nó chết hẳn.

Viên sứ giả của hoàng đế là Cynegius đã thio hành lệnh cấm ấy một cách vô cùng gắt gao. Ông tuyên bố đóng cửa tất cả các đền thờ và các đạo viện, ngăn cấm mọi cuộc hành lễ điểm đạo và những nghi lễ cổ truyền. Lúc đó những đám dân cuồng tínd0ột nhập đền Denderad, đuổi các tăng lữ và xâm phạm vào những nơi thánh điện thiêng liêng. Họ phá hũy các pho tượng nữ thần Hathor, cướp bốc những đồ vàng

ngọc, chặt đẽo gương mặt xinh đẹp và chạm trổ tinh vi của nử thần, ở bất cứ nơi nào họ đi đến.

Ở những nơi khác, sự tàn phá còn khóc liệt hơn nữa, vì người ta phá hủy các tường rào, triệt hạ những cột đền và đập tan từng mảnh những pho tượng khổng lồ, người ta tiêu diệt công trình của bao nhiêu ngàn năm. Đó là những biến thiên của nền tôn giáo mà những tín đồ lúc đầu đã chịu đựng những sự ngược đãi bắt bớ, chịu pháp nạn rồi tử vì Đạo, và cuối cùng lại dành một sự ngược đãi tương tự cho kẻ khác. Họ cho rằng bổn phận họ phải phá hủy công trình của tiền nhân, để tạo nên một công trình khác thích hợp với họ.

Lúc bước vào đền, tôi nghĩ đến các vì vua của triều đại Ptolémeé, những vì vua kiêu hãnh đã từng đến ngôi đền này trên những cổ xe thếp vàng óng ánh, trước một đám quần chúng im lặng và tôn kính. Thời đó, đã có bao nhiêu là đám rước lễ long trọng, náo nhiệt tưng bừng, diễn ra trên sân đền rộng lớn, mà ngày nay sân đền lại vắng tanh không một bóng người!

Nhìn di tích của chánh điện mà lòng tôi còn thấy buồn man mác, huống chi là những hang động âm u ở dưới hầm mà tôi đang bước đến... Những gian phòng tối đen dưới hầm này được xây bên trongnhững bức tường nền dầy kinh khủng. Vách tường cũng được tô điểm bằng những hình ảnh chạm trổ rất công phu, mô tả những cuộc lễ điểm đạo thiêng liêng ngày xưa đã từng diễn ra ở dưới hầm này.

Rời những hầm tối đen giống như những nhà mồ, tôi trở lại chỗ cửa chính. Cổng đền ngày xưa được khép bằng những cánh cửa bằng đồng rất kiên cố thếp vàng sáng chói lộng lẫy. Tôi bước ra ngoài và đi quanh một vòng chung quanh đền.

Thật khó mà tin rằng khio vua Ả Rập Abbas Pacha phát hiện ra ngôi đền này giữa thế kỷ 19, phần lớn đã bị chôn vùi dưới một đồi cát và sỏi vụn. Nó được phơi bày ra ánh sáng trở lại nhờ bởi những nhát cuốc xẻng của những phụ thợ đến làm công việc đồi cát này. Có bao nhiêu người đã đi qua vùng này ngày xưa, mà không hề biết đến cái kho tàng thiêng liêng của dĩ vãng mà họ đang dày xéo dưới gót chân của họ.

Tôi ngừng lại một lúc để nhìn lên mặt ngoài tường cái hình nổi chạn trổ chân dung nữ hoàng Cléopâtre. Vị nữ hoàng Ai Cập này lúc đương thời đã ra lệnh tu bổ bức tường chung quanh đền, hồi đó đã bắt đầu sụp lở. Để ghi tạ công đức, người ta đã tạc tượng nữ hoàng ở trên tường để làm kỷ niệm. Hoàng tử Césarion cũng được khắc tượng ở một bên nữ hoàng, giống người cha một cách lạ thường. Nữ hoàng Cléopatre, con gái của vua Ptolémée, cũng là người cuối cùng trong tất cả các nữ hoàng Ai Cập. Khi hoàng đế Jules César cầm quân vượt biển Địa Trung Hải đi chinh phục xứ Ai Cập, thì nữ hoàng Cléoâatre đã trở nên tình nhân của vua ngay từ khi César vừa đổ bộ lên đất liền. Chính do sự trung gian của Cesar mà nữ hoàng đã hướng xứ Ai Cập đến việc liên kết với một hải đảo xa xôi, mà địng mệnh đã đặt để rằng sẽ đóng một vai trò quan trọng trong lịch sử Ai Cập trên 18 thế kỷ về sau! Và những quân sĩ La Mã cũng đã đem vào Anh Quốc tôn giáoSérapis, cùng với bao nhiêu di sản tinh thần khácnguồn gốc Ai Cập. Một sự liên lạc, tuy gián tiếp, đã bắt đầu có giữa hai nước kể từ khi đó.

Trên bức tường chạm trổ, nữ hoàng Cléopatre đội cái thứ mão tròn như cái dĩa có sừng, giống như mão của nữ thần Hathor, để bộ mái tóc dài thắt bín. Gương mặt đầy đặn và xinh đẹp, tướng mạo uy nghi của một bậc vương giả quren truyền lịnh và sai phái kẻ dưới, cương quyết thực hiện mọi kế hoạch đến cùng, bằng mọi phương tiện. Chính do ảnh hưởng của nữ hoàng mà Jules César đã nuôi cái mộng dùng thành Alexandrie làm kinh đô của đế quốc La Mã và trung tâm của thế giới. Khi Cléopâtre qua đời, thì nền độc lập của Ai Cập cũng không còn nữa.

Tôi hồi tưởng lại rằng Cléopâtre cũng là một giai nhân tuyệt sắc củu thế giới cổ xưa, và là một trong những người đàn bà đã từng đóng vai trò quyết định của lịch sử. Có ai ngờ rằng vận mệnh của một bậc vĩ nhân, vận mệnh của cả một đế quốc rộng lớn, có đôi khi lại treo lơ lửng dưới cái nụ cười quyến rũ hiện ra trên đôi môi xinh đẹp của một giai nhân...

Phần trên những vách tường đá của ngôi đền đều có khắc hàng chữ ám tự (hiéroglyphes). Truyền thuyết cho rằng loại chữ ám tự của thời cổ Ai Cập là do vị thánh sư Thoth tức Tehuti, phát minh ra. Điều này cũng có một sự thật về lịch sử. Vì chính một vị siêu nhân, một đấng Chân Sư daqnh hiệu là Thoth, đã đem thứ chữ này, như một sự tiết lộ của thánh thần, cho những con cháu của dân Atlante di cư sang vùng đất mới trên bờ sông Nil, trước khi những luồng sóng cuối cùng đã nhận chìm châu Atlantide xuống đáy biển. Vị chân sư Thoth cũng là tác giả của quyển Tử Thư (Sách của người chết).

Người Ai Cập mô tả chữ ám tự của họ là thứ ngôn ngữ của Thần Minh. Đó là bởi vì không những họ tin rằng loại chữ này được Thần Minh ban cho họ, mà cũng vì nghĩa ẩn dấu của nó được giữ kín đối với quần chúng và chỉ tiết lộ cho những vị môn đồ Huyền Môn đã được điểm đạo. Những nhà Ai Cập hiện đại chỉ có thể hiểu được ý nghĩa thông thường của chữ ám tự theo sự hiểu biết của người bình dân, điều đó đã là một thành quả vẻ quang rồi. Còn cái ý nghĩa ẩn dấu, bí truyền thì họ tịt mù chẳng biết gì cả. Đó là bởi vì muốn thấu triệt loại chữ ám tự, ngôn ngữ của Thần Minh, người ta phải cần dùng đến một thứ đạo nhỡn, để hiểu biết nó trên khía cạnh tâm linh, chứ nếu không, thì không thể nào hiểu tận cùng đến chỗ sâu xa huyền diệu của nó. Điều này cũng tương tự như trường hợp của người thí sinh muốn thấu hiểu những pháp môn bí truyền được tiết lộ cho y trong các cuộc lễ điểm đạo của phái Huyền Môn Ai Cập.

Nhờ công trình của các nhà Ai Cập học, và nột phần cũng do bàn tay của định mệnh, những kho tàng tâm linh quý báu thể hiện nơi những hàng chữ ám tự khắc trên tường đá trong các đền thờ hoặc viết trong những pho sách cổ bằng lá cây chỉ thảo, mới được phiên dịch ra và lưu truyèn lại cho hậu thế.

Vai trò của định mệnh trong sự khám phá này thật là la lùng. Nếu Napoléon không đem binh viễn chinh sang Ai Cập, thì loại ngôn ngữ huyền bí khắc trên tường và viết trên giấy chỉ thảo ngày nay có lẽ vẫn còn câm lặng không hề có người đọc. Chính Napoléon vẫn từng là người của định mệnh đến một mức độ phi thường. Ông ta không hề tiếp xúc với một quốc gia nào, một cá nhân nào, hay một nhân vật nào mà không ảnh hưởng sâu rộng đến vận mạng của họ. Ông là khí cụ của định mệnh, hay là của thần Némésis.

Cuộc viễn chinh của Napoléon sang Ai Cập đã dọn đường cho sự tìm tòi khảo cứu về cách sinh hoạt và tư tưởng xứ Ai Cập thời cổ. Khi xứ Ai Cập bị đặt dưới quyền đô hộ của Hy Lạp, loại ngôn ngữ cổ xưa này bị suy sụp. Lẽ tự nhiên là chính quyền toan tính phổ biến ngôn ngữ và nền giáo dục Hy Lạp trong những giai cấp có học thức. Những quan chức quan trọng trong chính quyền đều dành cho những người Ai Cập giữ chức giỏi chữ Hy Lạp. Nhà cầm quyền Ai Cập đóng cửa các đạo viện cổ ở Héliopolis, là nơi đào tạo rất đông những tăng lữ thời xưa và nơi truyền bá sự học hỏi ngôn ngữ Ai Cập. Trừ ra một số ít tăng lữ vẫn duy trì việc dùng tiếng Ai Cập trong vòng bí mật, chữ Hy Lạp đã thật sự trở nên một thứ quốc ngữ Ai Cập.

Đến cuối thế kỷ thứ 3 của Thiên Chúa kỷ nguyên, trong xứ Ai Cập người ta không còn tìm thấy một người nào có thể giải thích ý nghĩa thông thường bình dân của chữ ám tự cổ nữa, đừng nói chi đến việc sử dụng thứ chữ ấy. Mười lăm thế kỷ đã trôi qua. Việc dùng chữ ám tự dường như đã hoàn toàn biến mất ở Ai Cập, thì độtnhiên xuất hiện trước hải cảng Alexandrie, do một cơn bã tấp vào bến, và vượt qua sự canh tuần của hạm đội Anh dưới quyền chỉ huy của đô đốc Nelson, chiếc thuyền chở Napoleon và định mệnh của người.

Không bao lâu, quân đội viễn chinh Pháp được chuyển đến sứ Ai Cập. Người ta đào đất ở nhiều nơi để xây móng đắp nền làm những công sự phòng thủ. Một trong những địa điển lần đầu tiên được lựa chọn do bởi tầm quan trọng chiến lược của nó là vùng châu thổ sông Nil, kế cận hải cảng Rosette. Một viên sĩ quan trẻ tuổi, trung úy pháo binh Boussard, đã phát hiện một điều vô cùng quan trọng như một sự tình cờ đưa đến cái chìa khóa để truy ra ý nghĩa của các ám tự Ai Cập. Trong khia đào đất đắp nền xây pháo đài St Juluen, những quân sĩ của ông ta thình lình đào được một khối đá đen đã bể. Trung úy Boussard liền hiểu ngay rằng tảng đá này có một tầm quan trọng rất lớn vì nó có khắc chữ, đó là một sắc lệnh của giới tăng lữ thành Memphis ban bằng sắc danh dự cho vuaPtoléméé thứ 5. Bản chính bằng chữ Hy Lạp khắc trên 54

giòng, kèm theo hai bản dịch ra chữ ám tự và cổ tự.

Viên đá này được gởi về Châu Âu, tại đây các nhà bác học mới ra công nghiên cứu cho đến khi họ có thể thiết lập toàn bộ chữ cái ám tự Ai Cập tương đương với những cái Hy Lạp. Cái chìa khóa này từ đó đã giúp cho các nhà khảo cổ và Ai Cập học đọc được những bản chữ ám tự khắc trên tường và trong các sách chỉ thảo đã từng là những điều bí hiểm trong bao nhiêu thế kỷ.

Chương 10: Bí Mật Của Những Kỳ Quan Karnak

Sau cùng, chúng tôi đã đến xứ Ai Cập cổ kính, thâm nghiêm, và hấp dẫn mà con sông Nil, những đền đài, đồng ruộng, làng mạc và nền trời xanh đậm cùng nhau phối hợp để tạo nê một cảm giác quyến rủvà sống động. Đó là xứ Ai Cập của những thời đại mà các vị vua Pharaon sang cả quyền uy còn đang trở về, mà hết cả ngày này sang ngày kia, những sân đền còn vang dội âm hưởng tiếng thánh ca của các vị tăng lữ.

Tôi đến Louqsor, cách thủ đô Cairo 450 dặm sau khi đi ngược dòng sông Nil. Đến đây, người ta trở về dĩ vãng và sống với dĩ vãng một cách dể dàng khộng cần một cố gắng nào cả, cảnh vật chung quanh đem đến cho ta một lọat những hình ảnh cổ xưa. Chỉ có miền nam Ai Cập, mà các nhà địa lý học gọi là miền thượng du Ai Cập, còn giữ được cái phong vị đó trước mắt nhưng du khách thời nay. Cố đô danh tiếng của nó, thành phố cổ điển Thèbes, mà thi hào Homère gọi là "Thành phố một trăm cửa, " ngày nay đã biệt tích, nhưng nó còn để lại cho chúng ta tại Karnak, một trong những trung tâm tôn giáo của giới tăng lữ Ai Cập.

Ngày nay, Karnak là viên ngọc quý của vùng này. Những đền đài cổ, điêu tàn nhưng vẫn còn hùng vĩ của nó nổi tiếng khắp nơi trên thế giới. Một trong những ngôi đền này mà ngôi đền to lớn nhất mà người ta có thể tìm thấy ở Ai Cập, dó là đền thờ Amen Ra. Thời xưa, tất cả những ngôi đền khác ở Ai Cập đều phụ thuộc vào ngôi đền này. Thế là tôi đã đi hành hương tại Karnak và chiêm ngưỡng những đền thờ hoang tàn sụp đổ dưới ánh mặt trời nắng gắt cũng như dưới ánh trăng khuya êm dịu.

Karnak ở kếcận một khu rừng xanh biếc, cách ba dặm ở phía bắc Louqsor. Người ta đến đây bằêng con đường đầy bụi bặm, đi xuyên qua một cánh đồng lớn dưới một nền trời xanh lợt. Dọc đường có một ngôi mộ của một vị vua Ả Rập, nóc bầu tròn sơn trắng, sau cùng nhô lên trước mắt tôi hai cây cột trụ cao vut của cổng đền. Cổng đền xem rất hùng vĩ ngoạn mục, đặc biệt hấp dẩn sự chú ý của du khách. Trên chót người ta nhìn thấy tượng vua Ptolémée xây dưng lên ngôi đền này, đang cúng dâng lể vật cho các vị thần thành Thèbes.

Bước vào cổng, tôi đã ở trong ngôi đền thần Khonsou, vị thần đầu chim ưng, mà ngôn ngữ bình dân gọi là con của Amen. Trên tường có chạm hình nổi diển tả một đám rước lể du thuyền tấp nập trên sông, dưới thuyền chở tượng thần Amen Ra đi ngược dòng sông Nil đến tậnLouqsor. Tôi bước vào ngôi đền sụp đổ, tại đây ngày xưa người ta giữ chiếc linh thuyền rước tượng thần Konsou. Tất cả những đồ vật dùng để rước lể được cất giữ tại đây có ý nghĩa rất nhiều đối với quần chúng, những tăng lữ tham quyền cố vị và nhất là đối với các vị vua chúa. Trái lại, nó không phải là quan trọng đối với một số ít đạo đồ, những vị này chỉ coi các nghi lể cúng tế như những nghi thức tượng trưng, chứ không có một giá trị tâm linh thật sự.

Kế đó, tôi phát hiện một lọat những hình nôi rất lý thú chạm trổ trên tường phía đông của một gian phòng bên trong, tiếp cận với chánh điện. Điều làm cho tôi chú ý trước nhất là pho tượng một nhân vật đã từng quen thuộc với tôi trong một đêm suy tư giữa bãi sa mạc, thần tượng Sphinx! Tôi liền hiểu ngay đó là một điều quan trọng và người ta có thể quan sát khắp đền trong nhiều ngày giữa những tường, vách và cột trụ đámà không tìm thấy có thần tượng này.

Hình nôi đầu tiên là hình vua Ramsès thứ 4, đang đứng trước mặt nữ thần Ament và dâng nữ thần một pho tượng nhỏ. Kế đó là một hình nổi trên tường có chạm hình hai nhân vật. Phía trước là một hình thiếu nhi, không ai khác hơn là Horus, con của Orisis. Trên đầu Horus có hình biểu tượng mặt trời và con rắn, tay trái để lên hai đầu gối, còn tay mặt đưa lên, ngó tay trỏ chỉ môi, ngụ ý giữ im lặng. Còn nhân vật kia, phía sau Horus, là thần tượng Sphinx.

Nữ thần Ament đưa bàn tay về phía Ramsès, tay cầm một thập tự giá có quai hình vòng tròn ở một đầu, còn đầu kia điểm vào giữa mắt của vua Ramsès. Bức hình đó có ý nghĩa gì...

Một nhà Ai Cập học có chắc sẽ đưa ra một sự giải thích hoàn tòan hợp lý và khá đúng theo quan điểm của y. Y sẽ nói rằng nhà vua đang hiến dâng lể vật cho nữ thần, thế thôi. Y không còn nói gì hơn. Những cảnh tượng chạm trổ trên vách như thế thường diễn tả những mẩu chuyện vặt hoặc nhắt lại điển tích những chiến công rực rỡ của một triều vua nào đó. Nhưng ở đây lại là môt việc khác. Trước hết người ta nhận ra đó là việc thực hành một nghi lể tối thiên liêng, nhất là bức hình được chạm gần bên chánh điện trung ương là chổ thâm nghiêm nhất của ngôi đền này.

Cũng như loại ám chữ Ai Cập được dùng để diển tả một ý nghĩa bí truyền mà chỉ có những người tăng lữ đã điểm đạo được biết mà thôi, thì đây cũng vậy, gương mặt các và thần đối với những vị đạo đồ thời cổ có hàm xúc một ý nghĩa thâm sâu hơn là đối với quần chúng. Như vậy, ý nghĩa huyền diệu của các bức hình này chỉ có thể hiểu được bởi những người nào đã từng thấu triệt giáo lý Huyền Môn.

Điểm cốt yếu trên bức hình nổi, là cử chỉ hành động của nữ thần Ament. Cái thập tự giá có quai hình vòng trònmà nữ thần điểm vào giữa hai mắt của vua Ramsès, các tăng lữ điểm đạo gọi là cái chìa khóa của Huyền Môn, nó tượng trưng cho việc điểm đạo để thu nhận vào tổ chức Huyền Môn thật sự vậy. Một nhà Ai Câp học sẽ cho rằng nó chỉ tượng trưng cho việc mở cửa, từ lâu vẫn khép chặt, để bước vào tổ chức thiên liêng này. Dưới hình thức kỷ hà, nó tượng trưng linh hồn bất diệt của người đạo đồ đã được giải thóat ra khỏi cái thể xác vật chất "Bị đóng chặt trên thập tự giá. " Cái vòng tròn, không dầu không đuôi, tượng trưng tính chất bất diệt của linh hồn tương đương với các đấng Thần Minh, còn cái thập tự giá tượng trưng cho trạng thái xuất thần của người đạo đồ, do đó có sự chết và bị "đóng chặt vào thập tự giá" của y. Trong vài đền thờ cổ, người ta đặt y nằm trên cái giường gổ hình thạo tự giá.

Điểm giữa hai chân màychỉ vị trí của tùng quả tuyến, tức bộ hạch óc mà những động tác phức tạp vẫn chưa được khoa học hoàn toàn biết rõ. Trong những cấp bật điểm đạo đầu tiên, vị Đạo Trưởng dùng phép làm kích động bộ hạch ấy một phần nào, để giúp cho người thí sinh tạm thời mở rộng thần nhãn và nhận thấy những ma quái hiện hình hoặc những nhân vật tâm linh xuất hiện ở gần bên y. Phương pháp sử dụng vào việc này một phần do mãnh lực từ điển, một phần tùy thuộc vào một vài chất hương liệu rất mạnh.

Bởi đó, khi nữ thần Ament cầm cái thập tự giá điểm vào giữa hai mắt của vua Pharaon, cử chỉ đó ngụ ý rằng nhà vua đã được điểm đạo theo tổ chức Huyền Môn, và nhà vua sẽ tạm thời mở thần nhìn trong một thời gian. Nhưng nhà vua bị cấm nhặt không được tiết lộ cho ai biết những gì nhà vua được thấy và những cảm xúc trong cuộc lễ điểm đạo. Điều này được diễn tả bởi nhân vật đầu tiên trong bức hình nổi, thiếu nhi Horus, tức là vị thần Hormakhou, mà ngón tay đưa lên môi khép chặt ngụ ý phải tuyệt đối giữ im lặng và bí mật. Những hình ảnh tương tự cũng được phô bày gần bên các thánh điện và những gian phòng điểm đạo trong tất cả các ngôi đền thờ cổ, luôn luôn với ngón tay trỏ đưa lên môi. Một hiệu lệnh ngầm có ý tượng trưng: Hãy giữ im lặng về những gì liên hệ đến những gì bí mật thiêng liêng. Còn nhà vua cầm pho tượng nhỏ với một cử chỉ hiến dân có nghĩa là người sẵn sàng hy sinh lời nói của mình và luôn luôn giữ im lặng.

Phía sau thần Hormakhou còn có hình chạm một nhân vật thứ hai thần tượng Sphinx. Đó là ngụ ý gì...

Cũng như vị đạo đồ trong cơn xuất thần đã mất khả năng dùng lời nói trong thời gian điểm đạo, thần tượng Sphinx vẫn luôn luôn im lặng và không hề thốt ra một tiếng nào. Thần tượng Sphinx luôn luôn biết giữ gìn bí mật. Vậy đó là những bí mật gì...

Đó là những điều huyền bí trong cuộc điển đạo.

Thần tượng Sphinx canh gác ngôi đền điểm đạo hùng vĩ nhất của thế giới cổ: Ngọn Kim Tự Tháp.

Những người đi hành lễ ở Kim Tự Tháp thời xưa đều đến từ bờ sông Nil, trước khi đến nơi họ phải đi ngang qua trước thần tượng Sphinx. Trong cái im lặng của nó, thần tượng Sphinx tượng trưng cho sự im lặng và sự bí mật của cuộc điểm đạo.

Như thế vua Pharaon đã được mới tham dự một nghi lễ huyền bí lớn nhất có thể được ban cho con người.

Ba bức hình khác hoàn thành một loạt những cảnh tượng làm lễ điểm đạo, mà ngày nay du khách có thể xen tự do, nhưng ngày xưa chỉ dành cho một số ít người biệt đại. Trên những bức hình đó, người ta thấy những cảnh tượng tiếp theo sau khi nhà vua đã bước qua cửa Huyền Môn.

Trong bức hình thứ hai, nhà vua đứng giữa hai vị thần, Horus trưởng thành và Thoth. Mỗi vị thần này cầm một cái bình rót lên trên đầu vua Ramses, không phải rót nước, mà rót một giòng những thập tự giá có quai tròn tràn ngập đầu và rớt xuống chung quanh vua.

Thoth là vị thần minh triết và bí giáo. Trong hính này, ngài ban cho vua sự hiểu biết bí truyền về những sức mạnh thần bí và minh triết tâm linh, là những điều quý báu đã từng làm cho Ai Cập nổi tiếng như cồn vào thời đại cổ. Ngài cũng là vị thần Nguyệt Tinh. Bởi đó, tất cả các nghi lễ tôn giáo và phù phép có tầm quan trọng bí mật, nhất là những cuộc lễ điểm đạo Huyền Môn, đều diễn ra ban đêm vào những lúc trăng non và trăng rằm, là những giai đoạn mặt trăng có ảnh hưởng lớn nhất.

Hours khi trưởng thành, là thần thái dương. Vai trò của thần Horus trong hình này chỉ rằng, mặc dầu khởi sự vào lúc ban đêm, lễ điểm đạo kết thúc vào lúc ban ngày vào giờ bình minh. Khi những tia nắng đầu tiên của mặt trời sớm mai rọi thẳng vào đỉnh đầu người thí sinh thì vị đạo Trưởng niệm thần chú để y tỉnh dậy.

Trong bức hình thứ ba, vua Ramses trở nên vị đạo đồ đầy minh triết, được hai vị thần khác nắm lấy tay vua để chúc mừng, vừa đưa lên trước mặt vua những thập tự giá có quai, ngụ ý rằng từ nay nhà vua trở nên bạn hữu đồng môn với các đấng thần minh do bởi cuộc điểm đạo vừa trải qua. Trong cảnh cuối cùng, nhà vua dâng một pho tượng nhỏ cho thần Ament - Ra. Đó là pho tượng một vị thần ngồi, có một lông chim cắm trên đầu, tức là thần chân lý, nghĩa là với một sự hiến dâng trọng vẹn, người sẽ hướng mọi tư tưởng và hành vi theo những định luật tâm linh nó cai quản đời sống con người, như đã được tiết lộ cho nhà vua trong cuộc lễ điểm đạo.

Như vậy, những bức hình chạm trổ này đã cho tôi thấy đời sống tâm linh của một vị Pharaon có đạo đức, và phát hiện cho tôi biết vài điều về những nghi thức lễ trong khoa Huyền Môn Ai Cập.

Tôi bước qua cánh cửa ở đầu gian phòng lớn của chánh điện, và đứng trước một bàn thờ nhỏ, ở hai bên có hình tượng vua Pharaon đang chiêm bái và cây linh kỳ của nữ thần Hathor. Ở phía dưới, một lổ hỏng lớn của một nền đá bị sụp lở tối đen ngòm, tôi lấy đèn bấm soi xuống thì thấy chổ sụp lở đó đưa xuống một đường hầm dưới đất. Đó là cái động xây dưới hầm của đền thờ Karnak, có nhiều ngăng cách và hành lang dài. Ở bề mặt cánh cửa lớn, tôi nhận thấy có hai lổ hỏng khác cũng là chổ nền đá bị sụp lở và đưa xuống những đường hầm nhỏ hẹp đầy bụi bặm chưa từng có vết chân người bước đến.

Tôi bèn thám hiểm những con đường hẹp này thì thấy một đường đi xuyên qua động dưới hầm đến chổ thờ thần Khonsou. Đường dưới hầm bao phủ một lớp bụi dầy đặc đến nổi người ta phải nhìn nhận rằng bụi đã đóng ở đây nhiều thế kỷ, tôi cố tìm thấy dấu vết xem có người đã đến đây chăng. Nhưng ngoài những dấu bàn chân, hẳn từ người Ả Rập gác đền thờ Khonsou ở gần bên, tôi không thấy gì nữa, chỉ thấy có những đường cong ngòng nghoèo rất nhiều và xem rất có mỹ thuật được vẽ ra từ hai cái lổ đen bởi một vài con rắn nhỏ.

Những đường hầm đen tối kia và cái động đá bí mật kia có ý nghĩa gì...

Tôi đang tự hỏi như thế, thì cái động thâm u dưới hầm, giống như cái nhà mồ, dường như xuất hiện trước mắt tôi. Tôi nhớ lại cuộc hành lễ cổ truyền tái diển sự chết và sự hồi sinh của Osiris, và cuộc lễ mà tôi đã thấy khắc trên vách đá của thánh điện nhỏ trên nóc bằng của đền thờ Denderah, chính cuộc lễ mà tôi đã nhìn thấy trong linh ảnh và tôi đã sống qua kinh nghiệm bản thân một đêm trong Kim Tự Tháp, chính cuộc lể mà Osiris đã truyền lại từ châu Atlantide cho những vị Đạo Trưởng và tăng lữ của thời cổ Ai Cập.

Tại sao người ta lại làm lể điểm đạo Huyền Môn ở những nơi đen tối và âm u như những chốn này...

Có ba lý do để giải thích câu hỏi đó. Để giữ gìn tuyệt đối bí mật và an toàn cho việc ban phép mầu vừa có tính cách riêng tư lại vừa nguy hiểm. Để làm cho người thí sinh bước vào trạng thái xuất thần một cách dể dàng hơn, bằng cách không cho y nhìn thấy vật gì ở chung quanh và như vậy, để cho y dễ tập trung sự chú ý vào nội tâm. Sau cùng, để có được một hình thức biểu tượng hoàn hảo mà cổ nhân vẫn thích dùng, pohải chăng các vị Đạo Trưởng nhận thấy người thí sinnh vẫn còn ở trong trạng thái vô minh u tối về phương diện tâm linh, vào lúc sắp bắt đầu cuộc lễ điểm đạo... Và sự thức tĩnh của y sẽ dược thực hioện bằng cách mở mắt chào đón những tia sáng mặt trời ở một chỗ khác, nơi đó y sẽ được chở đến sau khi điển đạo, khi đó y đạt được sự giác ngộ tâm linh. Sau một cuộc điểm đạo kéo dài một cách chậm chạp, bắt đầu lúc ban đêm và kết thúc vào buổi trời rực sáng, người đạo đồ đã vượt qua từ sự vô minh hắc ám (đêm tối) đến sự soi sáng tâm linh (ánh sáng).

Cuộc hành lễ điểm đạo Huyền Môn được thực hiện những động đá dưới hầm, hoặc trong những gian phòng đặc biệt bên cạnh thánh điện thâm nghiêm, hoặc trong những thánh điện nhỏ trên nóc bằng của ngôi đền, chứ không bao giờ của một nơi nào khác. Tất cả những nơi này đều bị triệt để cấm nhặt đối với dân chúng, họ không hề dám lại gần, vì những kẻ nào vi phạm sẽ bị những sự trừng phạt rất nặng nề, khủng khiếp. Những vi Đạo Trưởng nhận lấy việc điểm đạo cho một thí sinh, tức là đảm đương một trách nhiệm nặng nề, vì vấn đề sống chết của vị thí sinh nằm trong tay các ngài. Người thí sinh có thể bị thiệt mạng nếu có kẻ nào vô phúc thình lình xuất hiện, làm gián đoạn cuộc lễ điểm đạo thiêng liêng.

Như vậycó khác nào trong khi một người bị bịnh nặng đang chịu một cuộc giải phẩu hiểm nghèo, mà để cho người ngoài cuộc bỗng nhiên đột nhập vào phòng mổ... Nói cho cùng, thì lễ điểm đạo phải chăng không khác gì một cuộc giải phẫu tách rời linh hồn ra khỏi thể xác... Đó là lý do vì sao tất cả những phòng điểm đạo đều được giữ gìn, canh phòng cẩn mật và đặt ngoài vòng xâm nhập của người đời. Những phòng gần bên thánh điện của một ngôi đền lớn, người ta chỉ có thể đi đến sau khi đã vượt qua một đường hẹp tối om, ánh sáng mỗi lúc càng mờ dần từ phía cửa vào, để rồi hoàn toàn biến mất khi người ta đến ngưỡng cửa thánh điện. Khi người thí sinh đã hoàn toàn mê thiếp đi trong cơn xuất thần, thì thể xác y được đặt trong bóng tối âm u của gian phòng, cho đến khi cuộc điểm đạo chấm dứt, người ta mới mang y ra bên ngoài ánh sáng. Còn ở những phòng điểm đạo trong động đá dưới hầm, người ta cũng hành lễ một cách tương tự, tất cả mọi thứ áng sáng đều tắt hẳn trong cơn đồng thiếp, và động đá trở thành cái nhà mồ, nói theo cả hai ý nghĩa tượng trưng và thật sự.

Tôi chui xuống động đá dưới hầm do một lỗ hỏng trên nền đá và thám hiểm một gian phòng tối âm u, tại đây ngày xưa các vị tăng lữ đã cử hành những nghi lễ huyền bí nhất của họ. Xong rồi tôi chui lên khỏi hầm với một cảm giác thoải mái dễ chịu giữa ánh sáng mặt trời êm ấm và không khí trong lành.

Tôi đi qua những cổng vĩ đại của đền thờ Amen Ra, kéo dài cuộc hành hương của tôi giữa những di tích của một thời đại huy hoàng ngày nay đã mất.

Những cổng đền này có lẽ vừa kích thước với những người khổng lồ hơn là với những người trần gian nhỏ bé như chúng ta. Sở thích của người Ai Cập về những kích thước đại quy mô đôi khi đưa đến kết quả là gây một cảm giác rợn người, cũng như trường hợp Kim Tử Tháp lớn gần thủ đô Cairo và những bức

tường rào với những cổng đền mà tôi đang đứng núp dưới bóng mát trong lúc này. Bề dày của những vách tường này đến 15 thước, dẫu cho những thành quách củng không bao giờ cần đến một bề dầy như vậy. Hẳn là người ta ngụ ý rằng thế giới phàm tục bên ngoài phải được ngăn cách để khỏi làm hoen ố vòng thánh thiêng liêng của ngôi đền mà người cổ Ai Cập gọi một cách hãnh diện là "Ngai vàng của thế giới. " Than ôi! Ngai vàng ngày nay đã điêu tàng trong cô quạnh. Khi tôi bước vào sân đền rộng lớn, tôi thấy có một đống gạch ngối còn sót lại của những tòa kiến trúc đồ sộ đã sụp đỗ, chỉ còn vài cây cột trụ đứng trơ vơ giữa cảnh đổ nát hoang tàn. Tôi chậm rãi tiến bước, chân tôi dẫm lên nền đất gồ ghề mọc đầy cỏ dại, nay đã dành lấy chổ của thềm đá hoa đẹp lộng lẫy ngày xưa xây trên một diện tích rộng lớn, chiều dài có đến trên một trăm thước.

Qua khỏi sân đền hình vuông dài, tôi đã đến một cổng cao có chạm đầy những hình nổi sơn màu, và mở ra giữa những tàn tích của một cái cổng khác mà hai cột trụ đá hai bên đã sụp đổ chỉ còn trơ lại một đống đá ngổn ngang dưới ánh nắng thiêu đốt của mặt trời. Ngày nay, cổng đền này cao không dưới ba chục thước. Bảy bậc đá tam cấp cũng đã biệt tích mà những nhà kiến trúc thời xưa xây ở ngoài cổng đền, như những hình thức biểu tượng ám chỉ sử tuần tự tiến hóa của con người từ cõi hạ giới phàm trần lên đến cõi giới cao siêu nhất mà y có thể đạt tới bằng sự phát triển tâm linh. Cũng như nhiều dân tộc khác của những nền văn minh cổ, người cổ Ai Cập diễn đạt ý nghĩa huyền bí của số hệ theo quy mô trật tự của sự cấu tạo vũ trụ càn khôn.

Họ quan niệm rằng ngày thứ bảy hay cõi thứ bảy đem đến sự nghỉ ngơi, sự bằng an tuyệt vời cho con người cũng như cho muôn loài vạn vật trên thế gian. Tôi đã nhận thấy sự hiện diện của con số bảy trong tất cả các đền thờ ở khắp nơi tại sứ này, và dãy hành lang lớn trong Kim Tự Tháp cũng có sự biểu lộ của con số bảy một cách rõ ràng và lạ lùng.

Bởi đó, thật là một điều tự nhiên mà thấy bảy bậc tam cấp, ngày nay đã sụp đổ, được dựng lên ngoài cổng vào tòa kiến trúc cao lớn và hùng vĩ nhất của Karnak, tòa đại sảnh đường của đền thờ Amen Ra.

Tôi bước vào. Một viễn cảnh phi thường, mười sáu hàng cột trụ đá khổng lồ chen chúc nhau xuất hiện trước mắt tôi. Ánh nắng mặt trời rọi xuống cảnh tượng đó, tạo thành một hình ảnh độc đáo mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Mỗi cột trong số 130 cây cột trụ đứng, phát ra một cái bóng dài trên nền đá đã loang lỗ nhiều nơi. Những cột trụ đá trắng dựng lên chơm chởm như một đạo binh khổng lồ, bề chu vi của mổi cột có đến mười thước tây! Thật là kinh khủng, một kỷ thuật kiến trúc đại quy mô không tiền khoáng hậu, vĩ đại vô cùng! Một rừng cây khổng lồ bằng đá trên một diện tích 100 thước bề rộng, thật là một điều rất là Ai Cập!

Tòa đại sảnh dường này phần lớn được xây cất vào hồi triều đại vua Seti, chính vị vua Pharaon này cũng đã xây dựng nên ngôi đền Abydos là nơi tôi đã hưởng một sự yên tĩnh lạ thường. Nhưng ở đây thì cái ấn tượng hùng trán, oai vệ ngự trị khắp cả, nó khêu gợi các hình ảnh của một thời đại đã tàn, mà người ta đã từng thực hiện một công trình vĩ đại như thế. Vua Seti đã không sống được lâu để hoàn thành công trình sáng tạo khổng lồ này. Chính vua Ramsès đại đế đã tiếp tục công trình ấy, ông dùng những khối đá của vùng đồi Aswan dể tạc thành những cây cột trụ to lớn của sãnh đường. Bằng lối kiến trúc đại quy mô đó, cổ nhân đã dụng ý khai phóng tâm hồn cho con người thấy những viễn ảnh rộng lớn, làm cho con người thoát ly ra khỏi cái vòng bẩn chật nhỏ nhen của những tham vọng thường tình, gây nguồn cảm hứng cho y có những hoài bảo to tác và chí nguyện cao cả, giúp cho y mở rộng tầm nhãn quan và nung nấu chí khí để làm những việc vĩ đại phi thường. Nói tóm lại, người ta muốn được giống như vị minh quân Ramsès, xây dựng lên những ngôi đền to lớn vĩ đại, rồi thiết lập chung quanh đó những thành thị kiểu mẫu, nơi đó người ta có thể sống trong ánh sáng của những hoài bảo thanh cao và những lý tưởng siêu việt.

Trời đã sắp sửa về chiều. Tôi còn dừng bước ở nán lại, trong khi mặt trời sắp sửa lặn tỏa ra khắp vùng những ánh hào quang rực rỡ đủ màu. Cuộc hành hương của tôi đã kết thúc. Toàn thể cảnh vật gồn những

đền miếu sụp đổ hoang tàn, những cánh đồng và bãi sa mạc chung quanh nhuộm bao nhiêu sắc màu dồi dào phong phú của bóng hoàng hôn của vùngnhiệt đới, đã đem đến cho tôi một niềm phúc lạc thâm trầm say xưa, lâng lâng thoát tục.

Cái thú vị thần tiên ở chốn này thật thấm thía đậm đà, nó thấm nhuần vào người chúng ta giống như sương mù bao phủ trên sông, một cách từ từ mà ta không hề hay biết, cho đến khi ta nhận thấy rằng nó đã hiện diện khắp chung quanh ta. Nếu người ta không có một linh hồn tinh vi, tế nhị, thì người ta còn thấy gì hơn trong những ngôi đền sụp đổ này, ngoài những đống gạch đá, cát sỏi và bụi bặm... À, phải chứ! Trng sự chiêm ngưỡng như nơi cổ tích hùng vĩ này, chúng ta hãy biết tìm thấy những ấn tượng khác nữa, để khi trở về ta sẽ thấy rung động đến tận tâm hồn, trong lòng tràn ngập một niềm sùng kính thiêng liêng, ý thúc được cái vẻ đẹp huy hoàng và sự tranh trọng tôn nghiêm nó vẫn còn phản phất và tồn tại mãi với thời gian.

Bầu không khí vắng vẻ hoang vu của Karnak đã đem đến cho tôi một điều ích lợi rất lớn. Tôi đã có thể đắm mình trong sự im lặng thần tiênm của nó để hưởng thụ được nhiều lạc thú tâm linh luôn luôn đổi mới.

Thời đại hiện kim không giúp cho chúng ta hưởng cái thú ngồi cô đơn một mình, thế hệ cơ giới ngày nay không còn để cho ta thưởng thức cái vui trong im lặng. Tuy nhiên, tôi tưởng rằng mỗi ngày ta cần phải có một sự ẩn dật tạm thời, dành ít nhiều thì giờ cho một sự trầm tư vắng lặng. Chính bằng cách đó mà người ta hồi phục lại sự bình an của cõi lòng, và nguồn cảm hứng tốt lành sẽ trở về với một tâm hồn chán nản. Đời sống của chúng ta hiện nay giống như một cái nồi súp de sôi sục và rú lên từng chập, con người chỉ biết lăn xả vào đó. Mỗi ngày, người ta càng mất đi sự gần gũi thân mật với chính mình, và lại càng gần gũi thân mật nhiều hơn với cái nồi súp de!

Sự suy tu trầm lặng hàng ngày đem đến những kết quả dồi dào của sự sinh hoạt tâm linh. Do đó người ta có được sự cương nghị trong những giờ phút quyết định, sự can đảm dám sống một cuộc đời độc lập không tùy thuộc vào dư luận của một số đông người, và sự Ổn định tinh thần giữa tất cả những cơn loạn động ồn ào của cuộc đời thế tục.

Đời sống hiện đại có cái tác động tệ hại nhất là nó làm nhục đi cái khả năng suy tưởng thâm trầm. Trong sự náo động ồ ạt của một thành phố lớn, có ai đã dừng chân để nhớ lại rằng đời sống nội tâm của mình đang đi đến chỗ tê liệt... Họ chỉ biết rằng họ đang vội vàng gấp rút, thế thôi. Nhưng luật tự nhiên không hề gấp rút vội vàng. Nó đã phải cần đến bao nhiêu triệu năm để cấu tạo nên cái nhân vật vừa yếu đuối vừa loạn động như con người thời nay. Và rất có thể rằng nó sẽ đợi chờ đến một thời kỳ mà con người biết sống một cuộc đời bình dị hơn, yên tịnh và trầm lặng hơn, để cho y thoát ra khỏi tình trạng đọa lạc và đau khổ mà y tự chuốc lấy cho mình. Chừng đó, con người mới có thể nhìn vào cái nguồn cội thâm sâu của mọi tư tưởng thiêng liêng, nó đã bị vùi lấp đi trong sự náo động cuồng loạn mà y và những kẻ đồng loại đã từng lao đầu vào trong cuộc sống hàng ngày.

Những cuộc thăm viếng của tôi vào giờ ban đêm tại Karnak là những chuyến đi thích thú nhất, nhất là vào đên trăng rằm. Màn đêm Ai Cập bao phủ những ngôi đền cổ với một ánh trăng huyền ảo, nó hé lộ cho ta thấy những khí cạnh thú vị, và che khuất phần còn lại trong một bóng tối thích hợp với những ngôi đền miếu thâm nghiêm này.

Trong những chuyến hành hương về đêm, tôi đã dùng nhiều phương tiện di chuyển khác nhau, mà tất cả đều làm cho tôi thích thú. Tôi đã đi thuyền bườm ngược giòng sông Nil xuôi theo cơn gió thổi mạnh, hoặc cởi lạc đà, hoặc dùng xe ngựa đi theo con đường mòn cũ kỹ, với ít nhiều tiện nghi. Nhưng trong đêm trăng rằm như đêm nay, tôi thấy không gì thích thú hơn là đi bộ, và tôi đã vượt qua quãng đường hai hay ba dặm bằng chân như các vị tăng lữ thời xưa, dầu trong những ngày lễ long trọng rực rỡ của sứ cổ Ai Cập. Một ánh trăng bạc rọi xuống lớp vụi trắng dày đặc bao phủ con đường mòn mà tôi đi qua. Thỉnh thoản, những con dơi lớn vỗ cánh trên không và kêu to rồi bay mất dạng. Ngoài ra không còn tiếng động nào nữa,

một cái im lặng thâm trầm xâm nhập chiếm lấy cả vùng chung quanh cho đến khi tôi bước chân đến làng Karnak. Trên con đường làng, thỉnh thoảng tôi gặp một vài người đi lưa thưa, tay xách một ngọn đèn lồng nhỏ ánh sáng lập lòe, những ánh đèn dầu khi mờ khi tỏ chiếu ra ngoài những cửa sổ hai bên đường. Thỉnh thoảng tiếng chân người làm cho vài con chó cất tiếng sủa vang.

Đế đầu đường, tôi thấy nhô lên trước mặt tôi cái cổng đền màu bạc của vua Ptolémeé, giống như một tháp canh khổng lồ gìn giữ mặt ngoài của ngôi đền lớn mà nóc nhọn vương lên trên nền trời xanh thẩm.

Vì là ban đêm, nên cổng đền đã bị ngăn lại bằng một bức rào. Tôi đánh thức người gác cổng đang ngủ trong một cái chòi tranh gần bên, ngọn đèn bấm sáng trưng của tôi làm cho y nheo cặp mắt đỏ ngầu đang ngái ngủ. Sau khi đã mở cổng cho tôi bước vào, tôi đưa cho y một món tiền thù lao để đền bù việc làm y thức giấc nửa đêm, và y đã cho tôi đi lại tự do. Tôi bước qua sân đền và ngồi trong vài phút giữa đống tảng đá ngỗn ngang của một cái cổng thứ nhì đã sụp đổ, cổng này ngày xưa đứng ở chỗ cuối sân trước khi đưa vào phòng đại sảnh đường. Tôi suy tư một lúc về sự cao cả huy hoàng xưa kia của đền thờ Amen Ra ngày nay đã suy tàn. Một lúc sau tôi đã đứng giữa cột trụ hùng vĩ và những cảng tượng loang lỗ điêu tàn của tòa đại sảnh đường. Ánh trăng khuya soi xuống các cột trụ, tỏa xuống nền đất những bóng đen dầy, làm cho những hàng chữ ám tự khắc trên cột ẩn hiện chập chờn khi mờ khi tỏ. Tôi tắt ngọn đèn bấm để thưởng thức cái đẹp của đêm trăng, nó làm cho toàn thể ngôi đền đượm nét ảo huyền như cảnh mộng. Trước mặt tôi là cây trụ thạch (obélisque) của nữ hoàng Hatchepsou, vương mình lên cao giống như một cây kim khổng lồ bằng bạc.

Tôi vừa từ từ bước trong bóng tối mờ đến những nơi thánh điện ở phía sau những dãy cột trụ khổng lồ của đại sảnh đường, thì tôi có cảm giác mơ màng dường như có sự hiện diện nào ở bên tôi... Tuy nhiên, ít nhất là mười lăm thế kỷ đã trôi qua mà những người sùng tính không còn đặt chân đến những nơi đền miếu hoang tàn này nữa. Những tượng thần bằng đá bị sứt mẻ cũng đã chịu đựng trong sự im lặng cô đơn đó đã từng bấy nhiêu lâu, tôi cũng biết rằng xứ Ai Cập ngày nay không có một người nào còn sự tin tưởng và truyền bá nền tôn giáo cổ. Vậy tại sao tôi cảm thấy có sự hiện diện của người sống chung quanh tôi, trong ngôi đền đã chịu sức tàn phá của thời gian và đắm chìm trong sự im lặng của nhà mồ... Tôi rọi đèn khắp nơi, soi khắp các cột trụ cùng vách tường, những đống gạch đá sụp đổ ngổn ngang mà những thền đá sứt mẻ, cũng không thấy có dấu vết của một bóng người.

Tôi lại rảo bước tiến tới, một mình cô quạnh trong đêm khuya, tôi vẫn không sao thoát khỏi cái cảm giác ám ảnh đó. Ban đêm luôn luôn đem đến những sự sợ hãi rùng rợn của nó, luôn luôn làm tăng thêm sự sợ sệt của ta dẫu cho lúc đầu đó chỉ là những sự e ngại nhỏ nhặt. Tôi đã từng chấp nhận và mến yêu những đêm ấm áp và yên tĩnh của xứ Ai Cập, mà cái thú vị thần tiên đã thâm nhập vào người tôi. Nhưng đêm nay thì lại khác hẳn: Những ngôi đền sụp đổ tàn tạ này dưới ánh trăng huyền ảo có những nét hầu như rùng rợn. Tôi ý thức được một cảm giác bức rức khó chịu dưới ảnh hưởng của giờ đêm khuya khoắt và của nơi chốn này. Tại sao...

Tôi đi lần theo con đường lót đá cũ đưa đến những ngôi kiến trúc điêu tàn ở về hướng bắc, và đến cái miếu nhỏ thờ thần Ptah. Tôi đi qua cái sân hẹp có nhiều cột và một cửa khác, tôi đã bước vào thánh điện. Một ánh trăng rọi vào một trong những bức tượng kỳ lạ nhất của Karnak, đó là pho tượng nữ thần Sekhmet, với thân thể một nữ nhân, đầu sư tử. Truyện thần thoại Ai Cập gán cho nữ thần này cái vai trò trừng phạt và tiêu diệt nhân loại.

Tôi ngồi xuống một bậc thềm đá, và nhìn xem ánh trăng soi xuống những bức tường đổ nát. Từ xa xa, vọng lại một tiếng kêu rùng rợn của một con chó rừng săn mồi. Tại đây trong trạng thái thụ cảm, tôi lại cảm thấy trong lòng tôi có cái ấn tượng về một sự hiện diện vô hình, pha lẫn sư sợ sệt hoang mang.

Phải chăng những vong hồn của các vị tăng lữ thời xưa, của những đám đông tín đồ tôn sùng hãy còn

lởn vởn ở chung quanh những nơi đền miếu cổ xưa này... Hay họ vẫn còn khấn vái cầu nguyện thần Ptah, tay cầm một linh trượng tượng trưng cho quyền lực và sự Ổn định... Phải chăng vong hồn các vị tăng lữ và vua chúa thời xưa nay vẫn còn phảng phất trong những tòa đền đài cổ của họ, những hình bóng sống động, tuy không còn thể chất...

Tôi tình cờ nhớ lại câu chuyện la lùng mà tôi được nghe thuật lại do một người bạn, mộ viên chức người Anh tùng sự với chánh phủ Ai Cập tại Cairo. Người bạn tôi đã gặp một thanh niên giòng quý tộc ở Anh Quốc đến Ai Cập trong vài tuần để đi du ngoạn và xem thắng cảnh. Đó là một thanh niên vô tư lự, chỉ biết ưa thích sự sa hoa vật chất. Từ Louqsor, y đến Karnak vào một buổi trưa và chụp một bức ảnh tòa sảnh đường của đền thờ Amen Ra. Khi tấm hình được rửa xong, y lấy làm ngạc nhiên mà nhìn thấy trong đó có hình một vị đại tư tế Ai Cập, đứng dựa lưng vào một cột trụ đá, hai tay khoanh trên ngực. Y cảm thấy rúng động trong tâm hồn đến nỗi tâm tính y hoàn toàn thay đổi. Kể từ đó, người thanh niên này chăm chỉ khảo cứu học hỏi về các hiện tượng thần bí và các vấn đề tâm linh.

Tôi vẫn ngồi yên trên thềm đá, không còn muốn đứng dậy. Lúc ấy tôi đã đắm chìm trong một cơn suy tư triền miên không dứt, giữa những hình tượng câm lặng của các vị thần.

Nửa giờ trôi qua như thế, kế đó tôi bước vào trạng thái mơ màng. Một tấm màng dường như rơi xuống che phủ tầm nhãn quang của tôi, tất cả sự chú ý của tôi đều tập trung vào một điểm ở khoảng giữa hai chân mày, sau d0ó một luồng ánh sáng kỳ diệu phi thường, không hề thấy ở trần gian, bao phủ lấy tôi. Trong ánh sáng đó, tôi thấy một người đàn ông màu da sậm, vai rộng và cao, đứng gần một bên tôi. Khi tôi ngẩng mặt lên để nhìn người ấy thì y cũng day mặt lại và ngó ngay tôi.

Tôi rung rẩy dưới cơn xúc động, khi tôi nhận ra y. Vì người ấy không phải ai xa lạ, mà... chính là tôi!

Người ấy có một khuôn mặt giống như của tôi bây giờ, nhưng y mặc y phục của xứ Ai Cập thời cổ. Đó không phải là bậc vương giả hay một người dân bình thường, mà là một tăng lữ với một cấp bậc nào đó, mà tôi nhận ra ngay do cái mão và chiếc áo của y.

Luồng ánh sáng lan rộng một cách mau chóng chung quanh y và lan ra tận phía sau, cho đến khi nó bao trùm một cảnh tượng diễn ra bên một bàn thờ: Nhân vật trong linh ảnh của tôi bắt đầu cử động và từ từ tiến đến chỗ bàn thờ. Khi y đến nơi bèn chấp tay cầu nguyện thì thầm...

Khi y bước đi, tôi cũng bước đi với y; khi y cầu nguyện, tôi cũng cầu nguyện với y, không phải như một người ngoài cuộc đi kèm theo một bên y, mà cũng như chính tôi là người ấy. Một linh ảnh mâu thuẫn: Trong đó tôi vừa là khán giả lại vừa là diễn viên. Tôi nhận thấy người ấy đang đau sót đến tận đáy lòng, vì tình trạng xứ sở của y, y động mối thương tâm ví nhìn thấy xứ cổ Ai Cập đang lâm vào cảnh suy tàn.

Trên hết mọi sự, y đang đau khổ mà nhìn thấy nền tôn giáo thiêng liêng của y đang lọt vào bàn tay nhơ bẩn của những kẻ bất lương tàn bạo. Trong cuộc cầu nguyện, y luôn luôn khẩn cầu các vị Thánh Thần hãy ra tay cứu vớt nền chân lý cho dân tộc của y. Nhưng sau cùng, Cơn buồn thảm của y vẫn không vơi, vì y không nhận được một lời ứng đáp nào và hiểu rằng sự suy tàn của Ai Cập là một điều không thể cứu vãn. Y bèn lui ra trong cơn thất vọng, và nét mặt ưu tư, lòng buồn rười rượi. Ánh sáng ấy trở lại, vị tăng lữ đã biến mất cùng với cái bàn thờ. Tôi vẫn ngồi trơ một mình, trần lặng suy tư gần bên đền thờ Ptah, một lần nữa. Lúc ấy tôi cũng đang nét mặt ưu tư và lòng buồn rười rượi...

Phải chăng đó chỉ là một giấc mơ, do các khung cảnh đặc biệt chung quanh tôi lúc ấy gây nên...

Phải chăng đó là sự cuồng loạn của một khối óc suy tư...

Phải chăng đó là sự thoát thai của một ý nghĩ tìm tàng gây nên bởi lòng tha thiết cuả tôi đối với dĩ

vãng...

Phải chăng đó là do nhãn quang thần bí khiến cho tôinhìn thấy vong hồn của một vị tăng lữ thât sự đã xuất hiện ở ngay chổ...

Hay phải chăng đó là cái ký ức xa xôi về một tiền kiếp cuả tôi khi xưa ở Ai Cập...

Đối với tôi, thì vì tôi nhận biết biết rõ sự cảm xúc của tôi đã căng thẳng đến mức độ nào trongkhi và sau khi tôi có cái linh ảnh đó, nên tôi chỉ có thể có một câu trả lời. Người khôn ngoan không bao giờ kết luận vội vàng, vì sự thật là một cái gì quá mỏng manh mà ta khó nắm chắc. Cổ nhân đã từng nói rằng sự thật nằm ở tận đáy của một cái giếng vô cùng sâu thẩm. Dẫu rằng thế nào, tôi nhìn nhận rằng tôi phải trả lời là đúng cho câu hỏi cuối cùng.

Nhà bác học Einstein đã bõ cái quan niệm bảo thủ vẫn có từ trước về vấn đề thời gian. Ông đã chứng minh bằng toán pháp rằng người nào có thể quan niệm sự vật theo hệ thống bốn chiều đo sẽ nhìn dĩ vãng và hiện tại với một tầm hiểu biết khác hẳn với quan niệm thông thường của người đời. Điều đó có thể giúp cho ta hiểu rằng thiên nhiên vẫn giữ một ký ức toàn vẹn về dĩ vãng, nghĩa là tất cả sự diễn biến trong vũ trụ trong hàng bao nhiêu thế kỷ đã qua đều vẫn còn tồn tại trong ký ức thiên nhiên. Do đó tôi mới hiểu bằng cách nào, trong những cơn thiền định thâm sâu, người ta có thể giao cảm một cách bí mật và tự nhiên với cái ký ức đó.

Chương 11: Tôi Gặp Một Vị Chân Sư

Cách vài dặm phía tây bờ sông Nil ở Louqsor, một dãy đồi màu nâu sậm tách khỏi nền trời, ngăn cách vùng thung lũng phì nhiêu với vùng sa mạc Lybie. Dãy đồi này che khuất một truông núi khô khan dưới ánh nắng như thiêu đốt của mặt trời, không một ngọn cỏ mọc, toàn là đá tảng và cát nóng, không một sinh vật nào sống tại đó chỉ trừ loài rắn rết và bồ cạp. Đó là vùng nghĩa địa chôn xác chết của thành Thèbes thuở xưa, ngày nay đã biệt tích. Nhiều xác ướp hãy còn nguyên vẹn đã được bốc ra khỏi những hầm hố tối tăm trưng bày trước mắt công chúng tại những viện bảo tàng lớn ở Âu Mỹ.

Tôi đang sưu tầm khảo cứu về nhiều vấn đề trong những ngôi lăng tẩm và những ngôi đền lộ thiên ở cách thung lũng này chừng vài dặm, và trong những dấu vết còn xót lại của thành Thèbes cổ xưa vừa mới được đào xới lên khỏi mặt đất ở ven miền sa mạc phía Tây. Để thực hiện chuyến đi thám hiểm đó từ Louqsor, không có phương tiện di chuyển nào tốt hơn là một con lừa, vì giống lừa có một bước đi vững chắc, biết tìm đường vạch lối đi xuyên qua những tảng đá lởm chởm, tránh những đá sỏi bén nhọn và những bờ vực thẳm.

Đó là những cuộc du hành lý thú, do đó tôi có dịp thỏa mãn sự khao khát hiểu biết, tìm tòi những tài liệu cổ về những pháp môn bí truyền và những hoài bảo tâm linh của thành Thébes cổ xưa nay đã bị chôn vùi dưới mặt đất. Tôi cũng đã ghi nhận những dấu vết huyền linh còn xót lại trong bầu không khí của vài ngôi mộ cổ, hãy còn chưa xóa mờ cái ảnh hưởng của sự suy tàn và kiệt quệ tâm linh đã làm cho giòng dõi của một dân tộc kiêu hùng và cao cả của thời xưa rơi vào bàn tay ô uế của những kẻ thực hành khoa Bàng môn tả đạo.

Trong chuyến du hành thám hiểm đó, tôi đã gặp một bậc dị nhân và có dịp đàm đạo với ngài. Trước hết, tôi đã do dự không muốn tường thuật lại câu chuyện giữa chúng tôi, bởi vì tôi không thể kiểm chứng bằng những cuộc sưu tầm riêng những điều mà ngài đã tuyên bố, và bởi vì những điều ấy có thể làm cho cài thế hệ hoài nghi của chúng ta ngạc nhiên, hoặc đem bậc dị nhân ấy làm một đề tài diễu cợt, và tất nhiên là có cả tôi vì tôi đã cho rằng những chuyện hoang đường như thế có thể đem tường thuật lại cho quý độc giả. Tuy nhiên, tôi đã cân nhắc đắn đo hơn thiệt, và tôi thấy cần phải thuật lại. Hơn nữa, đó là ý muốn của bậc dị nhân ấy, ngài muốn tôi công bố điều mà hình như ngài cho là quan trọng cho thế hệ hiện đại.

Tôi đã sưu tầm trong những ngôi mộ cổ trên thung lũng từ sáng sớm đến quá trưa. Để trở về nhà mau hơn, tôi noi theo con đường tắt vượt qua các ngọn đồi và tránh con đường vòng quanh xa lắc dưới đồi. Lên đến đỉnh đồi, tôi bước xuống đất để cho con lừa nghỉ mệt một lúc vì nó đã thở hổn hển. Thừa dịp đó, tôi ngắm cảnh hùng vĩ ngoạn mục ở xa xa, dài ra đến tận chân trời. Đỉnh ngọn đồi này cao hơn cả các ngọn đồi khác, và ngự tri khắp vùng đồng bằng ở chung quanh. Màu cát vàng của sa mạc tương phản rõ rệt với nền xanh tươi của đồng ruộng đã được tưới nước. Một sự yên tĩnh lạ thường bao trùm khắp cả, và thấm nhuần vào người tôi với một cảm hứng tâm linh dồi dào. Người ta có thể cảm thông với thiên nhiên một cách tuyệt diệu không đâu hơn chỗ này. Bốn bề hoàn toàn im lặng, tôi cảm thấy rằng hình như tôi đã cắt đứt mọi sợi dây liên lạc với thế giới bên ngoài.

Tôi vừa quay lại, và đi vài bước thì chính lúc đó, tôi nhìn thấy người lạ mặt. Người ngồi xếp bằng hai chân tréo, trên một tảng đá mà người đả cẩn thận trải lên đó một mảnh vải lót. Đầu bịt khăn trắng, hai bên mép tai để lộ mái tóc huyền có điểm bạc. Người ngồi yên bất động, và dường như đắm chìm trong sự chiêm ngưỡng cảnh vật thiên nhiên diễn ra dưới tận chân đồi. Tác người hơi nhỏ, với đôi bàn chân nhỏ, người mặc một chiếc áo xám đen rộng, dưới cằm có một chòm râu ngắn. Người có vẻ trạc độ tứ tuần. Tôi

không kịp nhìn thấy mắt người trước khi người day mặt về phía tôi. Khi tầm nhãn quang của người phóng về cặp mắt tôi, tôi cảm thấy một cách khó tả rằng tôi đang đứng trước một người phi thường. Sự gặp gỡ này chắc chắn sẽ in sâu mãi vào ký ức tôi.

Trên gương mặt đặc biệt ấy, trước hết đôi mắt đã làm cho tôi bị lôi cuốn một cách lạ lùng. Đó là một đôi mắt lớn, hình bầu dục cân đối hoàn toàn, đẹp và trong sáng. Tròng trắng tinh anh tương phản rõ rệt với tròng đen như huyền làm cho đôi mắt có một nét thâm trầm thoát tục.

Chúng tôi im lặng nhìn nhau suốt hai phút đồng hồ. Cái phong độ Oai nghi và trang trọng trên nét mặt của người này làm cho tôi cảm thấy rằng tôi nên giữ lễ mà không nên mở lời trước. Tiếc thay, tôi không thể nhớ những gì người đã nói trước tiên, vì trí óc của tôi hình như bị bao phủ trong một lớp sương mờ trước khi người bắt đầu cất tiếng. Một bộ phận nào bí mật thình lình hoạt động trong người tôi, khiến cho tôi nhìn thấy một linh ảnh đặc biệt. Tôi thấy quay tít trước mắt một cái luân xa chiếu ánh sáng rạng ngời, những sự trói buộc của thể xác hình như tách rời khỏi nơi tôi và tôi đã rơi vào một trạng thái tâm thức siêu việt, phi phàm.

Khi cái linh ảnh đó chấm dứt, thì người lạ mặt đang nói chuyện với tôi. Tôi định tĩnh tinh thần, thì mới hiểu rằng lúc ấy tôi vẫn đang đứng đó, trên đỉnh ngọn đồi cao nhất vùng Thèbes và một cảnh tượng hoang vắng cô liêu đang diễn ra trước mắt và ở chung quanh tôi.

Tôi bèn cất tiếng chào dị nhân bằng một tiếng thổ ngữ Ả Rập. Người đáp lại bằng tiếng Anh với một giọng rất đúng. Nếu lúc ấy tôi nhắm mắt lại, có lẽ tôi đã tưởng đó là của một người Anh tốt nghiệp đại học Oxford hay Cambridge, chớ không phải là một người phương Dông mặc áo rộng. Trước khi tôi định nói câu gì để vào đề, thì như bị thúc đẩy bởi một sức mạnh bên trong, tôi cất tiếng nói:

- Thưa ngài, tôi chắc ngài đã biết rằng tôi vừa trải qua một kinh nghiệm khác thường khi tôi vùa đứng đây, ở bên cạnh ngài.

Và tôi bèn diễn tả cái linh ảnh lạ lùng khi nảy. Dị nhân nhìn tôi một cách mơ màng, rồi hơi nghiêng đầu rồi nói một cách thản nhiên:

- Phải tôi hiểu.

Tôi rất thụ cảm đối với những ảnh hưởng huyền linh, tôi nói tiếp, vì điều ấy đến với tôi trong khi tôi được tiếp xúc với ngài, nên nó làm cho tôi tin rằng ngài có những huyền năng lạ lùng.

Đôi mắt của dị nhân lại nhìn tôi một cách chăm chú. Sau một lúc ngài nói:

- Chính tôi đã có ý gây cho ông cái kinh nghiệm đó. Tôi muốn rằng nó đem cho ông một thông điệp không lời. Thật đúng như vậy.

- Ngài muốn nói chi...

- Tôi muốn cho ông nhận ra cái pháp vị của tôi trước đã.

Thật đúng như tôi nghĩ. Tôi đã nhận thấy nơi dị nhân tất cả những ấn chứng rõ rệt về cái quả vị cao cả của một đạo gia siêu thoát. Dầu cho tôi có cái kinh nghiệm lạ lùng vừa rồi, tôi chỉ nhìn vào đôi mắt của người, cũng đủ cho cái cảm tưởng của tôi được xác nhận bằng trực giác.

Đôi mắt huy hoàng cao cả ấy bắt buộc người ta phải chú ý và khâm phục. Đôi mắt lớn, sáng ngời phóng những tia điện lực mạnh mẽ oai hùng, và khi người nhìn tôi, thì đôi mắt ấy đứng yên một chỗ rất lâu. Khi tôi nói chuyện với người, tôi cảm thấy đôi mắt ấy vừa có cái quyền năng soi thấu mọi sự đều có mảnh lực

thôi miên. Đôi mắt ấy thấu suốt và ngự trị linh hồn tôi. Dôi mắt ấy vạch trần những điều bí ẩn trong tâm hồn tôi và làm cho tôi trở nên thụ động trước mảnh lực của chúng. Tôi nói:

- Thật là một diễm phúc bất ngờ cho tôi, người duy nhất mà tôi được gặp ở nơi thanh vắng này lại là một đấng cao cả ở quả vị của ngài.

- Thật vậy sao... Dị nhân đáp. Riêng tôi, tôi không ngạc nhiên. Thời giờ đã điểm cho cuộc gặp gỡ của chúng ta hôm nay, giữa ông và tôi. Không phải là do sự tình cờ mà ông vừa nói chuyện với tôi. Tôi nói cho ông biết, một quyền năng cao cả hơn sự ngẫu nhiên tình cờ, trước hết đã ra lệnh, và sau đó sắp đặt cuộc gặp gỡ của chúng ta.

Tôi lắng nghe, mà trong lòng hồi hộp trông chờ những gì sẽ đến. Những tư tưởng xẹt đảo xáo trộn. Tôi đã phải làm một cố gắng để tự trấn tĩnh và nắm vững tình hình. Tâm hồn tôi lúc ấy thấm nhuần một sự tôn kính tự nhiên đối với một người co mộtù trình độ tâm linh cao cả như thế.

Dị nhân mới nói cho tôi biết bằng cách nào định mệnh con người khiến cho người nọ gặp gỡ người kia trên bước đường đời dưới sự thúc đẩy của những mãnh lực vô hình, bằng cách nào những sự trùng hợp ngẫu nhiên bề ngoài thật ra là kết quả sự diễn biến của một sợi dây nhân duyên nối liền nhiều khoen đã kết hợp nhau từ trước và có tác dụng gây nên vài hậu quả. Người còn nói với tôi nhiều điều khác nữa, và thản nhiên đề cập đến mình, người tự giới thiệu một cách khách quan và không chút tự hào rằng người là một vị chân sư. Người nói:

- Đó là danh từ mà tôi thích dùng hơn mọi danh từ khác, nó thích hợp với người xưa, kể cả người cổ Ai Cập, nó cũng thích hợp với tôi. Ngày xưa, một chân sư được mọi người biết và quả vị của người được thế gian nhìn nhận. Ngày nay, người ta không biết đến nữa, và sự hiện diện của người là một đề tài gây nên những sự châm biếm mỉa mai. Nhưng bánh xe tiến hóa vẫn quay luôn, thế kỷ này phải nhìn nhận rằng luật tiến hóa tâm linh vẫn hoạt động không ngừng, và không khỏi tạo nên những người có thể hoạt động tự do trong thể chất tâm linh tuy họ vẫn mang thể xác phàm.

Tôi cảm thấy dị nhân nói có lý. Đúng vậy, đó là một trong những bậc siêu nhân mà truyền thống Đông phương vẫn thường nói đến, một trong những vị chân sư đã từng tham dự trong đại đoàn Chưởng giáo và biết rõ những điều huyền diệu của cõi giới tâm linh mà người trần gian không hề được biết.

Thay vì để cho bị phiền nhiễu bởi thế gian ô trược, các ngài âm thầm hoạt động trong vòng im lặng và bí mật. Khi nào thấy cần tiếp xúc với người đời, các ngài thường dùng các đại tử làm trung gian, những vị này đôi khi cũng phải chịu đựng những sự chỉ trích cùng tiếng thị phi của kẻ phàm phu tục tử.

Vị Chân sư này cho biết rằng người ta có thể trao đổi tư tưởng với những vị Chân sư khác tùy theo ý muốn và dầu ở cách xa bao nhiêu trong không gian. Người nói thêm rằng một vị Chân sư có thể tạm thời xử dụng thể xác của một người khác, thường là thể xác của một vị đệ tử, bằng một phương pháp gọi là nhập xác, nghĩa là linh hồn vị Chân sư nhập vào thể xác của đệ tử, vị này sẵn sàng hiến dâng thể xác mình một cách thụ động.

Chân sư nói với tôi với một nụ cười nhỏ nhẹ:

- Tôi đến đợi ông ở đây. Ông là văn sĩ, mà tôi thì có một thông điệp để nhắn nhủ với người đời. Ông sẽ ghi chép thông điệp ấy do tôi nói cho ông viết, vì đó là việc quan trọng. Cuộc gặp gỡ của chúng ta hôm nay chỉ là phần đầu thôi đấy, ông Paul Brunton.

Tôi thụt lùi vì ngạc nhiên. Làm sao ngài biết được tên tôi... Thật đúng là các Chân sư có quyền năng đọc được tư tưởng người khác dầu rằng ở cách rất xa. Tôi mạo muội hỏi ngài:

- Tôi có thể được biết quý danh của ngài chăng...

Chân sư im lặng một lúc và nhìn phong cảnh ở đằng xa. Tôi nhìn gương mặt cao quý của ngài và đợi câu trả lời. Sau cùng ngài nói:

- Được, chỉ để ông biết riêng mà thôi, chứ không phải để ông viết sách. Tôi không muốn tiết lộ tên thật của tôi. Ông hãy gọi tôi là Ramak Hotep. Đó là một tên Ai Cập thời cổ và tôi ngờ rằng các nhà Ai Cập học hiện đại có thể hiểu rõ ý nghĩa của nó. Theo tôi nó nghĩa là Bằng An. Xứ Ai Cập không phải là quê hương của tôi. Hiện nay, quê hương của tôi là toàn thể thế giới. Tôi đã từng châu du khắp cả năm châu bốn bể. Tôi chỉ có thể xác của người phương Đông, còn về tinh thần thì tôi không tùy thuộc mộ xứ nào nhất định. Tâm hồn tôi chỉ thuộc về bằng an.

Ngài nói khá mau với một giọng hùng hồn mạnh mẽ, nhưng rõ ràng là ngài hoàn toàn tự chủ lấy những xúc cảm của mình. Trong khoảng trên một tiếng đồng hồ, chúng tôi nói chuyện về các vấn đề tâm linh, ngồi trên đỉnh đồi dưới ánh nắng mặt trời nóng gay gắt, nhưng tôi không thấy khó chịu vì chân sư và câu chuyện của ngài chiếm cả tâm hồn tôi. Ngài nói những vấn đề liên quan đến thế giới bên ngoài và những vấn đề khác chỉ có liên hệ đến một mình tôi. Ngài đưa cho tôi những chỉ thị rõ ràng, và dạy tôi những pháp môn đặc biệt về sự tu luyện cá nhân của tôi để đạt tới một trình độ tâm linh và giác ngộ cao hơn trình độ của tôi hoện giờ. Ngài nói một cách thành thật, vả thậm chi cũng nghiên khắc vhỉ trích những sự lầm lạc cá nhân đã gây một vài chướng ngại trên bước đường tu luyện của tôi. Sau cùng, ngài hẹn gặp lại tôi vào ngày hôm sau, gần một nơi thánh điện bên bờ sông Nil, trong đền thờ Louqsor.

Kế đó, vẫn không rời khỏi chỗ ngồi trên tảng đá, ngài từ biệt tôi và lấy làm hối tiếc rằng ngài không thể kéo dài cuộc đàm luận với tôi vì ngài đang rất bận rộn và có nhiều việc phải làm trong lúc ấy.

Tôi lấy làm tiếc mà phải đứng dậy ra về và tạm biệt chân sư, vì cuộc đàm đạo với ngài vô cùng thú vị và hấp dẫn, nó có phong vị gây nguồn cảm hứng và nâng cao tâm hồn.

Đường đi xuống chân đồi rất dốc và trơn trợt, tôi phải đi bộ xuyên qua những tảng đá lớn, một tay tôi cầm dây cương dắt con lừa. Xuống đồng bằng, tôi liền cỡi lên lưng lừa và quay lại một lần cuối để nhìn lên đỉnh đồi hùng vĩ.

Chân sư Ramak Hotep vẫn chưa đứng dậy ra về mà vẫn ngồi yên trên đỉnh đồi hoang vắng. Ngài có thể làm gì ở đó, tuy "Rất bận rộn, " nhưng vẫn ngồi yên như pho tượng... Ngài sẽ còn ngồi ở đó chăng, khi màng đêm rơi xuống bao phủ lấy trọn dãy đồi Lybie...

Chương 12: Thông Điệp Của Chân Sư

Như đã hẹn, cuộc gặp gỡ lần thứ hai giữa chúng tôi diễn ra giữa những cảnh hoang tàn của đền Louqsor. Tôi ngồi trên một tảng đá dài có khắc đầy chữ ám tự bên cạnh chân sư, ngài cũng ngồi xếp bằng hai chân và nhìn tôi.

Quyển sổ tay của tôi đã mở sẵn, tôi cầm bút ngồi đợi, sẵn sàng ghi chép thông điệp của chân sư bằng tốc ký. Chân sư Ramak Hotep không phí thời giờ với những lời khách sáo rườm rà, ngài vào đề một cách đột ngột:

- "Những người khai quật các mồ mả của xứ cổ Ai Cập để giải tỏa những sức mạnh nguy hiểm cho thế gian. Những nhà khảo cổ cũng như những kẻ đào mồ để cướp của, đã vô tình khai quật mồ mả của những kẻ ngày xưa thực hành khoa tả đạo bàng môn. Trong thời kỳ cuối cùng của lịch sử Ai Cập, những người thuộc thành phần trí thức và tăng lữ đã sa đọa rất nhiều, người ta thực hành công khai những tà thuật ma giáo và pháp môn phù thủy. Khi ánh sáng chân lý, đầu tiên được phổ biến trong nền tôn giáo chân chính cổ Ai Cập, bắt đầu lưu mờ, và những tà thuyết dị đoan, duy vật càng ngày càng lộng hành, người ta thấy xuất hiện việc tẩm xác ướp với tất cả nghi lễ phiền phức kèm theo đó. Tuy nhiên, đàng sau những tà giáo là bày ra sự thực hành việc tẩm xác người với những mục đích ám muội, đen tối và tà vạy, còn có một chi phái chủ trương việc ướp xác để duy trì một sự liên lạc lâu bền với cõi hồng trần.

"Lúc khởi thủy thì khoa ướp xác chỉ áp dụng cho những vị thánh vương cùng hoàng kim thời đại, của thời kỳ tiền sử Ai Cập và cho những vị Đạo Trưởng đã tiến hóa cao về phương diện tâm linh, là những sứ giả chân chính của Thượng Đế, để cho thể xác đã thấm nhuần thần lực thiêng liêng của các ngài vẫn còn tồn tại lâu bền và làm cái trung gian ban rải thần lực cho thế gian.

"Từ đó mới nảy sinh ra sự thờ phượng tổ tiên, những thi hài được tẩm chất thơm chỉ là để theo một nghi lễ chánh thức nhằm mục đích để cho con cháu biết mặt những tổ tiên đã qua đời. Thật ra đó là cách bắt chước sai lạc cách thực hành khoa ướp xác thời cổ Ai Cập để giữ gìn những di tích thánh thiện của các vị Thánh vương và tăng lữ chân tu. Vì trong thời gian tàn tạ suy vong trở về sau, khi xứ này mất đi nguồn ánh sáng tâm linh chân chính, và người ta dùng tà thuật để kêu gọi những sức mạnh hắc ám của cõi âm ty, những người trí thức trong giới tăng lữ và giai cấp cầm quyền chỉ định rằng người ta phải ướp xác của họ sau khi chết. Người ta thực hành việc ướp xác này, hoặc vì mục đích dùng tà thuật hắc ám, hoặc vì sợ mất linh hồn trong cõi địa ngục mà họ sẽ bước vào sau khi chết, hoặc chỉ biết làm theo tập tục của phần đông. Trong hầu hết mọi trường hợp, trước khi chết mỗi người đều lo sắp đặt mọi việc và đã chuẩn bị sẵn ngôi mộ của mình từ khi còn sống. Khi đã sắp đặt xong thì đương sự hoặc một vị tăng lữ rành về khoa pháp môn mới kêu gọi một âm binh hay quỷthần, có khi là một vị thần tốt lành nhưng thường thì là thần hung ác, để bảo vệ trông nom cái xác ướp của y và làm thần canh gác giữ mồ.

"Để bảo vệ những xác ướp đó, lúc đầu những ngôi mộ được che dấu mộ cách kỹ lưỡng và sau đó người ta tuyên bố với công chúng rằng người nào động chạm đến các mồ mả sẽ bị các thần linh trừng phạt một cách nặng nề kinh khủng. Dân chúng tin theo lời cảnh cáo đó và những mồ mả được tôn trọng suốt một thời gian rất lâu. Nhưng vì các tăng lữ và giới cầm quyền càng ngày càng sa đọa nhiều hơn gấp đôi lần nên dân chúng dần dần không còn tin tưởng nữa. Từ đó việc khai quật mồ mả diễn ra một cách công khai để cướp klấy vàng ngọc châu báu được chôn theo những xác ướp của những nhân vật quyền quý thời xưa.

"Trong trường hợp xác ướp là của một người có ít nhiều hiểu biết về khoa pháp môn hoặc đặt dưới sự trông nom của các nhà phù thủy, thì những vị thần linh được kêu gọi để giữ gìn mồ mả và trừng phạt

những kẻ đào mồ. Những phù phép bí mật đó thường vô cùng nguy hiểm nhưng rất hiệu nghiệm. Những mảnh lực thần bí của nó vẫn có trong những ngôi mộ khép chặt và có thể tiếp tục tồn tại ở trong suốt nhiều ngàn năm. Bởi vậy những nhà khảo cổ vô tình khai quật những mồ mả đó sẽ chuốt lấy những điều tai họa hiểm nghèo.

"Nhưng nếu cơ nguy đó chỉ hăm dọa sự an toàn tính mạng của các nhà khảo cổ và gia đình họ mà thôi, thì điều mà tôi muốn nói đây không có quan trọng lắm. Trái lại, vấn đề này có liên hệ đến sự an toàn của toàn thể thế giới.

"Đó là vì trong số những ngôi mộ của các nhân vật quyền quý và tăng lữ mà người ta khai quật lên, có những mồ mả được đặt dưới sự giữ gìn và bảo vệ nói trên. Từ trong các ngôi mộ đó, hằng hà sa số những âm binh ác quỷ bị giam hãm trong ấy từ lâu, bèn kéo ra tràn đầy khắp nơi ở cõi hạ giới. Mỗi xác ướp được bốc ra và chở vào những viện bảo tàng bên âu Mỹ có mang theo các vị thần linh cùng với cái ảnh hưởng khốc hại của nó. Điều đó chỉ có thể đem đến cho thế giới những hậu quả tai hại, hậu quả với những tính chất khác nhau, thậm chí có thể gây một ảnh hưởng phá hoại đối với các vận mệnh các quốc gia. Những người Tây phương vì không có phương pháp tự vệ chống lại nên đành chịu bất lực trước những kẻ vô hình đó.

"Khi thế giới chúng ta hiểu rằng có nhiều thần linh hung ác bị nhốt trong những ngôi mộ cổ, thì chừng đó có thể là quá trễ. Vì lúc đó tất cả các mồ mả đều đã bị khai quật và những hung thần ác quỷthoát ra khỏi mồ. Chúng có thể gây nhiều điều tác hại cho thế gian, và ngoài ra chúng ta còn gây nên những vụ phản bội trên lĩnh vực quốc tế. Sự mù quáng của con người đối với những luật thiên nhiên không vì thế mà không đem lại sự đau khổ cho những kẻ vi phạm. Không biết gì về những mảnh lực khốc hại của khoa pháp môn phù thủy, không phải là một lý do để tránh cho thế kỷ này tránh khỏi cái hậu quả trừng phhạt dành vho những kẻ đột nhập vào những chốn thâm nghiêm, một hành động tòmò không cần thiết chút nào cho họ.

"Những hung thần ác quỷđó, được tạo nên bằng phương pháp phù thủy, đã được giải tỏa trong thế kỷ hiện tại một số khá đông để gây nên sự khủng hoảng cho thế giới. Chúng hành động từ cõi giới vô hình, nhưng cũng rất gần với cõi hạ giới để ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống trực tiếp của người trần gian. Chúng tôi là những người chăm lo săn sóc cho sự tiến hóa tâm linh của nhân loại, có thể triệt hạ những mảnh lực hắc ám đó trên địa hạt của chúng, nhưng luật thiên nhiên không cho phép chúng tôi tiêu diệt chúng, cũng như chúng tôi không thể trừ khử những người trong nhân loại mà chúng tôi biết là tối nguy hiểm cho kẻ khác. Quyền năng của chuyíng tôi chỉ giới hạn trong việc che chở những người hoặc những cơ quan tốt lành dưới sự bảo vệ đặc biệt của họ.

"Những vật gì mà người ta lấy ra từ trong các ngôi mộ cổ cùng với những xác ướp, vàng ngọc, bùa chú, y phục... đều có thấm nhuần cái ảnh hưởng thần bí của ngôi mộ. Nếu ảnh hưởng đó không phải do người ta đã dùng phù phép trấn ếm quỷthần thì việc khai quật mồ mả không có hậu quả gì, còn nếu ngôi mộ có thần linh giữ gìn thì việc đào mồ cướp của sẽ gây nên tai họa hiểm nghèo. Những nhà khảo cổ và Ai Cập học trái lại, thường không biết rõ điều đó và không biết phân biệt những ngôi mộ nào là có phù phép trấn ếm và ngôi mộ nào là không, nên họ khai quật luôn cả thứ nọ cũng như thứ kia. Dầu người ta có biết hay không, tôi cũng đưa ra cho thế giới cái thông điệp này là "Chớ nên động chạm đến các ngôi mộ cổ mà người ta không hiểu tính chất hiển linh huyền bí của nó. " Người đời phải dừng tay lại không nên khai quật mồ mả, cho đến khi nào họ có được sự hiểu biết đầy đủ để nhận định những hậu quả khốc hại của điều mà họ định làm.

"Phần nhiều các vị vua chúa Ai Cập đều có ít nhiều quyền pháp thần thông, với những ý đồ tốt hoặc xấu, vì họ được các vị tăng lữ pháp sư truyền dạy cho họ.

"Lúc đầu, người ta chỉ dùng một những phép thuật thần thông để tự vệ hoặc để trừ gian và bênh vực kẻ

yếu, nhưng khi xứ Ai Cập đã mất đi những lý tưởng cao thượng của nó, thì người ta bắt đầu lạm dụng những pháp thuật này. Chẳng hạn nhà phù thủy dùng tà thuật để ám hại kẻ thù ở cách xa, hoặc chế nhự, khuất phục người khác để thực hiện những tham vọng cá nhân của mình, hoặc để giúp cho thân chủ của y. Người ta đã dùng những pháp thuật thần thông đó để sai khiến âm binh canh gác và giữ mồ.

"Việc khai quật những ngôi mộ cổ ở Ai Cập có thể đặt kẻ vi phạm dưới những ảnh hưởng khốc hại của những mảnh lực huyền bí vô hình. Dẫu cho đó là ngôi mộ của một vị hiền minh và có pháp thuật thần thông cao cường, thì thế gian cũng có thể bị ảnh hưởng lây và chịu sự trừng phạt đau khổ vì đã làm động mồ mả của một linh hồn tiến hóa. Tuy nhiên, những đồ bảo vật bị lấy trộm ở ngôi mộ đó sẽ không gây hậu quả tai hại, mà trái lại có một ảnh hưởng tốt lành. Nhưng nếu người sở hữu bảo vật ấy có một tâm địa bất hảo, thì họ sẽ không thừa hưởng được một ân huệ tốt lành nào cả, mà ân huệ này dành cho những người hiền lành và có tâm địa thanh cao. Đó là do ảnh hưởng tâm linh trường cửu lâu bền của một vị vua đạo đức có một tâm hồn cao quý hồi thuở sinh tiền. Vua Toutankhamon là một trường hợp tiêu biểu cho những vị vua đó. Người có một sự hiểu biết thâm sâu về khoa huyền môn và một tâm hồn đạo đức. Sự khai quật ngôi mộ của vị vua này đã gây tai họa cho những người đào mồ và bằng một cách khó hiểu, cho cả thế giới bên ngoài. Trong những năm tới đây, thế giới còn phải đau khổ nhiều và phải chịu hậu quả của những sự xúc phạm mồ mả của những bậc tiền nhân thời cổ Ai Cập. Tuy nhiên, những sự khó khăn về vật chất sẽ đưa đến một sự lợi ích về tinh thần.

"Bởi đó, tôi lập lại, những người muốn tìm kho tàng ẩn dấu, hoặc do một sự thúc đẩy của tò mò quá đáng hơn là một tinh thần khảo cứu khoa học thật sự, mà muốn thám hiểm vào tận những nơi cổ kính phù phép trấn ếm linh thiêng, sẽ không tránh khỏi tai họa hiểm nghèo. Ở bên Tây Tạng là nơi có những ngôi mộ ẩn dấu của những vị Lạt Ma thời xưa, người ta hiểu tại sao dân chúng không chịu để cho người ngoại chủng đột nhập vào xứ của họ. Nhưng ngày nào mà người ta được phép đến gần để viếng thăm hay để chiêm ngưỡng những ngôi mộ đó, thì những kẻ nào làm kinh động đến mồ mả sẽ mắc phải những tai họa khôn lường.

"Hồi thời thượng cổ, trung tâm chánh yếu của khoa pháp môn phù thủy vẫn là Ai Cập. Xứ ấy vượt hẳn cả Ấn Độ về chánh đạo lẫn bàng môn, nghĩa là những pháp môn chân chánh giúp đời hay những tà thuật hại người. Ngày nay những sức mạnh thần bí đã được phát động trong quá khứ, hãy còn ảnh hưởng đến dân tộc và xứ sở Ai Cập, và hậu quả có khi lành khi dữ. Hậu quả đó có thể là những bệnh tật, chẳng hạn như bệnh ung nhọt lở loét, một hậu quả của những mảnh lực phù phép tà vạy luôn luôn hành động trong xứ và ảnh hưởng đến những người dân Ai Cập thời bấy giờ.

"Vậy ông hãy ghi chép và truyền bá những lời cảnh cáo này. Bây giờ ông đã hiểu lý do của sự gặp gỡ của chúng ta. Dẫu cho chúng ta có bị sự chống đối, khinh bị do sự dốt nát vô minh của người đời, ta cũng làm xong bổn phận của mình, bổn phận của tôi, và nếu ông muốn, cả bổn phận của ông. Định luật thiên nhiên vốn không tha thứ sự vô minh, dốt nát, nhưng trong vấn đề này, thậm chí đến cái lý lẽ đó người ta cũng không được viện ra để tự bào chữa cho mình. "

Thông điệp của chân sư Ramak Hotep đã chấm dứt. Tôi đã ghi chép lại đúng nguyên văn và trình bày nơi quyển sách này.

Chân sư còn gặp tôi nhiều lần khác, kế đó tôi tiếp tục cuộc hành trình xa hơn về phía Nam. Trong mỗi lần gặp gỡ như thế, Chân sư đều có cho tôi biết thêm những tài liệu liên quan đến cái cơ quan huyền bí mà ngài có dự phần. Một ngày nọ, tôi có dịp đề cập đến vài kinh nghiệm của tôi ở Ấn Độ mà tôi có dịp nghe một đạo sĩ trẻ nói rằng thầy y đã có hơn bốn trăm tuổi. Chân sư Ramak Hotep trịnh trọng đưa ra một lời quả quyết lạ lùng và khó tin: Vài vị Chân sư đã từng sống từ thời cổ Ai Cập cho đến nay!

Tôi vẫn không quên những tiếng kêu ngạc nhiên mà tôi đã thốt ra khi tôi nghe ngài nói như vậy. Dị

nhân quả quyết rằng thể xác của vị Chân sư nói trên nằm yên trong trạng thái xuất thần ở tận dưới đáy các ngôi mộ chưa được khám phá, và khoa khảo cổ của thế gian không bao giờ phát hiện được. Ngài giải thích cho tôi nghe rằng:

- "Những ngôi mộ của đấng Chân sư cao cả được giữ gìn vô cùng bí mật đến nỗi những kẻ đào mồ không bao giờ tìm thấy được. Đó không phải là mồ mả của những người chết mà là của người sống. Những mồ mả đó không chứa đựng những xác ướp, mà chứa đựng thể xác của các vị Chân sư nằm trong một trạng thái đặc biệt mà danh từ xuất thần cũng chỉ diễn tả một cách gần đúng mà thôi. Ông đã nhận thấy rằng bên Ấn Độ các nhà thuật sĩ fakir tự để cho người ta chôn sống trong một thời gian, trong khi đó thể xác của họ nằm trong trạng thái hôn mê, xuất thần.

"Sự hoạt động của bộ máy hô hấp đã hoàn toàn ngưng hẳn trong khi đem chôn sống. Trạng thái của các vị Chân sư Ai Cập cũng giống như vậy một phần nào, nhưng bản lĩnh của các ngài còn cao xa hơn nhiều, vì các ngài vẫn giữ cho thể xác còn sống trong khi xuất thần, và kéo dài đến nhiều ngàn năm.

"Hơn nữa, giữa các ngài và những nhà thuật sĩ Ấn Độ có một sự khác biệt rất lớn. Những nhà thuật sĩ đó rơi vào một trạng thái hoàn toàn vô ý thức trong khi bị chôn sống, họ không nhớ gì cả cho đến khi thức tỉnh. Trái lại những vị Chân sư Ai Cập vẫn hoàn toàn có ý thức khi ngồi trong ngôi mộ, thể xác của các ngài nằn trong cơn mê thiếp nhưng tinh thần thì vẫn tự do hoạt động. Ở Ấn Độ, ông đã đến viếng "Người tu sĩ suốt đời không nói" ở gần Madras. Lần đầu tiên, ông thấy y trong cơn đại định xuất thần, thân mình không cử động, xem dường như một xác chết. Nhưng trong khi đótinh thần y vẫn tỉnh táo vì khi ông đến lần thứ hai, không những y biết rõ những gì xảy ra trong lần viếng thăm đầu tiên, mà còn phản đối việc ông đã định chụp ảnh y. Trong cơn xuất thần, người tu sĩ ấy vẫn hoạt động trên lĩnh vực tâm linh và ngay trên cả địa hạt hồng trần bằng cách sử dụng một thể tinh anh như chất dĩ thái. Các vị Chân sư Ai Cập được đem chôn sống cũng ở trong một tình trạng tương tự, thể xác của các ngài nằm trong một trạng thái đại định còn thâm sân hơn nhiều. Trong khi đó, tinh thần các ngài vẫn tự do di chuyển, ngao du các cõi, và tư tưởng, cảm nghĩ một cách hoàn toàn ý thức. Các ngài có cái đặc quyền đi lại và hoạt dộng trong cả hai cõi giới, cõi giới vật chất và cõi giới tâm linh.

"Thể xác của ngài được ẩn dấu trong các ngôi mộ bất khả xâm phạm, trongkhi chờ đợi linh hồn các ngài trở về. Thật vậy một ngày kia, linh hồn các ngài sẽ trở về nhập vào thể xác nằm yên bất động, và sẽ xuất hiện trở lại ở cõi thế gian. Phương pháp làm cho các ngài hồi sinh trở lại phải được thực hiện bởi những người có đầy đủ bản lĩnh và thấu triệt những pháp môn cần thiết. Một trong những phương pháp đó là đọc những câu chân ngôn bí mật. Có điều lạ là thể xác các ngài chỉ ướp ở bề ngoài cho có lệ mà thôi, sau khi đã được bọc vải trắng và đặt trong hòm đựng xác ướp. Tuy nhiên, những thể xác đó khác hẳn với những xác ướp khác ở chỗ còn nguyên vẹn và quả tim chưa lấy ra. Tất cả những bộ phận trong ngũ tạng còn y nguyên, chỉ từ cái bao tử đã xẹp xuống, vì các ngài không còn ăn uống gì kể từ lúc xuất thần đại định. Một điểm khác nữa là các vị Chân sư đều có bao phủ gương mặt và toàn thân với một lớp sáp khi cơn đại định bắt đầu.

"Những ngôi mộ của các ngài được giữ kín, che dấu cẩn mật và chỉ có rất ít. Đó là vì những đấng chân sư ở cấp đẳng rất cao mới có thể bước vào trạng thái đó và không phải vị chân sư nào cũng chịu làm như vậy. Trạng thái xuất thần đại định của các ngài khác hẳn với trạng thái của những người đồng tử (medium) và những người chịu phép thôi miên. Thật ra có những trình độ đại định thâm sâu đến nổi những nhà khảo cứu hiện đại không thể thăm dò đến chỗ rốt ráo cùng tận. Những kết quả mà họ thâu thập được hãy còn rất nông cạn, so với trạng thái xuất thần đại định thâm sâu độc đáo của những vị Chân sư Ai Cập trong khi chôn sống. Những vị Chân sư này trong khi yên nghỉ dưới mồ, thật ra vẫn luôn luôn hoạt động ráo riết không ngừng.

"Một vị Chân Sư đã bị chôn sống từ năm 260 trước Thiên Chúa kỷ nguyên, một vị khác được hạ nguyệt

từ trên 3, 000 năm trước thiên Chúa kỷ nguyên, một vị khác nữa từ trên 10, 000 năm nay! Tất cả những vị này đều vẫn hoạt động rất tích cực và trong vòng bí mật cho sự hạnh phúc và tiến hóa tâm linh của nhân loại. Các ngài vẫn biết rõ những việc gì xảy ra trên thế giới, tuy rằngthể xác các ngài vẫn nằm yên dưới mồ. Đó là những người Toàn Thiện. Thể xác của các ngài đã trở nên bất khả xâm phạm, không một loài côn trùng sâu bọ nào có thể động đến, do bởi những nguồn thần lực mạnh kinh khủng toát ra từ toàn thân của các ngài.

Ngoài ra các ngài còn luôn luôn tiếp xúc bằng thần giao cách cảm với những vi Chân sư khác đang sống hiện nay, chính những vị này cũng có một phần thể xác sinh hoạt như người thường. Những kho tàng tâm linh quý báu do các vị Chân sư Ai Cập gìn giữ từ thời cổ xưa sẽ được lưu truyền lại cho hậu thế, khi nào có một vị Chân sư của thời buổi hiện đại biết phép hành lễ để kêu gọi những vị tiền bối thức tỉnh và hồi sinh trở lại, khi ngày giờ đã điểm.